

Số: 19/2023/CBTT-CMH

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GD&ĐT HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam
 - Mã chứng khoán: CMS
 - Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà Văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
 - Điện thoại liên hệ: 0243 573 8555
 - E-mail: info@cmvietnam.vn Website: cmvietnam.vn
 - Loại công bố thông tin: Định kỳ Bất thường 24h Theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố:

Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam.

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: <http://cmvietnam.vn/quan-he-co-dong/tai-lieu-danh-cho-co-dong-khach-hang>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu VT.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC

Hàm Ngọc Nhân

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam ngày 28/04/2023;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam ngày 28/04/2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua toàn văn Báo cáo của Hội đồng Quản trị năm 2022 và kế hoạch năm 2023

Điều 2. Thông qua toàn văn Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc năm 2022 và kế hoạch năm 2023

Điều 3. Thông qua toàn văn Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán năm 2022 và kế hoạch năm 2023

Điều 4. Thông qua Kết quả kinh doanh, cổ tức năm 2022 và Kế hoạch kinh doanh, dự kiến cổ tức năm 2023 với một số chỉ tiêu chính như sau:

4.1. Thông qua kết quả kinh doanh và cổ tức năm 2022 với một số chỉ tiêu chính sau:

DVT: 1.000 đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022		
		Kế hoạch (KH)	Thực hiện (TH)	% TH/KH
1	Doanh thu bán hàng	181.888.422	160.239.540	88%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	619.607	914.199	148%
3	Cổ tức	0%	0%	

4.2. Thông qua kế hoạch kinh doanh và dự kiến cổ tức năm 2023 với một số chỉ tiêu chính sau:

DVT: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Doanh thu bán hàng	79.423.195
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	2.345.411
3	Cổ tức	0,00%

Điều 5. Thông qua toàn văn Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 (chi tiết theo Tờ trình số 02/2023/TTr-HĐQT-CMH ngày 28/04/2023 của Hội đồng quản trị về việc Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022).

Điều 6. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023, cụ thể như sau:

Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 được lựa chọn là:

Tên công ty: Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội

Địa chỉ: 40, đường Giảng Võ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điều 7. Thông qua Kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ và Báo cáo sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ (chi tiết theo Tờ trình số 04/2023/TTr-HDQT-CMH ngày 28/04/2023 của Hội đồng quản trị về việc thông qua Kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ và Báo cáo sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ)

Điều 8. Thông qua Điều lệ Công ty sửa đổi

Điều 9. Thông qua Quy chế Quản trị nội bộ Công ty sửa đổi

Điều 10. Thông qua Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Điều 11. Thông qua danh sách thành viên HDQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 gồm các Ông/Bà có tên sau đây:

STT	Họ và tên	Vị trí trúng cử
1	Ông Nguyễn Đức Hương	Thành viên HDQT
2	Ông Phạm Minh Phúc	Thành viên HDQT
3	Ông Kim Ngọc Nhân	Thành viên HDQT
4	Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Thành viên HDQT độc lập
5	Ông Nguyễn Hoàng Duy	Thành viên HDQT

Điều 12. Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam thông qua toàn văn tại cuộc họp. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng/Ban liên quan căn cứ Nghị quyết này để triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- HNX, SSC & website;
- Như Điều 12;
- Lưu VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



Phạm Minh Phúc

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

- Tên Doanh nghiệp:** Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (CMH Group)
- Địa chỉ:** Tầng 12, Tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
- Mã số Doanh nghiệp:** 0102307343 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/07/2007, thay đổi lần thứ 18 ngày 02/08/2022
- Thời gian họp:** Bắt đầu từ 09h00 ngày 28/04/2023
Kết thúc hồi 12h15 ngày 28/04/2023
- Địa điểm:** Tầng 12, Tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Thành phần tham dự:

- Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tên trong danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền bỏ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng 28/03/2023 được lập bởi Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (Sau đây gọi là “Cổ đông tham dự Đại hội”)
- Thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT)
- Ban Tổng Giám đốc
- Khách mời của Đại hội

A. THỦ TỤC ĐẠI HỘI

I. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:

Ban kiểm tra tư cách cổ đông công bố Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (“**Đại hội**”) tại thời điểm 9h00 phút như sau:

Tổng số cổ đông tham dự và thông qua người đại diện theo ủy quyền hợp lệ tham dự Đại hội là: 39 cổ đông (trong đó: 13 cổ đông tham dự trực tiếp, 26 cổ đông ủy quyền) đại diện cho 18.669.431 cổ phần, chiếm tỷ lệ 73,35% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông (*Danh sách cổ đông tham dự DHĐCĐ thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam đính kèm*).

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ CMH Group, Đại hội đã đủ điều kiện tiến hành.

II. Đoàn Chủ tịch và Chủ tọa Đại hội đã được Đại hội đề cử và biểu quyết thông qua với tỷ lệ tán thành 100%, bao gồm các Ông/Bà có tên sau:

- Ông Phạm Minh Phúc Chức vụ: Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa Đại hội
- Ông Kim Ngọc Nhân Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Phi Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

III. Ban Thư ký đã được Đại hội đề cử và biểu quyết thông qua với tỷ lệ tán thành 100%, bao gồm các Ông/Bà có tên sau:

- Bà Đinh Thị Thủy Chức vụ: Trưởng Ban
- Ông Phạm Thế Phương Chức vụ: Thành viên

IV. Ban Kiểm phiếu đã được Đại hội đề cử và biểu quyết thông qua với tỷ lệ tán thành 100%, bao gồm các Ông/Bà có tên sau:

- Ông Nguyễn Đức Quang Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm phiếu
- Bà Dương Thị Ngọc Chức vụ: Thành viên
- Bà Ngô Thị Trang Chức vụ: Thành viên

V. Cập nhật kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:

Ban tổ chức cập nhật kết quả kiểm tra tư cách cổ đông đến thời điểm 09 giờ 30 phút ngày 28/04/2023. Tổng số cổ đông tham dự và thông qua người đại diện theo ủy quyền hợp lệ tham dự ĐHĐCĐ là: 39 cổ đông (trong đó: 13 cổ đông tham dự trực tiếp, 26 cổ đông ủy quyền) đại diện cho 18.669.431 cổ phần, chiếm tỷ lệ 73,35% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

B. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

I. Thông qua nội dung Chương trình họp:

1. Quy chế tổ chức Đại hội, Thê lệ biểu quyết và Quy chế bầu cử thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023 – 2028 đã được Đại hội thông qua bằng phương thức biểu quyết giơ thẻ biểu quyết tại chỗ với tỷ lệ tán thành là 100% tổng số cổ đông tham gia biểu quyết tại Đại hội.
2. Chương trình Đại hội (Tài liệu kèm theo) đã được Đại hội thông qua bằng phương thức biểu quyết giơ thẻ biểu quyết tại chỗ với tỷ lệ tán thành là 100% tổng số cổ đông tham gia biểu quyết tại Đại hội.

II. Trình bày các Báo cáo và tờ trình tại Đại hội:

1. Ông Kim Ngọc Nhân – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc trình bày:

Báo cáo của Hội đồng Quản trị năm 2022 và kế hoạch năm 2023 (Báo cáo đính kèm).

2. Ông Nguyễn Văn Phi – Phó Tổng Giám đốc trình bày:

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc năm 2022 và kế hoạch năm 2023 (Báo cáo đính kèm).

3. Ông Phạm Minh Phúc – Chủ tịch HĐQT/ thành viên Ủy ban Kiểm toán trình bày:

Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán năm 2022 và kế hoạch năm 2023 (Báo cáo đính kèm).

4. Ông Nguyễn Văn Phi – Phó Tổng Giám đốc trình bày:

- (i) Tờ trình thông qua Kết quả kinh doanh, cổ tức năm 2022 và Kế hoạch kinh doanh, dự kiến cổ tức năm 2023 (Tờ trình đính kèm).
- (ii) Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty và phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 (Tờ trình đính kèm).
- (iii) Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 (Tờ trình đính kèm).
- (iv) Tờ trình thông qua Kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ và Báo cáo sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ (Tờ trình đính kèm).
- (v) Tờ trình phê duyệt Điều lệ Công ty sửa đổi, Quy chế Quản trị nội bộ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị (Tờ trình đính kèm).

III. Trao đổi và thảo luận:

Sau khi nghe các Báo cáo và Tờ trình, Đại hội đã dành thời gian để cùng thảo luận, lắng nghe các ý kiến trao đổi, đóng góp từ các cổ đông. Thay mặt HĐQT, ông Phạm Minh Phúc đã trả lời các câu hỏi của cổ đông về nội dung các Báo cáo. Tờ trình đã được trình bày tại Đại hội.

IV. Bầu cử, biểu quyết và công bố kết quả:

1. Trưởng ban kiểm phiếu cập nhật kết quả kiểm tra tư cách cổ đông đến thời điểm 10 giờ 30 phút như sau:

Tổng số cổ đông tham dự và thông qua người đại diện theo ủy quyền hợp lệ tham dự ĐHĐCĐ là: 39 cổ đông (trong đó: 13 cổ đông tham dự trực tiếp, 26 cổ đông ủy quyền) đại diện cho 18.669.431 cổ phần, chiếm tỷ lệ 73,35% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trưởng ban kiểm phiếu hướng dẫn Đại hội cách thức bầu thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023-2028 và biểu quyết thông qua các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội.

3. Đại hội tiến hành bỏ phiếu.

4. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội với kết quả như sau:

Tổng số phiếu biểu quyết phát ra: 14 phiếu, Đại diện cho: 18.669.431 quyền biểu quyết

Tổng số phiếu biểu quyết thu về: 14 phiếu, Đại diện cho: 18.669.431 quyền biểu quyết

Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 14 phiếu, Đại diện cho: 18.669.431 quyền biểu quyết

Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu

Kết luận: Theo kết quả kiểm phiếu các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội đã được Đại hội thông qua.

5. Ban kiểm phiếu đã tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu bầu cử thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023-2028 với kết quả như sau:

Tổng số danh sách thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023-2028 là 05 người, trong đó có 01 người là thành viên HĐQT độc lập.

Danh sách ứng viên thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023-2028 được Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ tán thành là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội gồm các ông/bà có tên sau đây:



STT	Họ và tên	Vị trí ứng cử	Ngày sinh
1	Ông Nguyễn Đức Hương	Thành viên HĐQT	07/07/1962
2	Ông Phạm Minh Phúc	Thành viên HĐQT	28/09/1977
3	Ông Kim Ngọc Nhân	Thành viên HĐQT	02/11/1974
4	Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Thành viên HĐQT độc lập	20/07/1972
5	Ông Nguyễn Hoàng Duy	Thành viên HĐQT	30/11/1991

Tổng số phiếu bầu cử phát ra: 14 phiếu, Đại diện cho: 93.347.155 quyền bầu cử

Tổng số phiếu bầu cử thu về: 14 phiếu, Đại diện cho: 93.347.155 quyền bầu cử

Tổng số phiếu bầu cử hợp lệ: 14 phiếu, Đại diện cho: 93.347.155 quyền bầu cử

Tổng số phiếu bầu cử không hợp lệ: 0 phiếu

Kết quả bầu cử như sau:

STT	Ứng viên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ %
1	Ông Nguyễn Đức Hương	93.347.155	100%
2	Ông Phạm Minh Phúc	92.122.155	98,69%
3	Ông Kim Ngọc Nhân	92.122.155	98,69%
4	Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	92.122.155	98,69%
5	Ông Nguyễn Hoàng Duy	92.122.155	98,69%

Kết luận: Theo kết quả kiểm phiếu, các Ông/Bà có tên sau đây đã trúng cử thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023-2028:

STT	Họ và tên	Vị trí ứng cử	Ngày sinh
1	Ông Nguyễn Đức Hương	Thành viên HĐQT	07/07/1962
2	Ông Phạm Minh Phúc	Thành viên HĐQT	28/09/1977
3	Ông Kim Ngọc Nhân	Thành viên HĐQT	02/11/1974
4	Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Thành viên HĐQT độc lập	20/07/1972
5	Ông Nguyễn Hoàng Duy	Thành viên HĐQT	30/11/1991

6. Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội được lập hồi 11 giờ 00 phút và được Ông Nguyễn Đức Quang - Trưởng Ban kiểm phiếu đọc trước Đại hội. (Biên bản kiểm phiếu đính kèm)
7. Báo cáo kết quả kiểm phiếu bầu cử thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023-2028 được lập hồi 11 giờ 15 phút và được Ông Nguyễn Đức Quang - Trưởng Ban kiểm phiếu đọc trước Đại hội. (Biên bản kiểm phiếu đính kèm)

8. Báo cáo kết quả kiểm phiếu được Đại hội thông qua bằng phương thức biểu quyết tại chỗ bằng Thẻ biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

V. Các nội dung đã được thông qua tại Đại hội:

1. Thông qua toàn văn Báo cáo của Hội đồng Quản trị năm 2022 và kế hoạch năm 2023

Tỷ lệ biểu quyết tán thành thông qua: Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 18.424.431 phiếu, chiếm 98,69 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

2. Thông qua toàn văn Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc năm 2022 và kế hoạch năm 2023

Tỷ lệ biểu quyết tán thành thông qua: Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 18.424.431 phiếu, chiếm 98,69 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

3. Thông qua toàn văn Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán năm 2022 và kế hoạch năm 2023

Tỷ lệ biểu quyết tán thành thông qua: Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 18.424.431 phiếu, chiếm 98,69 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

4. Thông qua Kết quả kinh doanh, cổ tức năm 2022 và Kế hoạch kinh doanh, dự kiến cổ tức năm 2023 theo Tờ trình số 01/2023/TTr-HĐQT-CMH ngày 28/04/2023 của Hội đồng quản trị

Tỷ lệ biểu quyết tán thành thông qua: Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 18.328.831 phiếu, chiếm 98,18 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

5. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Tờ trình số 02/2023/TTr-HĐQT-CMH ngày 28/04/2023 của Hội đồng quản trị

Tỷ lệ biểu quyết tán thành thông qua: Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 18.083.831 phiếu, chiếm 96,86 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

6. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 theo Tờ trình số 03/2023/TTr-HĐQT-CMH ngày 28/04/2023 của Hội đồng quản trị

Tỷ lệ biểu quyết tán thành thông qua: Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 18.424.431 phiếu, chiếm 98,69 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

7. Thông qua Kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ và Báo cáo sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Tờ trình số 04/2023/TTr-HĐQT-CMH ngày 28/04/2023 của Hội đồng quản trị

Tỷ lệ biểu quyết tán thành thông qua: Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 18.083.831 phiếu, chiếm 96,86 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

8. Thông qua Điều lệ Công ty sửa đổi

Tỷ lệ biểu quyết tán thành thông qua: Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 18.424.431 phiếu, chiếm 98,69 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

9. Thông qua Quy chế Quản trị nội bộ Công ty sửa đổi



Tỷ lệ biểu quyết tán thành thông qua: Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 18.328.831 phiếu, chiếm 98,18 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

H0. Thông qua Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Tỷ lệ biểu quyết tán thành thông qua: Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 18.328.831 phiếu, chiếm 98,18 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

H1. Bầu thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023 – 2028 gồm các Ông/Bà có tên sau đây:

STT	Họ và tên	Vị trí trúng cử	Số phiếu bầu	Tỷ lệ %
1	Ông Nguyễn Đức Hương	Thành viên HĐQT	93.347.155	100%
2	Ông Phạm Minh Phúc	Thành viên HĐQT	92.122.155	98,69%
3	Ông Kim Ngọc Nhân	Thành viên HĐQT	92.122.155	98,69%
4	Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Thành viên HĐQT độc lập	92.122.155	98,69%
5	Ông Nguyễn Hoàng Duy	Thành viên HĐQT	92.122.155	98,69%

C. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Bà Đinh Thị Thủy – Trưởng Ban Thư ký thay mặt Ban Thư ký Đại hội đọc toàn văn Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ đã được ĐHĐCĐ thông qua và biểu quyết nhất trí với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Biên bản này được lập vào hồi 12h15 phút ngày 28/04/2023.

Chủ tọa và Thư ký Đại hội cam kết về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản này và ký tên dưới đây:

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Đinh Thị Thủy



Phạm Minh Phúc

Danh mục tài liệu đính kèm:

- Tờ trình số 01/2023/TTr-HĐQT-CMH
- Tờ trình số 02/2022/TTr- HĐQT-CMH
- Tờ trình số 03/2022/TTr- HĐQT-CMH
- Tờ trình số 04/2022/TTr- HĐQT-CMH
- Tờ trình số 05/2022/TTr- HĐQT-CMH
- Báo cáo của HĐQT
- Báo cáo của Ban TGD
- Báo cáo của UBKT
- Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông
- Biên bản kiểm phiếu (02 biên bản)
- Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2023
- Thẻ lệ biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2023
- Quy chế bầu cử thành viên HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên 2023

Số: 01 /2023/BBKP-ĐHĐCD-CMH

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

**Kết quả biểu quyết các nội dung thảo luận tại ĐHĐCD thường niên năm 2023
Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam**

Vào lúc 11 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 04 năm 2023, tại Trụ sở chính Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam – Tầng 12, Tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Ban kiểm phiếu biểu quyết các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (say đây gọi là: “Công ty”) chúng tôi gồm có:

- | | | |
|----|----------------------|-----------------|
| 1. | Ông Nguyễn Đức Quang | Trưởng ban |
| 2. | Bà Ngô Thị Trang | Thành viên số 1 |
| 3. | Bà Dương Thị Ngọc | Thành viên số 2 |

Đã tiến hành kiểm phiếu kết quả biểu quyết các nội dung tại ĐHĐCD thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam, kết quả kiểm phiếu như sau:

Tổng số phiếu biểu quyết phát ra: 14 phiếu, Đại diện cho: 18.669.431 quyền biểu quyết

Tổng số phiếu biểu quyết thu về: 14 phiếu, Đại diện cho: 18.669.431 quyền biểu quyết

Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 14 phiếu, Đại diện cho: 18.669.431 quyền biểu quyết

Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu

Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

Nội dung 1: Thông qua toàn văn Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2022 và kế hoạch năm 2023

Stt	Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Tán thành	18.424.431	98,69%
2	Không tán thành	0	0%
3	Không có ý kiến	245.000	1,31%
Tổng cộng		18.669.431	100%

Kết luận : Nội dung được thông qua.

Nội dung 2: Thông qua Báo cáo của Ban Tổng giám đốc năm 2022 và kế hoạch năm 2023

Stt	Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Tán thành	18.424.431	98,69%
2	Không tán thành	0	0%
3	Không có ý kiến	245.000	1,31%
Tổng cộng		18.669.431	100%

Kết luận : Nội dung được thông qua.

Nội dung 3: Thông qua Báo cáo của Ủy ban kiểm toán năm 2022 và kế hoạch năm 2023

Stt	Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Tán thành	18.424.431	98,69%
2	Không tán thành	0	0%
3	Không có ý kiến	245.000	1,31%
Tổng cộng		18.669.431	100%

Kết luận : Nội dung được thông qua.

Nội dung 4: Thông qua Kết quả kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch kinh doanh năm 2023

Stt	Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Tán thành	18.328.831	98,18%
2	Không tán thành	0	0%
3	Không có ý kiến	340.600	1,82%
Tổng cộng		18.669.431	100%

Kết luận : Nội dung được thông qua.

Nội dung 5: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty và phương án phân phối lợi nhuận năm 2022

Stt	Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Tán thành	18.083.831	96,86%
2	Không tán thành	585.600	3,14%
3	Không có ý kiến	0	0%
Tổng cộng		18.669.431	100%

Kết luận : Nội dung được thông qua.

Nội dung 6: Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022

Stt	Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Tán thành	18.424.431	98,69%
2	Không tán thành	0	0%
3	Không có ý kiến	245.000	1,31%
Tổng cộng		18.669.431	100%

Kết luận : Nội dung được thông qua.

Nội dung 7: Thông qua Kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ và Báo cáo sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ trong năm 2022

Stt	Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Tán thành	18.083.831	96,86%
2	Không tán thành	0	0%
3	Không có ý kiến	585.600	3,14%
Tổng cộng		18.669.431	100%

Kết luận : Nội dung được thông qua.

Nội dung 8: Thông qua Điều lệ Công ty sửa đổi.

Stt	Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Tán thành	18.424.431	98,69%
2	Không tán thành	0	0%
3	Không có ý kiến	245.000	1,31%
Tổng cộng		18.669.431	100%

Kết luận : Nội dung được thông qua.

Nội dung 9: Thông qua Quy chế Quản trị nội bộ

Stt	Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Tán thành	18.328.831	98,18%
2	Không tán thành	0	0%
3	Không có ý kiến	340.600	1,82%



Stt	Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ %
	Tổng cộng	18.669.431	100%

Kết luận : Nội dung được thông qua.

Nội dung 10: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị

Stt	Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Tán thành	18.328.831	98,18%
2	Không tán thành	0	0%
3	Không có ý kiến	340.600	1,82%
	Tổng cộng	18.669.431	100%

Kết luận : Nội dung được thông qua.

Biên bản kiểm phiếu kết quả biểu quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam được lập xong lúc 11 giờ 00 phút cùng ngày.

Đại Hội đã biểu quyết thông qua biên bản kiểm phiếu với kết quả như sau:

Tổng số phiếu tán thành (Phiếu) : 18.669.431 phiếu
 Tổng số phiếu không tán thành (Phiếu) : 0 phiếu
 Tổng số phiếu có ý kiến khác (Phiếu) : 0 phiếu

Như vậy, Biên bản kiểm phiếu đã được ĐHĐCĐ thông qua với tỷ lệ tán thành 100%

Các thành viên ban kiểm phiếu ký xác nhận vào biên bản kiểm phiếu. Biên bản này được lập thành một (01) bản có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.


Biên bản kiểm phiếu được lưu trữ cùng Biên bản họp ĐHĐCĐ là một phần của tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.


Nơi nhận:
 - ĐHĐC
 Đ
 - Lưu VT


TRƯỞNG BAN

THÀNH VIÊN 1

THÀNH VIÊN 2


 ... Nguyễn Anh Hoàng ...


 ... Ngô Thị Trang ...


 ... Dương Thị Ngọc ...

Số: 02/2023/BBKP-ĐHĐCD-CMH

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
Kết quả bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị

Vào lúc 11 giờ 15 phút, ngày 28 tháng 04 năm 2023, tại Trụ sở chính Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam – Tầng 12, Tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Ban kiểm phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HDQT) tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (sau đây gọi là: “Công ty”) chúng tôi gồm có:

- Ông Nguyễn Đức Quang Trưởng ban
- Bà Ngô Thị Trang Thành viên số 1
- Bà Dương Thị Ngọc Thành viên số 2

Đã tiến hành kiểm phiếu bầu cử thành viên HDQT Công ty nhiệm kỳ 2023-2028 với kết quả kiểm phiếu như sau:

Danh sách người đề cử/ứng cử làm thành viên HDQT Công ty nhiệm kỳ 2023-2028 đã được ĐHĐCD nhất trí thông qua là:

STT	Họ và tên	Vị trí ứng cử	Ngày sinh
1	Ông Nguyễn Đức Hương	Thành viên HDQT	07/07/1962
2	Ông Phạm Minh Phúc	Thành viên HDQT	28/09/1977
3	Ông Kim Ngọc Nhân	Thành viên HDQT	02/11/1974
4	Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Thành viên HDQT độc lập	20/07/1972
5	Ông Nguyễn Hoàng Duy	Thành viên HDQT	30/11/1991

Tổng số phiếu bầu cử phát ra: 14 phiếu, Đại diện cho: 93.347.155 quyền bầu cử

Tổng số phiếu bầu cử thu về: 14 phiếu, Đại diện cho: 93.347.155 quyền bầu cử

Tổng số phiếu bầu cử hợp lệ: 14 phiếu, Đại diện cho: 93.347.155 quyền bầu cử

Tổng số phiếu bầu cử không hợp lệ: 0 phiếu

Kết quả kiểm phiếu cụ thể như sau:

STT	Ứng viên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ %
1	Ông Nguyễn Đức Hương	93.347.155	100%
2	Ông Phạm Minh Phúc	92.122.155	98,69%

STT	Ứng viên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ %
3	Ông Kim Ngọc Nhân	92.122.155	98,69%
4	Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	92.122.155	98,69%
5	Ông Nguyễn Hoàng Duy	92.122.155	98,69%

Với kết quả nêu trên, danh sách trúng cử thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023-2028 gồm các ông/bà có tên sau đây:

- 1 Ông Nguyễn Đức Hương
- 2 Ông Phạm Minh Phúc
- 3 Ông Kim Ngọc Nhân
- 4 Bà Nguyễn Thị Bích Lộc
- 5 Ông Nguyễn Hoàng Duy

Biên bản kiểm phiếu bầu cử thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023-2028 được lập xong lúc 11 giờ 15 phút cùng ngày.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua kết quả kiểm phiếu như sau:

Tổng số phiếu tán hành (Phiếu) : 93.347.155 phiếu
 Tổng số phiếu không tán hành (Phiếu) : 0 phiếu
 Tổng số phiếu có ý kiến khác (Phiếu) : 0 phiếu

Như vậy, Biên bản kiểm phiếu kết quả bầu cử thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023-2028 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua với tỷ lệ tán thành 100 %.

Các thành viên ban kiểm phiếu ký xác nhận vào biên bản kiểm phiếu. Biên bản này được lập thành một (01) bản có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

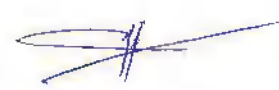
Biên bản kiểm phiếu được lưu trữ cùng Biên bản họp ĐHĐCĐ là một phần của tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.


Nơi nhận:
 - ĐHĐCĐ
 - Lưu VT


TRƯỞNG BAN

THÀNH VIÊN 1

THÀNH VIÊN 2


 Nguyễn Đức Hương


 Ngô Thị Trang


 Dương Phi Ngọc

Số: 01/2023/BBKTTC-CMH

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

BIÊN BẢN

**V/v: Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam;
- Căn cứ Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền bỏ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng 28/03/2023 được lập bởi Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

I. Thành phần Ban Kiểm tra tư cách cổ đông:

1. Ông Nguyễn Bá Trọng - Trưởng Ban
2. Ông Nguyễn Xuân Duy - Thành viên

II. Kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:

Tính đến 09 giờ 00 phút ngày 28/04/2023, tại Trụ sở chính Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam - Tầng 12, Tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (sau đây gọi là: "Công ty") như sau:

1. Vốn điều lệ của Công ty là 254.525.000.000 đồng, tương ứng với 25.425.500 cổ phần đang lưu hành với số lượng cổ đông là 863 (*).
2. Tổng số cổ đông tham dự và thông qua người đại diện theo ủy quyền hợp lệ tham dự ĐHĐCĐ là: 39 cổ đông (trong đó: 13 cổ đông tham dự trực tiếp, 26 cổ đông ủy quyền) đại diện cho 18.669.431 cổ phần, chiếm tỷ lệ 73,35% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông (Danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam đính kèm).

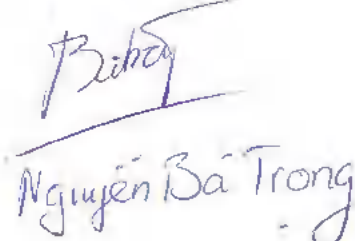
Theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam đủ điều kiện tiến hành.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT.

TM. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

TRƯỞNG BAN


Nguyễn Bá Trọng



NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Thời gian: Từ 9h00 sáng ngày 28 tháng 04 năm 2023

Địa điểm: Trụ sở chính của CMH Group tại tầng 12, Tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Thời gian	Nội dung dự kiến
8h30 - 9h00	- Tiếp đón, đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)
	- Kiểm tra tư cách cổ đông
	- Phát tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ
9h00 - 9h30	- Giới thiệu đại biểu, khách mời tham dự
	- Tuyên bố lý do, báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông
	- Biểu quyết thông qua: + Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam + Chương trình phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 + Nhân sự Đoàn Chủ tịch, Chủ tọa, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu + Thẻ lệ biểu quyết + Quy chế bầu cử Hội đồng Quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2023-2028
9h30 - 11h00	Thảo luận và thông qua các nội dung:
	- Báo cáo của HĐQT năm 2022 và Kế hoạch năm 2023
	- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc năm 2022 và kế hoạch năm 2023
	- Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán năm 2022 và kế hoạch năm 2023
	- Tờ trình thông qua Kết quả kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch kinh doanh năm 2023
	- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022
	- Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023
	- Tờ trình thông qua Báo cáo sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn Điều lệ Công ty năm 2022
	- Tờ trình phê duyệt Điều lệ Công ty sửa đổi, Quy chế Quản trị nội bộ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT
	- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ (nếu có)
11h00- 11h45	- ĐHĐCĐ biểu quyết và bầu cử
11h45 - 12h15	- Đại hội nghị giải lao
	- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu
12h15 - 12h30	- Báo cáo kết quả kiểm phiếu và bầu cử
	- Thông qua Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ
12h30	- Tổng kết, bế mạc Đại hội

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam;
- Căn cứ sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền bỏ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng 28/03/2023 được lập bởi Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

QUY ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định điều kiện, thể thức tiến hành, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ("**Đại hội**") của Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam ("**Công ty**").

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cổ đông, người đại diện được cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

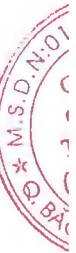
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội

3.1 Điều kiện tham dự

Là cổ đông có tên trong danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập tại ngày 30/03/2023 hoặc là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tên trong danh sách này tham dự Đại hội.

3.2 Quyền của cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội

- 3.2.1 Được trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền bằng văn bản theo mẫu của Công ty cho người khác thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.



- 3.2.2 Ban tổ chức Đại hội đã thông báo công khai toàn bộ nội dung chương trình họp Đại hội. Cổ đông/nhóm cổ đông có đủ điều kiện được quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 3.2.3 Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có quyền đưa ra ý kiến của mình về các nội dung của Đại hội tại phần thảo luận. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình phiên họp đã thông qua. Những vấn đề đã được phát biểu và giải đáp thì không phát biểu lại tránh trùng lặp. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền cũng có thể ghi nội dung câu hỏi vào Phiếu thảo luận và chuyển cho Ban Thư ký Đại hội.
- 3.2.4 Để đảm bảo thời gian và hiệu quả cho Đại hội, cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền muốn phát biểu phải đăng ký nội dung dự định phát biểu vào phiếu câu hỏi, chuyển đến Ban Thư ký Đại hội.
- 3.2.5 Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định tại Điều lệ Công ty. Mỗi cổ phần phổ thông tương ứng một phiếu biểu quyết.
- 3.2.6 Các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm đề cử và dồn phiếu bầu cho người do họ đề cử. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm.
- 3.2.7 Mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội khi tới tham dự Đại hội được nhận một Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử sau khi hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết bằng tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc số cổ phần mà cổ đông đó được đại diện theo ủy quyền (nếu có).
- 3.2.8 Tại Đại hội, các cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của các cổ đông tham dự Đại hội sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng nội dung bằng hình thức bỏ phiếu biểu quyết theo sự điều hành của Đoàn Chủ tịch và Ban Kiểm phiếu. Việc bầu thành viên HĐQT sẽ thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín và áp dụng phương pháp bầu dồn phiếu.
- 3.2.9 Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết đối với các nội dung chưa biểu quyết còn lại theo chương trình của Đại hội. Trong trường hợp này, Chủ tọa Đại hội không có trách nhiệm dừng Đại hội để cổ đông đăng ký và hiệu lực của các nội dung đã được Đại hội biểu quyết trước khi cổ đông này đến không bị ảnh hưởng.

3.3 Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội

3.3.1 Cổ đông dự họp phải mang theo các giấy tờ sau:

- Đối với cổ đông là cá nhân:
 - + Chứng minh nhân dân (CMND)/Thẻ căn cước công dân (CCCD) hoặc Hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng.

Trường hợp cổ đông là cá nhân ủy quyền cho người khác tham dự họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), người được ủy quyền phải mang theo:

- + Chứng minh nhân dân (CMND)/Thẻ căn cước công dân (CCCD) hoặc Hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng; và
- + Giấy ủy quyền hợp lệ theo đúng mẫu của Công ty.
- Đối với cổ đông là tổ chức:
 - + Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập (bản sao có chứng thực hợp lệ); và
 - + CMND/CCCD hoặc Hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật (bản gốc) còn thời hạn sử dụng.

Trường hợp cổ đông là tổ chức mà người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức đã ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội, người được ủy quyền tham dự xuất trình thêm

- + CMND/CCCD hoặc Hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng của người được ủy quyền;
 - + Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập (bản sao có chứng thực hợp lệ); và
 - + Giấy ủy quyền hợp lệ theo đúng mẫu và có dấu của Công ty.
- 3.3.2 Xuất trình đầy đủ các giấy tờ nêu trên cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội.
- 3.3.3 Trong thời gian tiến hành Đại hội, cổ đông phải tuân thủ theo sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội, ứng xử văn minh lịch sự, không gây mất trật tự.
- 3.3.4 Nghiêm túc chấp hành Quy chế này, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.
- 3.3.5 Nghiêm cấm cổ đông thực hiện các hành vi vi phạm quy định về an ninh, trật tự làm ảnh hưởng đến việc tổ chức Đại hội bao gồm nhưng không giới hạn ở các hành vi sau:
- Mặc các trang phục, sử dụng các vật dụng, các nhận diện và/hoặc có cử chỉ, lời nói thô bạo, khiêu khích, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của cá nhân, tổ chức;
 - Gây mất trật tự trong khu vực tổ chức Đại hội, hoặc trong trụ sở của Công ty;
 - Gây rối hoặc cản trở hoạt động bình thường của Đại hội;
 - Lôi kéo hoặc kích động người khác gây rối, làm mất trật tự hoặc cản trở hoạt động bình thường của Đại hội;
 - Có tình phát biểu ý kiến, trao đổi khi chưa được sự chấp thuận của Chủ tọa;
 - Nói chuyện riêng với các cổ đông khác trong quá trình diễn ra Đại hội;
 - Các hành vi khác làm ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc tổ chức Đại hội.

Điều 4. Đoàn Chủ tịch và Chủ tọa cuộc họp

4.1 Giới thiệu và thông qua nhân sự Đoàn Chủ tịch, Chủ tọa cuộc họp

- 4.1.1 Chủ tịch Hội đồng Quản trị (HDQT) làm Chủ tọa cuộc họp hoặc ủy quyền cho thành viên HDQT khác làm Chủ tọa cuộc họp và được Đại hội thông qua.
- 4.1.2 Nhân sự Đoàn Chủ tịch có thể là thành viên HDQT hoặc nhân sự khác được Đại hội biểu quyết thông qua.

4.2 Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội

- 4.2.1 Quyết định của Chủ tọa cuộc họp về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội có tính hiệu lực cao nhất.

- 4.2.2 Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCD đã có đủ số lượng người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và Chủ tọa được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
- + Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả những người tham dự họp;
 - + Có người tham dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
 - + Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
- 4.2.3 Chủ tọa cuộc họp có nghĩa vụ tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự đúng theo chương trình đã được thông qua hoặc đề Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.
- 4.2.4 Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.
- 4.2.5 Chủ tọa có quyền cất ý kiến phát biểu của cổ đông, những người dự họp khác khi có phát biểu dài dòng, không đúng trọng tâm hoặc quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung Chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.
- 4.2.6 Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

- 5.1. Ban Thư ký Đại hội được Chủ tọa đề cử, gồm 01 Thư ký và 01 thành viên giúp việc.
- 5.2. Ban Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa Đại hội.
- 5.3. Ghi chép đầy đủ, trung thực mọi diễn biến của Đại hội vào Biên bản Đại hội.
- 5.4. Đọc Biên bản Đại hội và Nghị quyết của Đại hội trước khi bế mạc Đại hội
- 5.5. Tiếp nhận phiếu câu hỏi của các cổ đông và chuyển cho Chủ tọa/Đoàn Chủ tịch.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

- 6.1 Ban Kiểm tra tư cách cổ đông do Ban tổ chức Đại hội chỉ định.
- 6.2 Ban Kiểm tra tư cách cổ đông kiểm tra tư cách cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội, phát Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử (nếu có) và các tài liệu liên quan đến Đại hội, báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.
- 6.3 Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối phát Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử và các tài liệu khác của Đại hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

- 7.1 Chủ tọa Đại hội giới thiệu thành viên Ban Kiểm phiếu và lấy ý kiến thông qua bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết tại Đại hội và được thông qua với tỷ lệ đa số quá bán. Thành viên trong Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách ứng cử viên của HĐQT.
- 7.2 Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - Hướng dẫn cổ đông thực hiện bầu thành viên HĐQT theo quy định.

- Giám sát việc biểu quyết, bầu cử của các cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội.
- Tổng hợp số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung; số phiếu bầu cử tương ứng với từng ứng viên.
- Kiểm phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử và lập biên bản kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu, kết quả bầu cử trước Đại hội.
- Thu lại Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử sau khi kết thúc Đại hội.

Chương III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội

Cuộc họp Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo Danh sách cổ đông của Công ty được lập vào ngày chốt Danh sách cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 9. Cách thức tiến hành Đại hội

- 9.1 Đại hội tiến hành thông qua chương trình Đại hội.
- 9.2 Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung trong chương trình Đại hội đã được thông qua.
- 9.3 Các quyết định của Đại hội về các vấn đề sau đây được coi là thông qua hợp lệ khi có từ 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành:
 - + Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - + Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - + Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - + Quyết định đầu tư và mua bán tài sản Công ty có giá trị từ 3 lần tài sản của Công ty được ghi nhận trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - + Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty;
 - + Tổ chức lại, giải thể công ty;
 - + Các vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định.
- 9.4 Quyết định của Đại hội về các vấn đề khác trong chương trình Đại hội thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 10. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ

- 10.1 Biên bản và Nghị quyết họp ĐHĐCĐ phải lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
- 10.2 Biên bản và Nghị quyết họp ĐHĐCĐ phải được Thư ký Đại hội lưu giữ theo quy định.

Chương IV

CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 11. Trường hợp tổ chức họp Đại hội không thành

- 11.1. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ

chức họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- 11.2. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 12. Điều khoản thi hành

- 12.1 Quy chế này gồm 5 Chương 12 Điều, được đọc công khai trước khi tiến hành Đại hội và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.
- 12.2 Quy chế này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp trên cơ sở đề xuất của Chủ tọa cuộc họp và trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định tại Đại hội.

Nơi nhận:

- HNX,SSC;
- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



Phạm Minh Phúc

C.P. N.

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

THẺ LỆ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam;
- Căn cứ sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền bỏ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng 28/03/2023 được lập bởi Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

QUY ĐỊNH:

I. Quy định chung

- Việc biểu quyết thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (Đại hội); Chương trình Đại hội; Nhân sự đoàn Chủ tịch, Chủ tọa, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu; Quy chế bầu cử; Thẻ lệ biểu quyết được thực hiện theo hình thức giơ thẻ biểu quyết và được thông qua với tỷ lệ đa số quá bán.
- Việc biểu quyết thông qua đối với các vấn đề được nêu trong các báo cáo, tờ trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) của Hội đồng Quản trị (HĐQT) được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín và sử dụng các phiếu biểu quyết do Ban Tổ chức Đại hội phát hành.

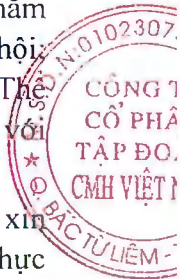
II. Nội dung trên phiếu biểu quyết

Phiếu biểu quyết là phiếu in sẵn, trong đó có các thông tin sau:

- Tên cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, số giấy tờ pháp lý (CCCD/CMND/Hộ chiếu, ĐKKD)
- Số lượng cổ phần sở hữu/đại diện có quyền biểu quyết;
- Nội dung biểu quyết theo mẫu của Ban Tổ chức Đại hội và có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam, được phát cho cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đăng ký và đáp ứng đủ điều kiện tham dự Đại hội.

III. Nguyên tắc biểu quyết

- Đối với các nội dung nêu tại tại mục II.2, cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “V” vào một trong các ô tương ứng: *Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến* đối với từng vấn đề trên Phiếu biểu quyết.
- Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:



- 2.1 Là Phiếu biểu quyết do Ban Tổ chức Đại hội phát ra, có đóng dấu của Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam;
- 2.2 Có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền;
- 2.3 Phiếu biểu quyết không bị rách, tẩy xóa, cạo sửa, sửa chữa.
3. Phiếu biểu quyết được coi là không hợp lệ sẽ không được tính vào kết quả kiểm phiếu khi thuộc một trong các trường hợp sau:
 - 3.1 Phiếu biểu quyết không phải do Ban Tổ chức Đại hội phát ra;
 - 3.2 Phiếu biểu quyết không có đóng dấu của Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam;
 - 3.3 Phiếu biểu quyết bị rách, gach, tẩy xóa, sửa chữa;
 - 3.4 Phiếu biểu quyết không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;
 - 3.5 Phiếu biểu quyết được cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông điền các nội dung không đúng theo hướng dẫn tại Phiếu biểu quyết và theo Thẻ lệ biểu quyết này;
 - 3.6 Phiếu biểu quyết nộp cho Ban Kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và Hòm phiếu đã được niêm phong.

IV. Kiểm phiếu kết quả biểu quyết

1. Việc kiểm phiếu biểu quyết do Ban Kiểm phiếu thực hiện. Nhân sự Ban Kiểm phiếu được Chủ toạ đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua tại Đại hội.
2. Kết quả biểu quyết chỉ được tổng hợp từ những phiếu biểu quyết hợp lệ.
3. Kết quả kiểm phiếu được thông báo công khai ngay tại Đại hội, được Đại hội thông qua và được ghi vào biên bản họp ĐHĐCĐ.
4. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ **65%** tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham gia biểu quyết tán thành:
 - 4.1 Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - 4.2 Thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh;
 - 4.3 Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - 4.4 Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - 4.5 Quyết định đầu tư và mua bán tài sản Công ty có giá trị từ 3 lần tài sản của Công ty được ghi nhận trong báo cáo tài chính gần nhất.
5. Các nghị quyết khác không nằm trong các nghị quyết đã quy định tại mục 4 nêu trên được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên **50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham gia biểu quyết tán thành.

V. Hiệu lực

Thẻ lệ biểu quyết này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua.

Nơi nhận:

- HNX, SSC;
- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



Phạm Minh Phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

**QUY CHẾ
BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM NHIỆM KỲ 2023-2028**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (Đại hội) tiến hành họp bầu thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2023-2028 theo các quy định như sau:

Điều 1: Mục tiêu bầu cử

- 1.1. Đảm bảo tuân thủ pháp luật và các thông lệ tại Việt Nam.
- 1.2. Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổ đông
- 1.3. Đảm bảo tính tập trung, ổn định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 2: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 2.1. Việc ứng cử, đề cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (ĐHĐCĐ) được thực hiện theo quy định của Quy chế này.
- 2.2. Quy chế này áp dụng đối với tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty hoặc những người được ủy quyền hợp lệ.

Điều 3: Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

3.1. Quy định chung

- a. Số lượng thành viên HĐQT được bầu: 05 người
- b. Nhiệm kỳ: 2023 – 2028
- c. Số lượng ứng cử thành viên HĐQT: không hạn chế

3.2. Quyền ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

- a. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tổng số cổ phần sở hữu và đại diện trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được quyền ứng cử, đề cử người để bầu vào HĐQT theo quy định sau:

- Từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng cử viên;
- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;

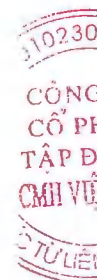
- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;
 - Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;
 - Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;
 - Từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên;
 - Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên.
- b. Các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người để đề cử các ứng cử viên HĐQT
- 3.3. Tiêu chuẩn ứng cử viên HĐQT: theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các tiêu chuẩn khác theo pháp luật hiện hành.
- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực ngành, nghề kinh doanh của Công ty;
 - c. Không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - d. Không đồng thời là thành viên HĐQT của nhiều hơn 05 Công ty khác.

Điều 4: Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên để bầu vào thành viên HĐQT

- 4.1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử bao gồm
- a. Văn bản tự ứng cử/đề cử thành viên HĐQT (theo mẫu Công ty);
 - b. Lý lịch của ứng viên;
 - c. Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau: CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn;
 - d. Giấy ủy quyền hợp lệ (Nếu có).
- 4.2. Hồ sơ tham gia ứng cử/đề cử phải được gửi về Ban Tổ chức Đại hội trước 17h00 ngày 27/04/2023 theo địa chỉ sau:
- Ban Tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam
- Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
- Đối với các trường hợp đề cử/ứng cử tại Đại hội thì cổ đông/nhóm cổ đông đề cử/ứng cử phải cung cấp ngay hồ sơ đề cử/ứng cử cho Chủ tọa để được xem xét.

Điều 5: Phương thức bầu cử

- 5.1. Phương thức bầu cử
- a. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu;
 - b. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu cử tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền)



- c. Cổ đông có thể dồn hết tổng số phiếu biểu quyết cho một hoặc một số ứng cử viên.
 - d. Cổ đông có quyền tự bầu cử cho chính mình nếu cá nhân/tổ chức là người sở hữu/người được nhóm cổ đông đề cử có tên trong danh sách bầu cử. Số lượng phiếu bầu tối đa bằng số lượng mà cổ đông/nhóm cổ đông đang nắm giữ.
- 5.2. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu
- a. Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số quyền bầu cử theo mã số tham dự;
 - b. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền được phát đồng thời phiếu bầu HĐQT theo mã số tham dự.
 - c. Trường hợp ghi sai thông tin cổ đông, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác.
 - d. Cổ đông tự mình ghi số quyền bầu cử tương ứng với số cổ phần sở hữu bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của từng ứng cử viên đó trên phiếu bầu. Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (có giấy ủy quyền) người đại diện theo ủy quyền có đầy đủ quyền bầu cử.
- 5.3. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ
- a. Phiếu không theo mẫu quy định của Công ty, không có dấu của Công ty;
 - b. Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng/không thuộc danh sách ứng viên đã được Đại hội thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.
 - c. Phiếu có tổng số quyền bầu cử cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền bầu cử của cổ đông có sở hữu/được ủy quyền.
- 5.4. Ban Kiểm phiếu
- a. Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội thông qua;
 - b. Trách nhiệm của Ban Kiểm phiếu:
 - e. Thông qua Quy chế bầu cử;
 - f. Giới thiệu phiếu bầu cử và phát hành phiếu bầu cử;
 - g. Tiến hành kiểm phiếu và Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội;
 - h. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử của HĐQT.

Điều 6: Nguyên tắc bầu dồn phiếu, nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT

- 6.1. Nguyên tắc bầu dồn phiếu:
- a. Mỗi cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/đại diện nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bố đồng đều.
 - b. Tổng số phiếu bầu của mỗi ứng cử viên bằng tổng số lượng các phiếu bầu hợp lệ của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền bầu cử cho ứng cử viên đó.
- 6.2. Nguyên tắc trúng cử:

143
 Y
 N
 N
 AM
 TP. HỒ

- a. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ thành viên HĐQT theo quy định của Quy chế về số lượng người.
- b. Trường hợp có những ứng cử viên đạt số phiếu bầu ngang nhau thì nguyên tắc lựa chọn ứng viên trúng cử như sau:
- c. Nếu ứng viên là Cổ đông thì ứng viên nào nắm giữ nhiều hơn cổ phần sẽ ưu tiên được chọn.
- d. Nếu số cổ phần nắm giữ bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tọa quyết định theo một phương thức mà ĐHĐCĐ cho là phù hợp.
- e. Nếu ứng viên không là Cổ đông thì ứng viên nào có số nhiệm kỳ đã làm thành viên HĐQT lâu hơn sẽ ưu tiên được chọn. Trong trường hợp cùng nhiệm kỳ thì sẽ xét theo số năm đảm nhiệm.
- f. Nếu các ứng viên đều có số lượng phiếu bầu ngang nhau, số lượng nắm giữ cổ phần bằng nhau hoặc ứng viên không là cổ đông, số năm đã làm thành viên HĐQT bằng nhau thì tổ chức thực hiện bầu cử lại.

Điều 7: Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- 7.1. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Nội dung của Biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông/đại diện theo uỷ quyền tham dự họp, tổng số cổ đông/đại diện theo uỷ quyền tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền bầu cử của cổ đông/đại diện theo uỷ quyền tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền bầu cử của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống, số quyền bầu cử cho từng ứng viên vào HĐQT
- 7.2. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được đọc và công bố trước Đại hội.

Điều 8: Điều khoản chung

- 8.1. Những khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản của Đại hội.
- 8.2. Quy chế này được lập gồm 08 (tám) Điều, 04 (bốn) trang và được công khai trước Đại hội để biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- HNX, SSC;
- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



Phạm Minh Phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023**

I. ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2022

Kết quả hoạt kinh doanh năm 2022 đạt được như sau:

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Kế hoạch năm 2022 (*)	Thực hiện năm 2022	% Thực hiện/Kế hoạch
Doanh thu	181.888.421.565	160.239.540.091	88%
Lợi nhuận trước thuế	619.606.860	914.198.505	148%

(Chi tiết tại Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán).

(*) Kế hoạch năm 2022 được ĐHĐCĐ thông qua bằng văn bản theo Nghị quyết số 02/2022/NQ/ĐHĐCĐ-CMH ban hành ngày 09/12/2022.

Doanh thu hợp nhất 160,2 tỷ đồng, đạt 88% so với kế hoạch năm và bằng 85% (giảm 15%) so với năm 2021. Riêng công ty mẹ đạt 145,9 tỷ đồng, đạt 80 % so với kế hoạch chung cả năm và bằng 81% so với năm 2021.

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất 914 triệu đồng, đạt 148% so với kế hoạch năm và bằng 6% so với năm 2021. Riêng Công ty mẹ đạt gần bằng 1,9 tỷ đồng, đạt 302% so với kế hoạch năm và bằng 16% so với năm 2021.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất 34 triệu đồng, đạt 13% so với kế hoạch năm và bằng 0% so với năm 2021. Riêng Công ty mẹ đạt gần bằng 777 triệu đồng, đạt 284% so với kế hoạch năm và bằng 9% so với năm 2021.

Công ty chưa đạt kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua tại phiên họp thường niên ngày 29/04/2022.

II. HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2022

1. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2018 - 2023

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bắt đầu	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch HĐQT	27/04/2018	

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bắt đầu	Ngày miễn nhiệm
2	Ông Nguyễn Đức Hường	Thành viên HĐQT	22/12/2022	
3	Ông Kim Ngọc Nhân	Thành viên HĐQT	27/04/2018	
4	Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Thành viên HĐQT độc lập	29/04/2022	
5	Ông Nguyễn Hoàng Duy	Thành viên HĐQT	29/04/2022	
6	Ông Trần Văn Trung	Thành viên HĐQT		06/04/2022
7	Ông Lương Sơn Hùng	Thành viên HĐQT độc lập		06/04/2022

2. Thực hiện chức năng quản trị

Thực hiện các nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ năm 2022 thông qua, HĐQT đã:

- Tổ chức các cuộc họp để kịp thời nắm bắt công việc Công ty, cho ý kiến chỉ đạo và ban hành kịp thời các văn bản để xử lý công việc của Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD), phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- Nắm bắt được tình hình cụ thể để chỉ đạo Ban TGD khắc phục những tồn tại, đồng thời có các định hướng điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của các dự án.
- Lựa chọn công ty kiểm toán uy tín, có kinh nghiệm trong việc soát xét báo cáo tài chính, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định về việc công bố thông tin đối với công ty đại chúng.
- Các nội dung được HĐQT thông qua trong năm 2022 (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

3. Thực hiện chức năng giám sát

3.1 Giám sát về tổ chức bộ máy

Trong năm 2022, HĐQT đã giám sát, chỉ đạo và căn cứ đề xuất của Ban TGD để điều chỉnh kịp thời về tổ chức bộ máy, phân giao nhiệm vụ cho các cán bộ của bộ máy quản lý điều hành Công ty trên cơ sở phát huy cao nhất năng lực, trí tuệ và trách nhiệm của các cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ; tăng cường sự phối hợp và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hiện trách nhiệm vụ của mình.

3.2 Giám sát về thực hiện kế hoạch kinh doanh

Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT đã giám sát và có ý kiến về KHKD hàng quý phù hợp với các điều kiện phát sinh thực tế.

Các thành viên HĐQT ý kiến về công tác quản trị và ý kiến về giải quyết các vướng mắc phát sinh trên cơ sở thông tin cập nhật các từ các báo cáo được gửi trực tiếp từ các Dự án, Phòng/Ban chuyên môn và Ban TGD.

HĐQT thực hiện giám sát cùng Ban TGD và các bộ phận liên quan trong công tác thị trường theo định hướng đã được ĐHĐCĐ thông qua, tìm kiếm các dự án mới trong

khu vực, duy trì mối quan hệ với chủ đầu tư, nhà thầu chính của các dự án đã thực hiện và đang triển khai.

III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

1. Chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VNĐ

Nội dung	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	% tăng trưởng
Doanh thu	160.239.540.091	79.423.194.645	50%
Lợi nhuận trước thuế	914.198.505	2.345.410.936	257%
Tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến	0%	0%	

Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh (KHKD) năm 2023 được xây dựng trên cơ sở phù hợp các nguồn lực hiện có và tình hình thực tế. Tuy nhiên, đứng dưới sự kiện các yếu tố vĩ mô có thể phát sinh biến đổi bất ngờ, KHKD có thể sẽ chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố khách quan bất lợi phát sinh chưa lường trước được. Trong trường hợp cần thiết phải điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2023, HĐQT sẽ báo cáo và trình xin ý kiến ĐHĐCĐ.

2. Kế hoạch chi trả thù lao thành viên HĐQT năm 2023

Mức thù lao tạm chi trả cho thành viên HĐQT năm 2022 là 252.000.000 đồng (chưa bao gồm các khoản chi phí hoạt động khác của HĐQT). Chi phí hoạt động khác của HĐQT thực hiện theo thực tế phát sinh trong năm 2022.

Mức thù lao cho các thành viên HĐQT năm 2023 sẽ được ĐHĐCĐ thường niên 2024 quyết định trên cơ sở thực tế kết quả hoạt động kinh doanh đạt được. Trong năm, căn cứ vào tình hình tài chính của Công ty, Công ty có thể thực hiện việc tạm ứng trước thù lao cho từng thành viên HĐQT ở mức phù hợp.

3. Nhiệm vụ, kế hoạch của HĐQT năm 2023

Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ 2023;

Hỗ trợ, giám sát Ban TGD trong triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo thực hiện các mục tiêu đã đề ra;

Kịp thời ban hành các văn bản để đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ theo quy định của pháp luật;

Hỗ trợ Ban TGD trong công tác tìm kiếm, phát triển thị trường nhằm tìm kiếm các dự án phù hợp, hiệu quả.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- HNX, SSC;
- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CỘNG TY
CÓ PHẦN
TẬP ĐOÀN
CMH VIỆT NAM
Phạm Minh Phúc
M.S.D. N. 010.267.343
Q. BẮC TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI

PHỤ LỤC
NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2022
(Kèm theo Báo cáo của HĐQT năm 2022 và kế hoạch năm 2023)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2022/NQ- HĐQT/CMVN	06/01/2022	Thay đổi tên Công ty	100%
2	01/2022/QĐ- HĐQT/CM	06/01/2022	Tiếp nhận và bổ nhiệm chức vụ - Ông Nguyễn Văn Phi	100%
3	02/2022/NQ- HĐQT-CMH	10/02/2022	Ủy quyền TGD thực hiện ký kết hợp đồng tổng thầu	100%
4	1602.1/2022/NQ- HĐQT-CMH	16/02/2022	Thông qua danh sách dự kiến các nhà đầu tư được chào bán	100%
5	1602.2/2022/NQ- HĐQT-CMH	16/02/2022	Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong đợt chào bán riêng lẻ năm 2022	100%
6	1602.3/2022/NQ- HĐQT-CMH	16/02/2022	Đăng ký mở tài khoản phong toả tại Ngân hàng	100%
7	1602.4/2022/NQ- HĐQT-CMH	16/02/2022	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
8	03/2022/NQ- HĐQT-CMH	22/02/2022	Chốt ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%
9	04/2022/NQ- HĐQT-CMH	14/03/2022	Vay vốn bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội	100%
10	05/2022/NQ- HĐQT-CMH	21/03/2022	Chuyển nhượng cổ phần đã góp tại Công ty cổ phần Đầu tư Công nghệ tăng Vietin	100%
11	06/2022/NQ- HĐQT-CMH	21/03/2022	Thông qua giao dịch cho Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ vay tiền	100%
12	07/2022/NQ- HĐQT-CMH	21/03/2022	Thông qua một số giao dịch với Công ty cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ	100%
13	08/2022/NQ- HĐQT-CMH	25/03/2022	Thời gian, địa điểm và nội dung chương trình họp dự kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
14	09/2022/NQ- HĐQT-CMH	31/03/2022	Thanh lý xe, máy và thiết bị	100%
15	10/2022/NQ- HĐQT-CMH	31/03/2022	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
16	11/2022/NQ- HĐQT-CMH	31/03/2022	Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong đợt chào bán riêng lẻ năm 2022	100%
17	12/2022/NQ- HĐQT-CMH	31/03/2022	Đăng ký mở tài khoản phong toả tại Ngân hàng	100%
18	13/2022/NQ- HĐQT-CMH	31/03/2022	Thông qua phương án xử lý cổ phiếu chưa chào bán hết, phương án sử dụng vốn chi tiết số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
19	14/2022/NQ- HĐQT-CMH	31/03/2022	Thông qua kế hoạch mua sắm máy móc thiết bị năm 2022	100%
20	15/2022/NQ- HĐQT-CMH	31/03/2022	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
21	16/2022/NQ- HĐQT-CMH	04/04/2022	Một số giao dịch giữa Công ty và Công ty cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ và các cổ đông của Công ty cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ	100%
22	17/2022/NQ- HĐQT-CMH	04/04/2022	Nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ	100%
23	18/2022/NQ- HĐQT-CMH	06/04/2022	Thay đổi thời gian, bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
24	19/2022/NQ- HĐQT-CMH	25/04/2022	Bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	100%
25	20/2022/NQ- HĐQT-CMH	26/04/2022	Thông qua danh sách ứng cử viên bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018 -2023	100%
26	21/2022/QĐ- HĐQT-CMH	06/05/2022	Thành phần nhân sự UBKT nhiệm kỳ 2018-2023	100%
27	22/2022/NQ- HĐQT-CMH	06/05/2022	Phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023	100%
28	23/2022/QĐ- HĐQT-CMH	06/05/2022	Ban hành sơ đồ tổ chức Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	100%
29	24/2022/NQ- HĐQT-CMH	19/05/2022	Thời hạn và phương thức nộp tiền mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ năm 2022 của Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	100%
30	25/2022/NQ- HĐQT-CMH	13/06/2022	Thông qua Quy chế Hoạt động của UBKT	100%
31	26/2022/NQ- HĐQT-CMH	13/06/2022	Thông qua Quy chế Công bố thông tin	100%
32	02/2022/QĐ- HĐQT-CMH	13/06/2022	Miễn nhiệm Thư ký HĐQT/Thư ký Công ty đối với Ông Trần Minh Đức	100%
33	03/2022/QĐ- HĐQT-CMH	13/06/2022	Bổ nhiệm Thư ký Công ty đối với Bà Đinh Thị Thủy	100%
34	27/2022/NQ- HĐQT-CMH	13/06/2022	Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022	100%
35	28/2022/NQ- HĐQT-CMH	02/07/2022	Thông qua báo cáo tình hình nộp tiền mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ của các nhà đầu tư đã được ĐHCĐ phê duyệt khi chào bán cổ phiếu phát hành riêng lẻ tăng vốn điều lệ Công ty năm 2022 đến hết ngày 30/06/2022 và phương án xử lý cổ phiếu chưa chào bán hết	100%
36	29/2022/NQ- HĐQT-CMH	11/07/2022	Thông qua báo cáo tình hình xử lý cổ phiếu chưa chào bán hết và thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ Công ty năm 2022	100%
37	30a/2022/NQ- HĐQT-CMH	18/07/2022	Thông qua vốn điều lệ Công ty sau đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ	100%
38	30/2022/NQ- HĐQT-CMH	22/08/2022	Thông qua phương án đầu tư máy móc thiết bị, ủy quyền vay vốn, sử dụng tài sản bảo	100%

13-C
Y
N
N
AM
P.HP

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			đảm bảo đảm bảo cho khoản vay của Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An	
39	31/2022/NQ-HĐQT-CMH	08/09/2022	Thông qua việc chuyển nhượng phần vốn góp cổ phần của Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam tại Công ty cổ phần CM Phan Thiết	80%
40	32/2022/NQ-HĐQT-CMH	08/09/2022	Thông qua việc giải thể Công ty cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	80%
41	33/2022/NQ-HĐQT-CMH	21/10/2022	Thông qua Thiết kế logo, tài liệu chỉ dẫn nhận diện thương hiệu của Công ty và bộ ấn phẩm văn phòng	100%
42	34/2022/NQ-HĐQT-CMH	27/10/2022	Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để điều chỉnh kế hoạch kinh doanh và phương án chi trả cổ tức năm 2022	100%
43	04/2022/QĐ-HĐQT-CMH	27/10/2022	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Dương Ngọc Trường	100%
44	05/2022/QĐ-HĐQT-CMH	09/12/2022	Thành lập Ban kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
45	35/2022/NQ-HĐQT-CMH	15/11/2022	Thông qua một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh giai đoạn 10/2022-09/2023 và thông qua giới hạn tín dụng giai đoạn 10/2022-09/2023 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Thành An	100%

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023**

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022

1. Tổng quan

Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (CMH Group) thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 theo tinh thần Nghị quyết số 01/2022/NQ/ĐHĐCĐ-CMH ngày 29/04/2022 của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022 và Nghị quyết số 02/2022/NQ/ĐHĐCĐ-CMH ngày 09/12/2022 trong bối cảnh có nhiều thách thức và khó khăn khách quan.

1.1. Thuận lợi

CMH Group có sự tham gia tái cấu trúc của các cổ đông lớn, đã và đang tiếp cận nghiên cứu để mở ra ngành nghề kinh doanh mới là phát triển bất động sản tầm trung ở một số địa phương, tạo cơ hội rất lớn tận dụng được năng lực, kinh nghiệm, thế mạnh thi công xây lắp của Công ty.

Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã sát sao cùng Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD) đề ra các định hướng, chỉ đạo đúng đắn cùng sự đoàn kết, quyết tâm của toàn bộ cán bộ công nhân viên Công ty trong việc tổ chức, thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

1.2. Khó khăn

Ảnh hưởng tiêu cực từ biến động kinh tế xã hội vĩ mô như: thắt chặt tín dụng, tăng lãi suất dẫn đến suy giảm thị trường bất động sản và các ngành nghề có liên quan của Công ty.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh

Trước những thuận lợi và thách thức như trên, CMH Group đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022 và kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh chính như sau:

2.1. Chỉ tiêu kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị: nghìn đồng

TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	% tăng trưởng	% (+/-)
1	Doanh thu	180.696.156	145.894.620	81%	-19%
2	Lợi nhuận trước thuế	11.364.943	1.871.589	16%	-84%

(Chi tiết tại Báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ đã được kiểm toán)

2.2. Chỉ tiêu kinh doanh hợp nhất



Đơn vị: nghìn đồng

TT	Nội dung	Thực hiện 2021	Năm 2022			% tăng trưởng	% (+/-)
			Kế hoạch (KH)	Thực hiện (TH)	% TH/KH		
1	Doanh thu	187.443.869	181.888.422	160.239.540	88%	85%	-15%
2	Lợi nhuận trước thuế	15.588.942	619.607	914.199	148%	6%	-94%

(Chi tiết tại Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty đã được kiểm toán)

Doanh thu hợp nhất 160,2 tỷ đồng, đạt 88% so với kế hoạch năm và bằng 85% so với năm 2021. Riêng công ty mẹ đạt 145,9 tỷ đồng, đạt 80 % so với kế hoạch chung cả năm và bằng 81% so với năm 2021.

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất 914 triệu đồng, đạt 148% so với kế hoạch năm và bằng 6% so với năm 2021. Riêng Công ty mẹ đạt gần bằng 1,9 tỷ đồng, đạt 302% so với kế hoạch năm và bằng 16% so với năm 2021.

Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2022 là 256.547.267.397 đồng, tăng 48% so với cùng thời điểm năm 2021.

Vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 là 308.766.076.511 đồng tăng 36% so với cùng thời điểm năm 2021.

2.3. Đánh giá chung

a. Kết quả đạt được

Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 điều chỉnh.

Hoàn thành công tác thi công xây dựng tại công trình thủy điện Nậm Ngừm – Lào và bàn giao công trình cho tổng thầu Hazama Ando và Chủ đầu tư.

Hoàn thành thời hạn bảo hành công trình thi công nhà máy thủy điện Xenamnoy - Lào

Hoàn thành thi công công trình sửa chữa thường xuyên năm 2022 hầm băng tải Nghi Sơn và bàn giao cho Chủ đầu tư.

Hoàn thành phần việc trực tiếp của Công ty tại công trình nâng cấp kênh Linh Cảm.

Hoàn thành việc thi công xây dựng cụm công trình dự án Tây Ninh 7&8.

b. Tồn tại

Trong việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 đã được ĐHĐCĐ thông qua, CMH cũng gặp nhiều khó khăn vướng mắc từ các nguyên nhân khách quan và chủ quan ảnh hưởng tiêu cực đến việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của đơn vị, cụ thể như sau:

Tại công trình nâng cấp kênh Linh Cảm và thủy lợi Krông Păch: công tác giải phóng mặt bằng của Chủ đầu tư chậm và điều chỉnh thiết kế trong quá trình thực hiện dẫn đến phải gia hạn tiến độ hợp đồng của các gói thầu.

Giá một số mặt hàng là vật liệu đầu vào của công ty tăng cao là nguyên nhân giảm hiệu quả sản xuất ở một số công trình.

230
CÔNG
ÔNG
PE
IP Đ
H VIB
LIÊN

Do biên lợi nhuận các hoạt động xây lắp trong nước và các hoạt động ở nước ngoài bị đình trệ, do vậy việc tìm kiếm các hợp đồng tiềm năng mới rất khó khăn. Một số công trình có biên lợi nhuận hấp dẫn hơn nhưng tiềm ẩn rủi ro về thanh toán. Công ty chủ yếu tập trung hoàn thành các hợp đồng đã ký từ trước.

Lĩnh vực bất động sản trong năm 2022 chịu nhiều tác động tiêu cực từ chính sách vĩ mô của Nhà Nước, dẫn đến, phải giãn tiến độ thi công xây dựng các hạng mục xây dựng hạ tầng đô thị và nhà ở đô thị tại các dự án bất động sản mà công ty hợp tác đầu tư cùng các nhà đầu tư khác.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023

1. Định hướng phát triển

Trong năm 2023 Công ty tiếp tục hợp tác với đối tác đầu tư khu đô thị nhà ở văn hóa thể thao tại thị trấn Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ theo tiến trình phù hợp với tình hình thực tế.

Triển khai công tác thi công tổng thầu của dự án nhà ở đô thị và tổ hợp văn hóa thể thao tại thị trấn Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Tìm kiếm dự án xây lắp đảm bảo hiệu quả và an toàn về vốn.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	% tăng trưởng
Doanh thu	160.239.540.091	79.423.194.645	50%
Lợi nhuận trước thuế	914.198.505	2.345.410.936	257%
Tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến	0%	0%	

Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh (KHKD) năm 2023 được xây dựng trên cơ sở phù hợp các nguồn lực hiện có và tình hình thực tế. Tuy nhiên, đứng dưới sự kiện các yếu tố vĩ mô có thể phát sinh biến đổi bất ngờ, KHKD có thể sẽ chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố khách quan bất lợi phát sinh mà Ban TGD chưa lường trước được. Trong trường hợp cần thiết phải điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2023, Ban TGD sẽ báo cáo và trình xin ý kiến HĐQT.

3. Giải pháp

Để thực hiện được kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, CMH Group cần tập trung mọi nguồn lực tài chính, nhân sự, trang thiết bị máy móc, đồng thời Công ty đề xuất các giải pháp sau đây:

3.1 Tái cấu trúc

Rà soát lại các khoản đầu tư tài chính, góp vốn tại các công ty con và công ty liên kết; theo nguyên tắc: (i) Phù hợp với quy định pháp luật hiện hành; (ii) Phù hợp với nguyên tắc và điều kiện thị trường; (iii) Bảo toàn vốn cho CMH Group ở mức cao nhất. Phương thức tái cấu trúc sẽ được xây dựng cho từng hạng mục, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện.

34
TY
AN
DAN
NAM
TP.V

3.2 Công tác nhân sự

Kiểm toàn bộ máy điều hành phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh theo tình hình chiến lược kinh doanh mới trên cơ sở cơ cấu gọn nhẹ, tránh chồng chéo.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Công ty đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Tiếp tục tìm kiếm, bổ sung nhân sự có kinh nghiệm, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bắt động sản vào Ban điều hành Công ty.

Đào tạo nâng cao kỹ năng cho đội ngũ nhân sự hiện tại để phục vụ cho các yêu cầu công việc mới.

3.3 Công tác chỉ đạo điều hành thi công các công trình

Tập trung mọi nguồn lực triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành sản xuất công tác thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Xây dựng tệp khách hàng (nhà cung cấp, nhà thầu phụ, ...) nhằm chủ động cho công tác triển khai thi công các công trình.

Tăng cường kiểm tra các công trường, thường xuyên giám sát tiến độ và chất lượng, khối lượng, công tác an toàn, kịp thời giải quyết các vướng mắc trong quá trình thi công, tổ chức thi công khoa học để đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình.

3.4 Công tác tài chính kế toán

Xây dựng phương án tài chính hiệu quả, phù hợp và linh hoạt cho hoạt động của Công ty.

Rà soát quản lý các chi phí sản xuất kinh doanh nhằm tránh lãng phí, thất thoát, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đôn đốc công tác nghiệm thu tại các công trình, hiện thực hóa doanh thu và thu hồi vốn.

Tăng cường quan hệ tín dụng với các ngân hàng, tìm kiếm các gói tài trợ tín dụng phù hợp cho từng dự án để chủ động trong quá trình triển khai.

3.5 Thiết bị vật tư

Lập kế hoạch thanh lý, mua mới các máy móc thiết bị phù hợp với yêu cầu, tính chất công việc của Công ty.

Tìm kiếm các nguồn máy móc thiết bị sẵn sàng huy động cho công việc khi có yêu cầu trong ngắn hạn.

Nghiên cứu các nguồn vật tư tại các địa bàn của từng công trình/dự án trên cơ sở đảm bảo chất lượng, tiến độ cung cấp hàng hóa và giá cả hợp lý.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- HNX, SSC;
- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT.

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
CMH VIỆT NAM
Q. BẮC TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI

Kim Ngọc Nhân

C. T. C. P. *
H. N. O. I. N.

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2023

**BÁO CÁO CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN
NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023**

1. Kết quả hoạt động năm 2022 của Công ty

1.1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022

Một số chỉ tiêu chính về hoạt động kinh doanh năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022 (*)	Thực hiện năm 2022	% thực hiện/kế hoạch
Doanh thu	181.888.421.565	160.239.540.091	88%
Lợi nhuận trước thuế	619.606.860	914.198.505	148%

(Chi tiết tại Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán)

(*) Kế hoạch năm 2022 được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty thông qua bằng văn bản theo Nghị quyết số 02/2022/NQ/ĐHĐCĐ-CMH ban hành ngày 09/12/2022.

1.2. Tình hình tài chính

1.2.1. Tóm tắt tình hình tài chính công ty mẹ

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng trưởng	% (+/-)
1. Tình hình tài sản				
+ Tổng tài sản ngắn hạn	197.984.600.813	299.724.970.972	151,39%	51,39%
- Các khoản phải thu ngắn hạn	106.355.870.079	214.806.636.110	201,97%	101,97%
- Hàng tồn kho	34.351.648.145	11.742.101.077	34,18%	-65,82%
- Tài sản ngắn hạn khác	57.277.082.589	73.176.233.785	127,76%	27,76%
+ Tổng tài sản dài hạn	163.909.603.211	171.586.200.824	104,68%	4,68%
- Các khoản phải thu dài hạn	30.073.197.106	30.553.892.330	101,60%	1,60%
- Tài sản cố định	5.687.732.558	31.801.833.410	559,13%	459,13%
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	127.938.004.014	107.995.483.433	84,41%	-15,59%
- Tài sản dài hạn khác	210.669.533	1.234.991.651	586,22%	486,22%
+ Tổng tài sản	361.894.204.024	471.311.171.796	130,23%	30,23%
2. Tình hình nợ phải trả				
- Nợ phải trả ngắn hạn	173.083.002.694	200.363.273.843	115,76%	15,76%
- Nợ phải trả dài hạn	15.335.806.282	14.400.630.556	93,90%	-6,10%
+ Tổng nợ phải trả	188.418.808.976	214.763.904.399	113,98%	13,98%
3. Giá trị tài sản ròng	173.475.395.048	256.547.267.397	147,89%	47,89%

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng trưởng	% (+/-)
4. Vốn góp chủ sở hữu	172.000.000.000	254.525.000.000	147,98%	47,98%
5. Các khoản tăng/giảm vốn chủ sở hữu khác	-211.950.000	-441.950.000	208,52%	108,52%
6. Lợi nhuận của Chủ sở hữu	1.687.345.048	2.464.217.397	146,04%	46,04%
7. Kết quả kinh doanh				
+ Tổng doanh thu	209.315.551.139	149.500.075.707	71,42%	-29%
- Doanh thu bán hàng	180.696.155.771	145.894.620.284	80,74%	-19%
- Doanh thu hoạt động tài chính	28.619.395.368	3.605.455.423	12,60%	-87%
+ Tổng chi phí	197.876.229.698	152.686.550.795	77,16%	-23%
- Giá vốn hàng bán	184.220.621.168	132.934.610.511	72,16%	-28%
- Chi phí tài chính	3.216.785.991	3.724.143.966	115,77%	16%
- Chi phí bán hàng	0	0		
- Chi phí quản lý điều hành	10.438.822.539	16.027.796.318	153,54%	54%
+ Lãi lỗ trong Công ty liên kết	0	0		
+ Lợi nhuận thuần từ HĐKD	11.439.321.441	-3.186.475.088	-27,86%	-128%
+ Lợi nhuận bất thường khác	-74.378.835	5.058.064.037	6800,41%	6900%
- Doanh thu bất thường	2.282.451.025	12.224.099.711	535,57%	436%
- Chi phí bất thường	2.356.829.860	7.166.035.674	304,05%	204%
+ Tổng lợi nhuận trước thuế	11.364.942.606	1.871.588.949	16,47%	-84%
+ Thuế TNDN	2.520.451.061	1.094.716.600	43,43%	-57%
+ Lợi nhuận sau thuế	8.844.491.545	776.872.349	8,78%	-91%

(Chi tiết tại Báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ đã được kiểm toán)

1.2.2. Tóm tắt tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng trưởng	% (+/-)
1. Tình hình tài sản				
+ Tổng tài sản ngắn hạn	320.190.150.340	432.233.561.286	134,99%	34,99%
- Các khoản phải thu ngắn hạn	208.705.898.514	329.055.643.908	157,66%	57,66%
- Hàng tồn kho	50.694.830.813	27.938.090.163	55,11%	-44,89%
- Tài sản ngắn hạn khác	60.789.421.013	75.239.827.215	123,77%	23,77%
+ Tổng tài sản dài hạn	58.205.352.289	65.811.728.382	113,07%	13,07%
- Các khoản phải thu dài hạn	30.073.197.106	30.553.892.330	101,60%	1,60%
- Tài sản cố định	5.689.579.161	31.801.833.410	558,95%	458,95%
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	19.386.796.595	0	0,00%	-
- Tài sản dài hạn khác	3.055.779.427	3.456.002.642	113,10%	13,10%
+ Tổng tài sản	378.395.502.629	498.045.289.668	131,62%	31,62%
2. Tình hình nợ phải trả				
- Nợ phải trả ngắn hạn	134.819.337.201	173.283.607.577	128,53%	28,53%

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng trưởng	% (+/-)
- Nợ phải trả dài hạn	17.139.306.861	15.995.605.580	93,33%	-6,67%
+ Tổng nợ phải trả	151.958.644.062	189.279.213.157	124,56%	24,56%
3. Giá trị tài sản ròng	226.436.858.567	308.766.076.511	136,36%	36,36%
4. Vốn góp chủ sở hữu	172.000.000.000	254.525.000.000	147,98%	47,98%
5. Vốn khác chủ sở hữu	226.331.768	-3.668.232	-1,62%	101,62%
6. Lợi nhuận chưa phân phối của CSH	869.063.238	1.181.735.447	135,98%	35,98%
7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	53.341.463.561	53.063.009.296	99,48%	-0,52%
8. Kết quả kinh doanh				
+ Tổng doanh thu	220.677.473.011	163.920.109.557	74,28%	-26%
- Doanh thu bán hàng	187.443.869.163	160.239.540.091	85,49%	-15%
- Doanh thu hoạt động tài chính	33.233.603.848	3.680.569.466	11,07%	-89%
+ Tổng chi phí	200.567.555.551	168.050.112.577	83,79%	-16%
- Giá vốn hàng bán	185.490.636.367	146.982.221.291	79,24%	-21%
- Chi phí tài chính	1.618.434.231	3.168.419.980	195,77%	96%
- Chi phí bán hàng	0	0		
- Chi phí quản lý điều hành	13.458.484.953	17.899.471.306	133,00%	33%
+ Lãi lỗ trong Công ty liên kết	-6.018.812.982	0	0,00%	100%
+ Lợi nhuận thuần từ HĐKD	14.091.104.478	-4.130.003.020	-29,31%	-129%
+ Lợi nhuận bất thường khác	-178.620.077	5.044.201.525	2823,98%	2924%
- Doanh thu bất thường	2.282.451.668	12.246.826.984	536,56%	437%
- Chi phí bất thường	2.461.071.745	7.202.625.459	292,66%	193%
+ Tổng lợi nhuận trước thuế	13.912.484.401	914.198.505	6,57%	-93%
+ Thuế TNDN	2.215.874.354	879.980.561	39,71%	-60%
+ Lợi nhuận sau thuế	11.696.610.047	34.217.944	0,29%	-100%

(Chi tiết tại Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty đã được kiểm toán)

2. Đánh giá về tình hình hoạt động trong năm 2022 của Công ty

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 được lập dựa trên các chuẩn mực kế toán Việt Nam và tính hợp lý của các chứng từ kế toán. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán phản ánh đúng, trung thực và hợp lý tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2022.

Công ty đã tuân thủ việc báo cáo kế toán theo đúng luật và các chuẩn mực kế toán được ban hành của Nhà nước. Báo cáo tài chính được lập trên hệ thống phần mềm kế toán, sổ sách Công ty được tổ chức khoa học, ghi chép rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra. Ủy ban Kiểm toán thống nhất xác nhận các chỉ tiêu thực hiện trên báo cáo kế toán.

Công ty đã chủ động trong việc tìm kiếm các nguồn tài chính, bảo đảm đủ nguồn vốn cho hoạt động của Công ty. Công ty đã lập kế hoạch tài chính năm và điều chỉnh theo từng giai đoạn để phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty đã chủ động cân đối nguồn vốn một cách hợp lý để thực hiện các khoản đầu tư phù hợp với tình hình hoạt động và năng lực tài chính của Công ty.

Hội đồng Quản trị (HDQT) và Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD) của Công ty đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ, các Nghị quyết ĐHĐCĐ... Các quyết định của HDQT và Ban TGD được ban hành đúng quy định.

HDQT và Ban TGD cũng luôn duy trì kênh liên lạc và giải quyết kịp thời các thắc mắc của các cổ đông về tình hình hoạt động của Công ty.

3. Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán năm 2022

- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ đã được thông qua và tính tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ Công ty,...

- Tham gia các cuộc họp của HDQT.

- Kiểm tra, giám sát và kịp thời có ý kiến đề các bộ phận chuyên môn có những điều chỉnh cần thiết đối với các thiếu sót trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

4. Kế hoạch hoạt động năm 2023

Năm 2023, Ủy ban Kiểm toán tiếp tục thực hiện nhiệm vụ việc thay mặt cổ đông kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Định kỳ, Ủy ban Kiểm toán sẽ tiến hành kiểm tra, phân tích, đánh giá các hoạt động của Công ty; tham gia các cuộc họp để nắm bắt, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty một cách chính xác, kịp thời và đưa ra cảnh báo về rủi ro tiềm ẩn (nếu có).

5. Kiến nghị

- Tập trung tìm kiếm các hợp đồng mới phù hợp với định hướng và năng lực của Công ty; đảm bảo dòng tiền lưu động nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các tác động tiêu cực của tình hình kinh tế - xã hội trong và ngoài nước; phân tích thêm các nguyên nhân có thể làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty để có phương án dự phòng và xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch chính xác hơn.

- Việc cân đối dòng tiền cần được xem xét và phân tích kỹ lưỡng.

- Công ty có kế hoạch bổ sung phù hợp và nâng cao năng lực của đội ngũ nhân sự nhằm đáp ứng yêu cầu của kế hoạch sản xuất kinh doanh.

- Tập trung vào công tác nghiệm thu thanh toán, tối đa hoá việc thu hồi vốn. Cân đối việc sử dụng các nguồn tài chính một cách hợp lý nhằm tối ưu chi phí sử dụng vốn.

- Thực hiện tái cơ cấu các khoản đầu tư cũ, triển khai các khoản đầu tư mới trên cơ sở hiệu quả và hạn chế rủi ro.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- HNX, SSC;
- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN KIỂM TOÁN
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Bích Lộc



TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua kết quả kinh doanh, cổ tức năm 2022
và Kế hoạch kinh doanh, dự kiến cổ tức năm 2023**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ-CMH ngày 29/04/2022 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ-CMH ngày 22/12/2022
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét phê duyệt:

1. Thông qua kết quả kinh doanh và cổ tức năm 2022 với một số chỉ tiêu chính sau:

ĐVT: nghìn đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022		
		Kế hoạch (KH)	Thực hiện (TH)	% TH/KH
1	Doanh thu bán hàng	181.888.422	160.239.540	88%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	619.607	914.199	148%
3	Cổ tức	0%	0%	

(Chi tiết tại Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty đã được kiểm toán)

2. Thông qua kế hoạch kinh doanh và dự kiến cổ tức năm 2023 với một số chỉ tiêu chính sau:

ĐVT: nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Doanh thu bán hàng	79.423.195
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	2.345.411
3	Cổ tức	0,00%

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- HNX, SSC;
- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
CMH VIỆT NAM
Phạm Minh Phúc
Phạm Minh Phúc

TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty và
Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam.

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên xem xét phê duyệt:

1. Thông qua Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán đính kèm). Các chỉ tiêu tài chính tóm tắt như sau:

1.1. Tại Báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)
1	Tổng tài sản	
	Tài sản ngắn hạn	299.724.970.972
	Tài sản dài hạn	171.586.200.824
2	Tổng nguồn vốn	
	Nợ phải trả	214.763.904.399
	Vốn chủ sở hữu	256.547.267.397
3	Kết quả kinh doanh	
	Doanh thu bán hàng	145.894.620.284
	Lợi nhuận trước thuế TNDN	1.871.588.949
	Thuế TNDN hiện hành	1.094.716.600
	Lợi nhuận sau thuế TNDN	776.872.349

(Chi tiết xem tại Báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ năm 2022 đã được kiểm toán đính kèm)

1.2. Tại Báo cáo tài chính hợp nhất:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)
1	Tổng tài sản	
	Tài sản ngắn hạn	432.233.561.286
	Tài sản dài hạn	65.811.728.382
2	Tổng nguồn vốn	

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)
	Nợ phải trả	189.279.213.157
	Vốn chủ sở hữu	308.766.076.511
3	Kết quả kinh doanh	
	Doanh thu bán hàng	160.239.540.091
	Lợi nhuận trước thuế TNDN	914.198.505
	Thuế TNDN hiện hành	1.088.506.116
	Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông Công ty mẹ	312.672.209
	Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát	-278.454.265

(Chi tiết xem tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán đính kèm)

2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và cổ tức năm 2022 như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị (VND)
Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm 2022	869.063.238
Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022	312.672.209
Tổng lợi nhuận chưa phân phối	1.181.735.447
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	1.181.735.447
Cổ tức năm 2022	0
- Cổ tức 2022 đã tạm ứng	0
- Cổ tức 2022 còn lại	0
Trích lập quỹ dự phòng rủi ro tài chính	0
Trích lập quỹ thi đua khen thưởng	0
Trích lập quỹ phúc lợi	0
Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm 2023	1.181.735.447

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- HNX, SSC;
- ĐHQĐ;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Minh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM



Người ký: KIM NGỌC
NHÂN
Ký ngày: 29/03/2023
14:29:57

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 37



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (tên cũ là Công ty Cổ phần CMVIETNAM) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0103018225 ngày 02 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 18 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên Công ty, tăng vốn điều lệ và thay đổi địa chỉ trụ sở chính, trong đó thay đổi lần 18 ngày 02 tháng 08 năm 2022 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom2, số 33 Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024 357 38555
- Fax : 024 385 64666

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán nội bộ, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Đức Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 11 năm 2021
Ông Nguyễn Hoàng Duy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Trần Văn Trung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Lương Sơn Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022

Ủy ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2022
Ông Lương Sơn Hùng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Minh Phúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2018
Ông Nguyễn Hoàng Duy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2022
Ông Trần Minh Đức	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Kim Ngọc Nhân	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2019
Bà Đình Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2014
Ông Trần Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2022
Ông Dương Ngọc Trường	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Kim Ngọc Nhân – Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Kim Ngọc Nhân

Ngày 28 tháng 3 năm 2023

Số: 2.0263/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến đã nêu, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh Báo cáo tài chính số VIII.3 về việc Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày liên quan đến nghĩa vụ thuế phát sinh theo Biên bản thanh tra thuế thời kỳ năm 2019 đến năm 2021.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Hà Nội**

Nguyễn Thị Tư - Thành viên Ban Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0059-2023-008-1
Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4028-2022-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		299.724.970.972	197.984.600.813
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	36.179.466.879	11.816.963.479
1. Tiền	111		31.903.680	11.816.963.479
2. Các khoản tương đương tiền	112		36.147.563.199	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		27.791.736.291	34.314.990.418
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	27.791.736.291	34.314.990.418
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		214.806.636.110	106.355.870.079
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	122.833.505.827	82.317.640.216
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	9.865.231.574	4.517.168.367
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	10.194.123.288	14.860.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	114.882.982.479	47.630.268.554
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(42.969.207.058)	(42.969.207.058)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		11.742.101.077	34.351.648.145
1. Hàng tồn kho	141	V.8	11.742.101.077	34.351.648.145
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.205.030.615	11.145.128.692
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	675.038.524	1.276.419.901
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.557.947.091	9.419.141.791
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	972.045.000	449.567.000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		171.586.200.824	163.909.603.211
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		30.553.892.330	30.073.197.106
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	30.450.392.330	29.969.697.106
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	103.500.000	103.500.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		31.801.833.410	5.687.732.558
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	31.773.906.044	5.638.859.696
<i>Nguyên giá</i>	222		61.036.229.155	41.129.567.872
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(29.262.323.111)	(35.490.708.176)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	27.927.366	48.872.862
<i>Nguyên giá</i>	228		247.455.000	247.455.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(219.527.634)	(198.582.138)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		107.995.483.433	127.938.004.014
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	112.154.570.000	112.154.570.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	-	13.200.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(4.159.086.567)	(5.201.714.341)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	-	7.785.148.355
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.234.991.651	210.669.533
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	1.234.991.651	210.669.533
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		471.311.171.796	361.894.204.024

3300
TRỊ
KIẾ
00

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		214.763.904.399	188.418.808.976
I. Nợ ngắn hạn	310		200.363.273.843	173.083.002.694
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	77.668.235.136	58.243.121.280
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	56.683.155.990	49.312.115.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	4.401.451.594	3.700.276.382
4. Phải trả người lao động	314		1.776.738.903	5.539.688.606
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	19.666.615.201	11.810.282.242
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	3.773.560.531
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		122.918.703	405.381.313
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	604.612.349	436.247.514
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	38.366.294.655	38.789.078.514
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.073.251.312	1.073.251.312
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		14.400.630.556	15.335.806.282
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	10.865.030.556	15.335.806.282
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	3.535.600.000	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

11/01/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAMĐịa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		256.547.267.397	173.475.395.048
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	256.547.267.397	173.475.395.048
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		254.525.000.000	172.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		254.525.000.000	172.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(441.950.000)	(211.950.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.464.217.397	1.687.345.048
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.687.345.048	1.687.345.048
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		776.872.349	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		471.311.171.796	361.894.204.024

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Đinh Thị Thủy

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	145.894.620.284	180.696.155.771
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	145.894.620.284	180.696.155.771
4. Giá vốn hàng bán	11		132.934.610.511	184.220.621.168
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.960.009.773	(3.524.465.397)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.605.455.423	28.619.395.368
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.724.143.966	3.216.785.991
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.775.968.265	1.326.941.766
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	16.027.796.318	10.438.822.539
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.186.475.088)	11.439.321.441
11. Thu nhập khác	31	VI.6	12.224.099.711	2.282.451.025
12. Chi phí khác	32	VI.7	7.166.035.674	2.356.829.860
13. Lợi nhuận khác	40		5.058.064.037	(74.378.835)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.871.588.949	11.364.942.606
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	1.094.716.600	2.520.451.061
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>776.872.349</u>	<u>8.844.491.545</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

002
ANH
TY
HỮU
I TU
C
NỘI
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.871.588.949	11.364.942.606
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.I0,I1	4.769.031.420	3.189.452.167
- Các khoản dự phòng	03	VI.4	555.723.986	1.598.351.760
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(316.050.285)	20.590.326
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.664.029.899)	(28.487.249.339)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.775.968.265	1.326.941.766
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.992.232.436	(10.986.970.714)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(131.738.028.659)	28.339.500.481
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		22.609.547.068	10.153.849.901
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		6.829.281.651	(30.129.998.176)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(422.940.741)	(1.065.092.801)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.741.240.369)	(1.326.941.766)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.I4	(375.409.436)	(1.364.393.072)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(102.846.558.050)	(6.380.046.147)
H. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(13.626.733.333)	(3.604.680.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		4.631.559.974	72.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(57.566.800.000)	(78.932.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		77.347.446.390	96.211.565.129
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(49.200.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		28.793.362.571	10.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.221.669.630	3.779.438.833
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		41.800.505.232	(21.672.949.674)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.18	82.295.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	74.203.377.421	130.880.794.959
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(71.090.561.280)	(103.982.960.859)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		85.407.816.141	26.897.834.100
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		24.361.763.323	(1.155.161.721)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	11.816.963.479	12.973.035.049
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		740.077	(909.849)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	36.179.466.879	11.816.963.479

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc

Kim Ngọc Nhân

T.H.H
NỘI

M.S.C.a

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Thương mại	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông	Xây lắp và hoạt động khai thác khoáng sản	68,44%	68,44%	68,44%
Công ty Cổ phần CM Phan Thiết	Số 83 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	60%	60%	60%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trong ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 61 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 100 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của các Ngân hàng nơi công ty mở tài khoản (các Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của các Ngân hàng nơi công ty mở tài khoản (các Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

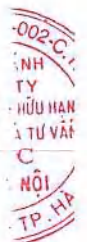
6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của từng công trình được xác định như sau: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ = Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ + Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ - Giá vốn kết chuyển trong kỳ, trong đó

$$\text{Giá vốn kết chuyển trong kỳ} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị sản lượng dở dang đầu kỳ} + \text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ}} \times \text{Doanh thu trong kỳ}$$



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ và chi phí trả trước khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo thời gian hữu dụng của chi phí.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	4 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Nhãn hiệu, tên thương mại

Nguyên giá của nhãn hiệu, tên thương mại bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhãn hiệu, tên thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	590.825	12.342.250
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.312.855	11.804.621.229
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	36.147.563.199	-
Cộng	36.179.466.879	11.816.963.479

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau đây đều có giá gốc bằng giá trị ghi sổ:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	27.791.736.291	34.314.990.418
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống ⁽ⁱ⁾	27.791.736.291	34.314.990.418
Dài hạn	-	7.785.148.355
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng	-	3.225.148.355
Trái phiếu ⁽ⁱⁱ⁾	-	4.560.000.000
Cộng	27.791.736.291	42.100.138.773

(i) Trong đó, các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội với tổng số tiền 20.427.573.077 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng này.

(ii) 456 trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ngày 14 tháng 12 năm 2017, mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu, thời hạn 10 năm với lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tham chiếu +1,2%/năm. Trong năm, Công ty đã tắt toán số trái phiếu này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	112.154.570.000	(4.159.086.567)	112.154.570.000	(3.603.362.581)
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại ⁽ⁱ⁾	21.030.000.000	(4.159.086.567)	21.030.000.000	(3.603.362.581)
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường ⁽ⁱⁱ⁾	41.924.570.000	-	41.924.570.000	-
Công ty Cổ phần CM Phan Thiết ⁽ⁱⁱⁱ⁾	49.200.000.000	-	49.200.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	13.200.000.000	(1.598.351.760)
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Hạ tầng Vietin ^(iv)	-	-	13.200.000.000	(1.598.351.760)
Cộng	112.154.570.000	(4.159.086.567)	125.354.570.000	(5.201.714.341)

(i) Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam số 32/2022/NQ-HĐQT-CMH ngày 08 tháng 9 năm 2022 thông qua việc giải thể Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại do mục đích hoạt động không còn phù hợp và để tái cơ cấu các khoản đầu tư. Ngày 03 tháng 01 năm 2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội – Phòng Đăng ký kinh doanh đã có thông báo về việc Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương Mại đang làm thủ tục giải thể.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400308865 ngày 02 tháng 10 năm 2014, thay đổi lần thứ 03 ngày 13 tháng 6 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp, Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường có vốn điều lệ là 50.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 3.421.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường, chiếm 68,44% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3401218048 ngày 09 tháng 02 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp, Công ty Cổ phần CM Phan Thiết có vốn điều lệ là 82.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần CM Phan Thiết 49.200.000.000 VND, sở hữu 4.920.000 cổ phiếu, chiếm 60% vốn điều lệ. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 31/2022/NQ-HĐQT-CMH ngày 08 tháng 9 năm 2022 đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần CM Phan Thiết với giá chuyển nhượng dự kiến không thấp hơn 10.000 VND/cổ phần. Ngày 19 tháng 9 năm 2022, Công ty đã ký các hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần trên cho 03 cá nhân, việc chuyển nhượng chưa hoàn thành do các cá nhân chưa thanh toán đủ tiền chuyển nhượng.

(iv) Thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐQT/CMH ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng quản trị về việc chuyển nhượng cổ phần đã góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Hạ tầng Vietin, ngày 23 tháng 3 năm 2022 Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng 1.320.000 cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Hạ tầng Vietin với giá 8.500 VND/cổ phần.

Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp môi trường được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính, tương ứng 27.368.000.000 VND (số đầu năm: 27.368.000.000 VND).

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5-002-C
HÀNH
TY
M HỮU H
VÀ TƯ V
C
HÀ NỘI
TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

	Tình hình hoạt động
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Đang làm thủ tục giải thể.
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Thu hẹp quy mô hoạt động
Công ty Cổ phần CM Phan Thiết	Đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư xây dựng

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.201.714.341	9.485.185.102
Trích lập dự phòng bổ sung	555.723.986	1.598.351.760
Sử dụng dự phòng do thanh lý khoản đầu tư	(1.598.351.760)	(5.881.822.521)
Số cuối năm	4.159.086.567	5.201.714.341

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường		
Mua vật tư của Công ty con	-	44.217.000
Thuê máy móc thiết bị của Công ty con	-	1.965.000.000
Công ty Cổ phần CM Phan Thiết		
Góp vốn	-	49.200.000.000

Kế hoạch đầu tư

Theo Hợp đồng khung về hợp tác đầu tư số 19/2022/HĐK/CMH-THPT ngày 4/4/2022 giữa Bên A (là các cổ đông của bên B), Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ (Bên B) và Công ty (Bên C), Bên B và Bên C sẽ cùng thành lập một Công ty TNHH hai thành viên (“Công ty nhận chuyển nhượng dự án”) để Công ty này nhận chuyển nhượng và thực hiện Dự án khu nhà ở đô thị, văn hóa thể thao huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (“Dự án”), với tỷ lệ vốn góp của Bên B là 49% và Bên C là 51%. Dự án (đang do Bên B là chủ đầu tư) sẽ được chuyển nhượng cho Công ty nhận chuyển nhượng trong vòng 90 ngày ngay sau khi Dự án đáp ứng đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật.

3. Phải thu của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần CM Nha Trang (*)	36.780.000.000	56.780.000.000
Ông Nguyễn Đức Anh	36.780.000.000	-
Ông Phạm Văn Tùng	-	56.780.000.000
Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ	42.490.124.868	-
Các khách hàng khác	43.563.380.959	25.537.640.216
Cộng	122.833.505.827	82.317.640.216

(*) Công ty đã chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần CM Nha Trang cho ông Phạm Văn Tùng theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 28/12/2021, tổng giá trị chuyển nhượng 66.780.000.000 VND, thời hạn thanh toán trước ngày 31 tháng 12 năm 2022. Trong năm 2022, Ông Phạm Văn Tùng đã thanh toán thêm 20.000.000.000 VND và chuyển nhượng số cổ phần này cho ông Nguyễn Đức Anh (Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CM Nha Trang) theo hợp đồng chuyển nhượng cổ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

phần và Phụ lục hợp đồng chuyển nhượng số 01 ngày 20/10/2022. Ông Nguyễn Đức Anh cam kết thanh toán số tiền 36.780.000.000 VND thay cho Ông Phạm Văn Tùng trước ngày 30/06/2023.

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hazama Ando Corporation	6.713.266.788	6.111.274.038
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh	4.761.319.000	9.142.548.356
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Tĩnh	7.669.233.000	7.586.317.000
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 8	5.000.000.000	-
Các khách hàng khác	6.306.573.542	7.129.557.712
Cộng	<u>30.450.392.330</u>	<u>29.969.697.106</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Thành Sen	-	1.566.500.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Nhân lực và Thương mại vận tải	1.640.000.000	-
Công ty Cổ phần Trường Sanh Điện Biên	4.605.500.000	-
Công ty Cổ phần Bạch Đằng Bisico	1.186.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	2.433.731.574	2.950.668.367
Cộng	<u>9.865.231.574</u>	<u>4.517.168.367</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bà Ngô Thị Trang ⁽ⁱ⁾	10.194.123.288	-
Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ ⁽ⁱⁱ⁾	-	14.860.000.000
Cộng	<u>10.194.123.288</u>	<u>14.860.000.000</u>

⁽ⁱ⁾ Cho vay Bà Ngô Thị Trang (nhân viên Công ty) theo Hợp đồng cho vay ngày 07/04/2022, mục đích thực hiện các hoạt động hợp pháp, thời hạn 31/12/2022, lãi suất 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

⁽ⁱⁱ⁾ Cho vay Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ theo Hợp đồng cho vay ngày 30/11/2021 và hợp đồng vay số 14/2022/HĐV/CMH-THPT ngày 21/3/2022, mục đích thực hiện hoạt động hợp pháp, thời hạn 3 tháng, lãi suất 3,6%/năm. Hợp đồng vay được thế chấp bằng 100% cổ phần của Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ được sở hữu bởi 03 cổ đông cá nhân. Trong năm, khoản cho vay này đã được chuyển thành khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ. Chi tiết như sau:

Số đầu năm	14.860.000.000
Cho vay trong năm	20.000.000.000
Lãi cho vay nhập gốc	234.842.249
Chuyển sang Hợp đồng đặt cọc	<u>(35.094.842.249)</u>
Số cuối năm	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	2.713.473.722	-	1.619.892.058	-
Công ty Cổ phần CM Thành Đông - Tiền chi hộ	1.698.646	-	1.698.646	-
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại Ông Phạm Minh Phúc - Tạm ứng	6.000.000	-	6.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Tú -Tạm ứng	-	-	300.000.000	-
Ông Dương Ngọc Trường -Tạm ứng	1.533.781.076	-	971.914.482	-
Ông Trần Văn Trung - Tạm ứng	892.500.000	-	60.784.930	-
Ông Trần Văn Trung - Tạm ứng	279.494.000	-	279.494.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	112.169.508.757 (39.850.706.013)	-	46.010.376.496 (39.850.706.013)	-
Dư thu lãi tiền gửi có kỳ hạn, lãi cho vay Tạm ứng	1.501.041.392	-	1.295.758.992	-
5.004.186.858	-	2.882.974.312	-	
Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ (*)	63.870.775.678	-	-	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	1.058.271.179	-	1.275.271.179	-
Công ty Cổ phần Cavico Điện Lực và Tài nguyên	21.540.049.741 (21.540.049.741)	-	21.540.049.741 (21.540.049.741)	-
Công ty Cổ phần Cavico Khai Thác Mỏ và Xây dựng	5.700.000.000 (5.700.000.000)	-	5.700.000.000 (5.700.000.000)	-
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	12.610.656.272 (12.610.656.272)	-	12.610.656.272 (12.610.656.272)	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	884.527.637	-	705.666.000	-
Cộng	114.882.982.479 (39.850.706.013)	-	47.630.268.554 (39.850.706.013)	-

(*) Theo Hợp đồng khung về hợp tác đầu tư số 19/2022/HĐK/CMH-THPT ngày 4/4/2022 và Phụ lục hợp đồng, Công ty sẽ “Đặt cọc” để bảo đảm cho việc giao kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch liên quan đến dự án khu nhà ở đô thị, văn hóa thể thao huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (“Cẩm Khê Central Park”). Trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng, Công ty sẽ được hưởng một khoản lợi ích khác tương ứng với 7%/năm tính trên số tiền đặt cọc và được tính hằng năm. Tiền đặt cọc có thể được thỏa thuận đối trừ nghĩa vụ thanh toán giữa các bên, hoặc được hoàn trả lại theo thỏa thuận. Tại thời điểm ký Hợp đồng khung, toàn bộ số tiền cho vay (xem Thuyết minh số V.5) được chuyển thành tiền đặt cọc là 35.094.824.249 VND.

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Các khoản dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi sau đây đều có giá gốc bằng giá trị dự phòng:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cavico Điện Lực và Tài nguyên	(21.540.049.741)	(21.540.049.741)
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm	(2.267.704.120)	(2.267.704.120)
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện	(704.446.925)	(704.446.925)
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng	(5.700.000.000)	(5.700.000.000)
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	(12.610.656.272)	(12.610.656.272)
Các khách hàng khác	(146.350.000)	(146.350.000)
Cộng	(42.969.207.058)	(42.969.207.058)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.803.406.219	-	10.143.718.322	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	8.938.694.858	-	24.207.929.823	-
Cộng	11.742.101.077	-	34.351.648.145	-

(*) Chi tiết theo các công trình, dự án như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Nậm Ngừm	-	5.944.845.693
Dự án KrongPack Thượng	-	988.966.232
Gói thầu XL1 kênh Linh Cảm - Ngàn Trươi	-	995.075.206
Dự án Hầm Trường Vinh	2.195.560.688	16.253.818.132
Dự án Cẩm Khê Central Park	3.487.575.309	-
Dự án Khu vực Phú Thọ	1.684.189.391	-
Dự án Khu vực Kontum	569.288.514	-
Dự án Khu vực Bến Tre	1.002.080.956	-
Các dự án khác	-	25.224.560
Cộng	8.938.694.858	24.207.929.823

9. Chi phí trả trước**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	334.089.605	1.171.926.257
Chi phí sửa chữa	-	41.144.281
Phí bảo lãnh	93.668.232	15.211.948
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	247.280.687	48.137.415
Cộng	675.038.524	1.276.419.901

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dịch vụ	424.682.369	45.942.574
Phí bảo lãnh	12.737.503	19.685.227
Chi phí sửa chữa, lắp đặt	759.234.027	65.800.980
Các chi phí trả trước dài hạn khác	38.337.752	79.240.752
Cộng	1.234.991.651	210.669.533

19
 HI
 CÔ
 NI
 101
 A
 TÀI
 Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	33.093.501.662	7.485.930.999	550.135.211	41.129.567.872
Mua trong năm	23.601.333.333	8.070.000.000	31.000.000	31.702.333.333
Thanh lý, nhượng hán	(11.795.672.050)	-	-	(11.795.672.050)
Số cuối năm	44.899.162.945	15.555.930.999	581.135.211	61.036.229.155
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	18.275.102.338	3.146.169.363	493.181.575	21.914.453.276
Chờ thanh lý	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	28.797.298.960	6.198.135.258	495.273.958	35.490.708.176
Khấu hao trong năm	3.154.796.174	1.576.908.586	16.381.164	4.748.085.924
Thanh lý, nhượng bán	(10.976.470.989)	-	-	(10.976.470.989)
Số cuối năm	20.975.624.145	7.775.043.844	511.655.122	29.262.323.111
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	4.296.202.702	1.287.795.741	54.861.253	5.638.859.696
Số cuối năm	23.923.538.800	7.780.887.155	69.480.089	31.773.906.044
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Tài sản cố định có giá trị còn lại 4.166.666.666 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng.

11. Tài sản cố định vô hình

	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	209.455.000	38.000.000	247.455.000
Số cuối năm	209.455.000	38.000.000	247.455.000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	38.000.000	38.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	160.582.138	38.000.000	198.582.138
Khấu hao trong năm	20.945.496	-	20.945.496
Số cuối năm	181.527.634	38.000.000	219.527.634
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	48.872.862	-	48.872.862
Số cuối năm	27.927.366	-	27.927.366
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phải trả người bán

12a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	40.702.292.087	40.735.292.087
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	32.522.151.329	32.555.151.329
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	2.593.435.048	2.593.435.048
Công ty TNHH CM Xây dựng	5.586.705.710	5.586.705.710
Phải trả các nhà cung cấp khác	36.965.943.049	17.507.829.193
Công ty TNHH Thiết bị nặng Marubeni	18.075.600.000	
Các nhà cung cấp khác	18.890.343.049	17.507.829.193
Cộng	77.668.235.136	58.243.121.280

12b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp 5	990.987.779	1.951.177.300
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển C & D	1.669.338.000	1.022.724.501
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu và Xây dựng Nông nghiệp Hà Nội	2.227.279.180	2.206.379.840
Công ty TNHH Hòa Hiệp	1.588.606.000	1.588.606.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	-	2.308.514.033
Công ty Cổ phần Xây dựng Hợp Lực	1.587.922.350	1.018.192.750
Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển Nông thôn 10	1.593.881.497	1.053.552.720
Các nhà cung cấp khác	1.207.015.750	4.186.659.138
Cộng	10.865.030.556	15.335.806.282

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	8.643.627.000	25.003.560.000
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi 8	-	11.258.000.000
Ban Quản lý Dự án các Công Trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Điện Biên	9.495.000.000	9.495.000.000
Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ (*)	20.800.000.000	-
Nguyễn Văn Thắng (**)	5.199.999.990	-
Nguyễn Thị Loan (**)	6.400.000.000	-
Phạm Đức Thắng (**)	3.400.000.000	-
Các khách hàng khác	2.744.529.000	3.555.555.000
Cộng	56.683.155.990	49.312.115.000

(*) Tiền ứng trước theo Hợp đồng tổng thầu EPC ngày 11/2/2022 dự án khu nhà ở đô thị, văn hóa thể thao huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ ("Cẩm Khê Central Park"). Giá trị hợp đồng tạm tính 1.026,362 tỷ VND. Tiến độ dự kiến 60 tháng, từ quý I/2022 đến quý IV/2026. Công ty được tạm ứng 5% giá trị hợp đồng từng năm, tương đương số được ứng năm 2022 là 22,8 tỷ VND. Đến ngày 31/12/2022, Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ đã ứng 20,8 tỷ VND.

(**) Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 4.920.000 cổ phần của Công ty Cổ phần CM Phan Thiết (Công ty con) cho 3 cá nhân theo các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 55/2022/CNCP, số 56/2022/CNCP và số 57/2022/CNCP ngày 19/9/2022 với giá chuyển nhượng 10.244 VND/cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng là 50.400.000.000 VND. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, việc chuyển nhượng chưa hoàn tất do các cá nhân chưa thanh toán đủ số tiền chuyển nhượng. Số tiền còn lại chưa thanh toán là 35.400.000.010 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	449.567.000	-	(522.478.000)	-	972.145.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.880.897.933		1.094.716.600	(375.409.436)	3.600.205.097	-
Thuế thu nhập cá nhân	700.144.188	-	15.662.247	(196.766.295)	519.040.140	-
Lệ phí môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	119.234.261	-	629.164.783	(466.192.687)	282.206.357	-
Cộng	3.700.276.382	449.567.000	1.742.543.630	(1.563.846.418)	4.401.451.594	972.045.000

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.871.588.949	11.364.942.606
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	3.601.994.050	12.261.144.462
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.750.309.475	13.505.767.492
<i>Lãi phạt chậm nộp thuế, BHXH, các khoản phạt</i>	<i>643.296.866</i>	<i>200.354.841</i>
<i>Thu lao HDQT không trực tiếp điều hành</i>	<i>228.000.000</i>	<i>198.000.000</i>
<i>Khấu hao TSCĐ xe ô tô trên 1,6 tỷ</i>	<i>698.000.000</i>	<i>51.000.000</i>
<i>Lỗ CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền</i>	<i>-</i>	<i>20.590.326</i>
<i>Hoàn nhập lãi dự thu tiền gửi năm trước</i>	<i>1.078.109.239</i>	<i>1.908.868.794</i>
<i>Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ khác</i>	<i>2.102.903.370</i>	<i>2.330.133.512</i>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng khác</i>	<i>-</i>	<i>8.796.820.019</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.148.315.426)	(1.244.623.030)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền, phải thu năm nay</i>	<i>(316.050.285)</i>	<i>-</i>
<i>Lỗ CLTG do đánh giá lại các khoản tiền, phải thu cuối năm trước</i>	<i>(20.590.326)</i>	<i>(16.622.320)</i>
<i>Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn cuối năm</i>	<i>(811.674.815)</i>	<i>(1.228.000.710)</i>
Thu nhập chịu thuế	5.473.582.999	23.626.087.068
Lỗi các năm trước được chuyển	-	(5.622.865.206)
Thu nhập tính thuế	5.473.582.999	18.003.221.862
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.094.716.600	3.600.644.373
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	(1.080.193.312)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.094.716.600	2.520.451.061

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Nợ thuế quá hạn

Tại ngày 31/12/2022, số thuế quá hạn nộp bao gồm: Thuế thu nhập doanh nghiệp 2.505.488.497 VND, thuế thu nhập cá nhân 503.377.893 VND và lãi phạt chậm nộp 282.206.357 VND.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	34.727.896	-
Trích trước chi phí công trình	19.631.887.305	11.810.282.242
Cộng	<u>19.666.615.201</u>	<u>11.810.282.242</u>

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	3.826.377	314.377.217
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	19.372.377
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	600.785.972	102.497.920
Cộng	<u>604.612.349</u>	<u>436.247.514</u>

17. Vay

17a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>19.698.471.321</i>	<i>19.698.471.321</i>
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	2.074.471.321	2.074.471.321
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	6.624.000.000	6.624.000.000
Ông Nguyễn Đức Hường ⁽ⁱ⁾	11.000.000.000	11.000.000.000
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>18.667.823.330</i>	<i>19.090.607.193</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	-	3.269.030.698
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1 ⁽ⁱⁱ⁾	16.834.223.334	15.821.576.495
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.17b)</i>	<i>1.833.600.000</i>	<i>-</i>
Cộng	<u>38.366.294.655</u>	<u>38.789.078.514</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) Khoản vay Ông Nguyễn Đức Hường theo hợp đồng ngày 20/12/2021. Khoản vay không có tài sản đảm bảo, để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0% đến ngày 31/8/2022. Từ ngày 01/09/2022, lãi suất 4%/năm theo phụ lục gia hạn hợp đồng.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp và các khoản lương cho cán bộ công nhân viên với lãi suất thả nổi, thời hạn vay không quá 6 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Lãi suất kỳ này là 6,9%. Khoản vay này được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và quyền đòi nợ của các hợp đồng xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn bên liên quan	19.698.471.321	-	-	-	19.698.471.321
Vay ngắn hạn ngân hàng	19.090.607.193	61.903.377.421	-	(64.159.761.280)	16.834.223.334
Vay ngắn hạn cá nhân	-	5.600.000.000	-	(5.600.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	1.833.600.000	-	1.833.600.000
Cộng	38.789.078.514	67.503.377.421	1.833.600.000	(69.759.761.280)	38.366.294.655

17b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1 ⁽ⁱ⁾	1.335.600.000	-
Ngân hàng TMCP Vietinbank - Chi nhánh Thành An ⁽ⁱⁱ⁾	2.200.000.000	-
Cộng	3.535.600.000	38.789.078.514

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 theo Hợp đồng ngày 28/01/2022 để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Vietinbank theo Hợp đồng ngày 29/08/2022 để thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của công ty là 2 máy đào bánh lốp.

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.833.600.000	-
Trên 1 năm đến 5 năm	3.535.600.000	-
Cộng	5.369.200.000	-

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	-
Số tiền vay phát sinh	6.700.000.000
Số tiền vay đã trả	(1.330.800.000)
Số kết chuyển	(1.833.600.000)
Số cuối năm	3.535.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Vốn chủ sở hữu****18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	172.000.000.000	(211.950.000)	(7.157.146.497)	164.630.903.503
Lợi nhuận năm trước	-	-	8.844.491.545	8.844.491.545
Số dư cuối năm trước	172.000.000.000	(211.950.000)	1.687.345.048	173.475.395.048
Số dư đầu năm nay	172.000.000.000	(211.950.000)	1.687.345.048	173.475.395.048
Tăng vốn trong năm ⁽ⁱ⁾	82.525.000.000	(230.000.000)	-	82.295.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	776.872.350	776.872.350
Số dư cuối năm nay	254.525.000.000	(441.950.000)	2.464.217.398	256.547.267.398

⁽ⁱ⁾ Ngày 15 tháng 7 năm 2022, Công ty đã nhận được Công văn số 4527/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp nhận Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Công ty. Theo đó, Công ty đã bán 8.252.500 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 23,99% tổng số cổ phiếu đăng ký chào bán)

18b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	25.452.500	17.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	25.452.500	17.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	25.452.500	17.200.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**19a. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	486,14	4,02
Euro (EUR)	132,33	2.378,09
Kíp Lào (LAK)	1.783,31	1.193.721,80
Baht Thái Lan (THB)	1.193.721,80	2.843,31

19b. Nợ đã xóa sổ

Nợ đã xóa sổ bao gồm các khoản nợ phải thu, phải trả liên quan đến chủ đầu tư và nhà thầu phụ công trình dự án Thủy điện Sông Bạc, phát sinh từ lâu ngày, đến nay không thực hiện được thủ tục đối chiếu, thanh toán. Chi tiết bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải thu		
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc (Phải thu khách hàng)	13.927.265.023	13.927.265.023
Công ty TNHH Thiết bị và Xây dựng Phoenix (Trả trước người bán)	264.820.000	264.820.000
Cộng	14.192.085.023	14.192.085.023

5-01
 IAN
 TỶ
 MHL
 VÀ T
 C
 HÀ N
 T

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ phải trả nhà cung cấp		
Công ty Cổ phần Xây dựng Bản Việt	1.321.590.557	1.321.590.557
Công ty TNHH Kinh doanh tổng hợp Huy Hùng	6.038.825.952	6.038.825.952
Công ty Cổ phần Công nghiệp Xây dựng Toàn Phát	1.120.314.660	1.120.314.660
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Toàn Thắng	316.088.850	316.088.850
Cộng	8.796.820.019	8.796.820.019

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	136.632.576	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng	145.757.987.708	180.696.155.771
Cộng	145.894.620.284	180.696.155.771
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu khu vực trong nước</i>	136.703.261.891	169.129.381.569
<i>Doanh thu khu vực nước ngoài</i>	9.191.358.393	11.566.774.202
Cộng	145.894.620.284	180.696.155.771

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong năm, Công ty chỉ phát sinh doanh thu cho thuê máy móc thiết bị với bên liên quan là Công ty Cổ phần CM Nha Trang, số tiền 109.090.909 VND (năm trước không có giao dịch phát sinh).

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	27.129.630	-
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	132.907.480.881	184.220.621.168
Cộng	132.934.610.511	184.220.621.168
<i>Trong đó:</i>		
<i>Giá vốn khu vực trong nước</i>	125.971.746.481	166.357.662.528
<i>Giá vốn khu vực nước ngoài</i>	6.962.864.030	17.862.958.640
Cộng	132.934.610.511	184.220.621.168

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.220.100.153	3.107.479.545
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	19.158.660	6.340.056
Lãi tiền cho vay	706.559.073	32.860.000
Lãi đầu tư trái phiếu	306.660.000	312.360.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	36.927.252	198.533.246
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	316.050.285	-
Lãi thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	24.961.822.521
Cộng	3.605.455.423	28.619.395.368

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bán thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.775.968.265	1.326.941.766
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	10.803.475	270.902.139
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	20.590.326
Lỗi chuyển nhượng Công ty liên kết	381.648.240	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	555.723.986	1.598.351.760
Cộng	3.724.143.966	3.216.785.991

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	7.000.302.194	5.432.499.577
Chi phí vật liệu quản lý	13.725.545	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.692.634.162	767.537.371
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.642.778.109	221.455.383
Thuế, phí và lệ phí	7.722.222	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.268.312.977	3.950.505.465
Các chi phí khác	402.321.109	63.824.743
Cộng	16.027.796.318	10.438.822.539

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	5.653.507.324	2.157.693.800
Lãi thanh lý tài sản cố định	3.812.358.913	72.727.273
Thu nhập từ thanh lý	4.790.819.519	72.727.273
Giá trị còn lại tài sản cố định	(819.201.061)	-
Chi phí thanh lý	(159.259.545)	-
Thu nhập từ tiền đặt cọc	2.757.433.429	-
Thu nhập khác	800.045	52.029.952
Cộng	12.224.099.711	2.282.451.025

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị của vật tư, công cụ dụng cụ thanh lý	5.562.046.499	56.925.271
Các khoản phạt vi phạm hành chính, phạt thuế	629.164.783	214.100.409
Các khoản nợ khó đòi không thu hồi được	751.009.063	-
Chi phí khác	223.815.329	2.085.804.180
Cộng	7.166.035.674	2.356.829.860

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.451.119.300	65.981.777.432
Chi phí nhân công	14.309.977.529	22.076.157.930
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.769.031.420	3.189.452.167
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.389.452.020	89.600.759.666
Chi phí khác	1.773.591.595	3.293.239.661
Cộng	<u>133.693.171.864</u>	<u>184.141.386.856</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi cho vay nhập gốc	806.367.196	869.242.409
Chuyển khoản cho vay thành đặt cọc	35.094.842.249	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Tạm ứng cho Ông Kim Ngọc Nhân	-	300.000.000
Tạm ứng cho Ông Phạm Minh Phúc	300.000.000	200.000.000
Tạm ứng cho Ông Dương Ngọc Trường	2.361.465.070	65.000.000
Tạm ứng cho Ông Trần Văn Trung	-	1.868.494.000
Tạm ứng cho Ông Nguyễn Ngọc Tú	1.455.140.000	2.696.705.585
Tạm ứng cho Bà Đinh Thị Thủy	-	500.000.000
Vay Bà Đinh Thị Thủy	-	12.094.000.000
Trả tiền vay cho Bà Đinh Thị Thủy	-	12.094.000.000
Vay Ông Nguyễn Đức Hường	-	11.000.000.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.6a và V.17a.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch HĐQT/ thành viên Ban KTNB	601.000.000	180.000.000	781.000.000
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc	667.000.000	18.000.000	685.000.000
Ông Nguyễn Đức Hương	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Duy	Thành viên HĐQT	-	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Thành viên HĐQT	-	12.000.000	12.000.000
Ông Trần Văn Trung	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	384.800.000	6.000.000	390.800.000
Ông Lương Sơn Hùng	Thành viên HĐQT/ Trưởng ban KTNB	-	6.000.000	6.000.000
Ông Dương Ngọc Trường	Phó Tổng Giám đốc	202.000.000	-	202.000.000
Bà Đinh Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng	498.800.000	-	498.800.000
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	497.600.001	-	497.600.001
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	606.800.000	-	606.800.000
Cộng		3.458.000.001	252.000.000	3.710.000.001
Năm trước				
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch HĐQT/ thành viên Ban KTNB	616.000.000	180.000.000	796.000.000
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc	670.000.000	16.500.000	686.500.000
Ông Trần Văn Trung	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	372.800.000	16.500.000	389.300.000
Ông Lương Sơn Hùng	Thành viên HĐQT/ Trưởng ban KTNB	-	18.000.000	18.000.000
Ông Dương Ngọc Trường	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	618.800.000	18.000.000	636.800.000
Ông Nguyễn Đức Hương	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	-	1.500.000	1.500.000
Bà Đinh Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng	509.300.000	-	509.300.000
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	497.600.000	-	497.600.000
Cộng		3.284.500.000	250.500.000	3.535.000.000

AA9E
CHI
CƠ
CH NH
A TOÁ
A
TẠI
VGD

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Công ty con
Công ty Cổ phần CM Phan Thiết	Công ty con
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH CM Xây dựng	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần CM Nha Trang	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Hạ tầng Vietin	Công ty liên kết (đến ngày 23/3/2022)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.6a và V.12a.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động của Công ty trong năm nay tập trung ở khu vực trong nước, với lĩnh vực kinh doanh chính là xây dựng, lắp đặt công trình. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh. Chi tiết các loại Doanh thu và Giá vốn được trình bày tại Thuyết minh VI.1 và VI.2.

3. Số liệu so sánh

Căn cứ kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế tại Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam thời kỳ năm 2019 đến năm 2021 theo Biên bản thanh tra thuế ngày 24/6/2022, Cục trưởng Cục thuế thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 31143/QĐ-CTHN-TTKT3-XPVPHC ngày 1/7/2022 về việc xử phạt vi phạm hành chính và yêu cầu Công ty kê khai, điều chỉnh các khoản thuế GTGT, thuế TNDN, nộp bổ sung các khoản thuế, khoản phạt chậm nộp theo kết quả kiểm tra.

Theo đó, Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 liên quan đến nghĩa vụ thuế như sau:

- Điều chỉnh giảm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ, số tiền 1.557.224.008 VND;
- Điều chỉnh tăng thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu, số tiền 1.869.444.236 VND;
- Điều chỉnh tăng khoản chậm nộp tiền thuế vào Ngân sách nhà nước, số tiền 119.234.261 VND.

15-C
HÀ
T
M
H
V
C
HÀ
N

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAMĐịa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Ảnh hưởng của việc trình bày lại đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:*

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	10.976.365.799	(1.557.224.008)	9.419.141.791
Tổng Tài sản	270	363.451.428.032	(1.557.224.008)	361.894.204.024
Nợ phải trả	300	186.430.130.479	1.988.678.497	188.418.808.976
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.711.597.885	1.988.678.497	3.700.276.382
Nguồn vốn chủ sở hữu	400	177.021.297.553	(3.545.902.505)	173.475.395.048
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.233.247.553	(3.545.902.505)	1.687.345.048
Tổng Nguồn vốn	440	363.451.428.032	(1.557.224.008)	361.894.204.024

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	10.377.585.796	61.236.743	10.438.822.539
Chi phí khác	32	741.608.334	1.615.221.526	2.356.829.860
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	13.041.400.875	(1.676.458.269)	11.364.942.606
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.278.653.402	1.241.797.659	2.520.451.061
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	11.762.747.473	(2.918.255.928)	8.844.491.545

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Lợi nhuận trước thuế	01	13.041.400.875	(1.676.458.269)	11.364.942.606
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	26.782.276.473	1.557.224.008	28.339.500.481
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(30.249.232.437)	119.234.261	(30.129.998.176)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đinh Thị Thủy

Đinh Thị Thủy

Kim Ngọc Nhân

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (tên cũ là Công ty Cổ phần CMVIETNAM) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018225 ngày 02 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 18 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên Công ty, tăng vốn điều lệ và thay đổi địa chỉ trụ sở chính, trong đó thay đổi lần 18 ngày 02 tháng 8 năm 2022 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024.35738555
- Fax : 024.38564666

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán nội bộ, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Đức Hường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 11 năm 2021
Ông Nguyễn Hoàng Duy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Trần Văn Trung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Lương Sơn Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022

Ủy ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2022
Ông Lương Sơn Hùng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Minh Phúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2018
Ông Nguyễn Hoàng Duy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2022
Ông Trần Minh Đức	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Kim Ngọc Nhân	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2019
Bà Đinh Thị Thùy	Phó Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2014 Bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2015
Ông Trần Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2022
Ông Dương Ngọc Trường	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Kim Ngọc Nhân - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

Ngày 28 tháng 3 năm 2023

HI
CÔ
TỔ
A
T
3

Số: 2.0264/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các Công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

5-C
HAI
T
MH
VÀ
& C
HAI

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

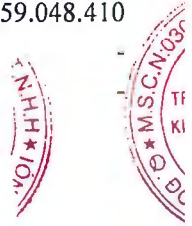
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		432.233.561.286	320.190.150.340
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	37.966.006.431	15.021.883.007
1. Tiền	111		518.443.232	12.267.424.103
2. Các khoản tương đương tiền	112		37.447.563.199	2.754.458.904
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		27.791.736.291	34.314.990.418
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	27.791.736.291	34.314.990.418
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		329.055.643.908	208.705.898.514
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	154.488.553.600	101.616.259.667
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	10.033.231.613	5.655.168.406
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	10.194.123.288	14.860.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	198.194.361.216	130.412.896.250
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(43.854.625.809)	(43.838.425.809)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		27.938.090.163	50.694.830.813
1. Hàng tồn kho	141	V.8	27.938.090.163	50.694.830.813
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.482.084.493	11.452.547.588
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	676.672.686	1.308.581.512
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.723.722.966	9.584.917.666
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	1.081.688.841	559.048.410
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		65.811.728.382	58.205.352.289
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		30.553.892.330	30.073.197.106
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	30.450.392.330	29.969.697.106
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	103.500.000	103.500.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		31.801.833.410	5.689.579.161
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	31.773.906.044	5.640.706.299
<i>Nguyên giá</i>	222		180.890.677.569	161.083.516.286
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(149.116.771.525)	(155.442.809.987)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	27.927.366	48.872.862
<i>Nguyên giá</i>	228		247.455.000	247.455.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(219.527.634)	(198.582.138)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	19.386.796.595
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	-	11.601.648.240
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	-	7.785.148.355
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.456.002.642	3.055.779.427
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	1.275.138.995	251.811.881
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.12	2.180.863.647	2.803.967.546
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		498.045.289.668	378.395.502.629

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		189.279.213.157	151.958.644.062
I. Nợ ngắn hạn	310		173.283.607.577	134.819.337.201
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	54.249.711.370	22.359.400.521
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	56.683.155.990	49.312.115.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	4.636.960.749	5.260.338.374
4. Phải trả người lao động	314		1.951.475.903	5.619.003.521
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	19.761.160.656	12.037.868.012
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	3.773.560.531
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		147.375.225	405.381.313
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	1.151.988.647	927.107.033
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	29.673.823.334	30.096.607.193
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.027.955.703	5.027.955.703
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		15.995.605.580	17.139.306.861
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	10.865.030.556	15.335.806.282
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	3.535.600.000	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19	1.594.975.024	1.803.500.579
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		308.766.076.511	226.436.858.567
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	308.766.076.511	226.436.858.567
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		254.525.000.000	172.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		254.525.000.000	172.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(441.950.000)	(211.950.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		438.281.768	438.281.768
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.181.735.447	869.063.238
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		869.063.238	869.063.238
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		312.672.209	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		53.063.009.296	53.341.463.561
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		498.045.289.668	378.395.502.629

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

5-0C
IÁNI
TY
HỮU
VÀ T
C
A H
TF

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	160.239.540.091	187.443.869.163
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		160.239.540.091	187.443.869.163
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	146.982.221.291	185.490.636.367
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.257.318.800	1.953.232.796
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.680.569.466	33.233.603.848
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.168.419.980	1.618.434.231
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.775.968.265	1.326.941.766
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	-	(6.018.812.982)
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	17.899.471.306	13.458.484.953
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.130.003.020)	14.091.104.478
12. Thu nhập khác	31	VI.6	12.246.826.984	2.282.451.668
13. Chi phí khác	32	VI.7	7.202.625.459	2.461.071.745
14. Lợi nhuận khác	40		5.044.201.525	(178.620.077)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		914.198.505	13.912.484.401
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.088.506.116	3.072.568.506
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.19	(208.525.555)	(856.694.152)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		34.217.944	11.696.610.047
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		312.672.209	10.863.113.935
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(278.454.265)	833.496.112
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	15	632
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	15	632

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc

Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		914.198.505	13.912.484.401
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10-12	5.393.981.922	4.015.947.533
- Các khoản dự phòng	03		16.200.000	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(316.050.285)	20.590.326
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.686.757.172)	(26.944.793.745)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.775.968.265	1.326.941.766
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.097.541.235	(7.668.829.719)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(158.444.844.888)	(54.985.008.948)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		22.756.740.650	15.281.711.795
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		15.847.664.238	(39.288.257.328)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(391.418.288)	(1.093.721.914)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.741.240.369)	(1.326.941.766)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(838.745.296)	(1.488.579.341)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(121.714.302.718)	(90.569.627.221)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(13.626.733.333)	(3.604.680.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		4.654.287.247	72.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(57.566.800.000)	(78.932.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		77.347.446.390	96.211.565.129
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		46.219.999.990	10.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.221.669.630	3.835.334.999
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		59.249.869.924	27.582.946.492

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.20	82.295.000.000	32.800.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	74.203.377.421	130.880.794.959
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(71.090.561.280)	(103.982.960.859)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		85.407.816.141	58.497.834.100
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		22.943.383.347	(4.488.846.629)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	15.021.883.007	19.511.639.485
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		740.077	(909.849)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	37.966.006.431	15.021.883.007

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đinh Thị Thủy

Đinh Thị Thủy

Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 05 Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Giải thể công ty con

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 32/2022/NQ-HĐQT-CMH ngày 08 tháng 9 năm 2022 đã thông qua việc giải thể Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại. Ngày 03 tháng 01 năm 2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội – Phòng Đăng ký kinh doanh đã có thông báo về việc Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại đang làm thủ tục giải thể.

Chuyển nhượng công ty con

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 31/2022/NQ-HĐQT-CMH ngày 08 tháng 9 năm 2022 đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần CM Phan Thiết với giá chuyển nhượng dự kiến không thấp hơn 10.000 VND/cổ phần. Ngày 19 tháng 9 năm 2022, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần trên cho 03 cá nhân với tổng giá chuyển nhượng 50.400.000.000 VND. Tại thời điểm lập báo cáo này, việc chuyển nhượng chưa hoàn tất do các cá nhân chưa thanh toán đủ số tiền chuyển nhượng (Xem thêm Thuyết minh V.14).

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Thương mại	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R’Lấp, tỉnh Đăk Nông	Xây lắp và hoạt động khai thác khoáng sản	68,44%	68,44%	68,44%	68,44%
Công ty Cổ phần CM Phan Thiết	83 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hàm Tiên, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Cung cấp dịch vụ khách sạn	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH CM Xây dựng (*)	Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp và Thương mại	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần CM Thành Đông (*)	Phố Cộng Hòa, thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Xây lắp và Thương mại	79,69%	79,69%	69,67%	69,67%

(*) 02 Công ty này là Công ty con của Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại, theo đó là công ty con gián tiếp của Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam.

5c. Tình hình hoạt động của các Công ty con trong năm

Tên Công ty	Tình hình hoạt động trong năm
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Đang làm thủ tục giải thể
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Thu hẹp quy mô hoạt động.
Công ty TNHH CM Phan Thiết	Đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư xây dựng
Công ty TNHH CM Xây dựng	Đang làm thủ tục giải thể
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	Đang làm thủ tục giải thể

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, có 67 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 165 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

91
HI
CÔ
NI
10
A
TẠI
3 E

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

5-002
HÀNH
TY
HỮU
VÀ TỰ
& C
À NỘI
- TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ bình quân của các Ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ bình quân của các Ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, mức trích lập căn cứ cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

$$\text{Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị sản lượng dở dang đầu kỳ} + \text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ}} \times \text{Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ}$$

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	4 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	3

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Nhãn hiệu, tên thương mại

Nguyên giá của nhãn hiệu, tên thương mại bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhãn hiệu, tên thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn đã tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	590.825	267.726.486
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	243.542.686	11.999.697.617
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	37.447.563.199	2.754.458.904
Cộng	<u>37.691.696.710</u>	<u>15.021.883.007</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau đây đều có giá gốc bằng giá trị ghi sổ:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn	<u>27.791.736.291</u>	<u>34.314.990.418</u>
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống ⁽ⁱ⁾	27.791.736.291	34.314.990.418
Dài hạn	-	<u>7.785.148.355</u>
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng	-	3.225.148.355
Trái phiếu ⁽ⁱⁱ⁾	-	4.560.000.000
Cộng	<u>27.791.736.291</u>	<u>42.100.138.773</u>

(i) Trong đó, các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội với tổng số tiền 20.427.573.077 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng này.

(ii) 456 trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ngày 14 tháng 12 năm 2017, mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu, thời hạn 10 năm với lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tham chiếu +1,2%/năm. Trong năm, Công ty đã tắt toán số trái phiếu này.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	-	13.200.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	-	(1.598.351.760)
Cộng	<u>-</u>	<u>(11.601.648.240)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong năm, Tập đoàn đã bán 1.320.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Hạ Tầng Vietin cho Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Viễn thông Việt Vương theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 23 tháng 3 năm 2022, với giá chuyển nhượng 8.500 đồng/cổ phiếu, tổng giá trị chuyển nhượng 11.220.000.000 VND, lỗ 381.648.240 VND (xem thuyết minh VI.4).

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	11.601.648.240	13.200.000.000
Phần lãi hoặc lỗ trong năm (*)	-	(1.598.351.760)
Giá trị phần chuyển nhượng	(11.601.648.240)	-
Số cuối năm	-	11.601.648.240

(*) Tập đoàn không thu thập được báo cáo tài chính của công ty liên kết đến ngày thanh lý, do đó, kết quả kinh doanh của công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất này đến ngày 30/6/2021 - theo báo cáo tài chính gần nhất thu thập được.

2c. Kế hoạch đầu tư

Theo Hợp đồng khung về hợp tác đầu tư số 19/2022/HĐK/CMH-THPT ngày 4/4/2022 giữa Bên A (là các cổ đông của bên B), Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ (Bên B) và Công ty (Bên C), Bên B và Bên C sẽ cùng thành lập một Công ty TNHH hai thành viên (“Công ty nhận chuyển nhượng dự án”) để Công ty này nhận chuyển nhượng và thực hiện Dự án khu nhà ở đô thị, văn hóa thể thao huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (“Dự án”), với tỷ lệ vốn góp của Bên B là 49% và Bên C là 51%. Dự án (đang do Bên B là chủ đầu tư) sẽ được chuyển nhượng cho Công ty nhận chuyển nhượng trong vòng 90 ngày ngay sau khi Dự án đáp ứng đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật.

3. Phải thu của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần CM Nha Trang (*)	36.780.000.000	56.780.000.000
Ông Nguyễn Đức Anh	36.780.000.000	-
Ông Phạm Văn Tùng	-	56.780.000.000
Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ	42.490.124.868	-
Ban quản lý Dự án Nhà máy Alumina Nhân Cơ - Vinacomin	21.341.148.119	6.735.941.935
Các khách hàng khác	53.877.280.613	38.100.317.732
Cộng	154.488.553.600	101.616.259.667

(*) Công ty đã chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần CM Nha Trang cho ông Phạm Văn Tùng theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 28/12/2021, tổng giá trị chuyển nhượng 66.780.000.000 VND, thời hạn thanh toán trước ngày 31 tháng 12 năm 2022. Trong năm 2022, Ông Phạm Văn Tùng đã thanh toán thêm 20.000.000.000 VND và chuyển nhượng số cổ phần này cho ông Nguyễn Đức Anh (Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CM Nha Trang) theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và Phụ lục hợp đồng chuyển nhượng số 01 ngày 20/10/2022. Ông Nguyễn Đức Anh cam kết thanh toán số tiền 36.780.000.000 VND thay cho Ông Phạm Văn Tùng trước ngày 30/06/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hazama Ando Corporation	6.713.266.788	6.111.274.038
Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh	4.761.319.000	9.142.548.356
Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Tĩnh	7.669.233.000	7.586.317.000
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 8	5.000.000.000	-
Các khách hàng khác	6.306.573.542	7.129.557.712
Cộng	<u>30.450.392.330</u>	<u>29.969.697.106</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng Nhân lực và Thương mại Vận tải	1.640.000.000	-
Công ty Cổ phần Trường Sanh Điện Biên	4.605.500.000	-
Công ty Cổ phần Bạch Đằng Bisico	1.186.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Thành Sen	-	1.566.500.000
Các nhà cung cấp khác	2.601.731.613	4.088.668.406
Cộng	<u>10.033.231.613</u>	<u>5.655.168.406</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bà Ngô Thị Trang ⁽ⁱ⁾	10.194.123.288	-
Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ ⁽ⁱⁱ⁾	-	14.860.000.000
Cộng	<u>10.194.123.288</u>	<u>14.860.000.000</u>

⁽ⁱ⁾ Cho vay Bà Ngô Thị Trang (nhân viên Công ty) theo Hợp đồng cho vay ngày 07/4/2022, mục đích thực hiện các hoạt động hợp pháp, thời hạn đến 31/12/2022, lãi suất 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

⁽ⁱⁱ⁾ Cho vay Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ theo Hợp đồng cho vay ngày 30/11/2021 và hợp đồng vay số 14/2022/HĐV/CMH-THPT ngày 21/3/2022, mục đích thực hiện hoạt động hợp pháp, thời hạn 3 tháng, lãi suất 3,6%/năm. Hợp đồng vay được thế chấp bằng 100% cổ phần của Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ được sở hữu bởi 03 cổ đông cá nhân. Trong năm, khoản cho vay này đã được chuyển thành khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ. Chi tiết như sau:

Số đầu năm	14.860.000.000
Cho vay trong năm	20.000.000.000
Lãi cho vay nhập gốc	234.842.249
Chuyển sang Hợp đồng đặt cọc	(35.094.842.249)
Số cuối năm	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	83.505.775.076	-	81.912.193.412	-
Ông Phạm Minh Phúc – Tiền mua đất ⁽ⁱ⁾	80.800.000.000	-	80.300.000.000	-
Ông Phạm Minh Phúc - Tạm ứng	-	-	300.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Tú - Tạm ứng	1.533.781.076	-	971.914.482	-
Ông Dương Ngọc Trường - Tạm ứng	892.500.000	-	60.784.930	-
Ông Trần Văn Trung - Tạm ứng	279.494.000	-	279.494.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	114.688.586.140 (39.850.706.013)	-	48.500.702.838 (39.910.706.013)	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn, lãi cho vay	4.258.474.821	-	1.295.758.992	-
Tạm ứng	5.378.586.485	-	3.226.337.153	-
Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ ⁽ⁱⁱ⁾	63.870.775.678	-	-	-
Ký quỹ, ký cược khác	1.329.021.179	-	1.546.021.179	-
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	21.540.049.741 (21.540.049.741)	-	21.540.049.741 (21.540.049.741)	-
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	12.610.656.272 (12.610.656.272)	-	12.610.656.272 (12.610.656.272)	-
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng	5.700.000.000 (5.700.000.000)	-	5.700.000.000 (5.700.000.000)	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.758.455.393	-	2.581.879.501 (60.000.000)	-
Cộng	198.194.361.216 (39.850.706.013)	-	130.412.896.250 (39.910.706.013)	-

⁽ⁱ⁾ Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/ĐHCĐ-CMPT của CM Phan Thiết ngày 24/02/2021, CM Phan Thiết ủy quyền cho Ông Phúc thay mặt Công ty ký các hợp đồng mua và đứng tên sở hữu các lô đất tại thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Ông Phúc đã hoàn thành việc mua lại các lô đất từ cá nhân và đứng tên sở hữu các lô đất này từ tháng 4 năm 2021. Các thủ tục pháp lý cần thiết để chuyển đổi mục đích sử dụng đất và sang tên, chuyển quyền sở hữu đất cho CM Phan Thiết hiện đang được thực hiện.

⁽ⁱⁱ⁾ Theo Hợp đồng khung về hợp tác đầu tư số 19/2022/HĐK/CMH-THPT ngày 4/4/2022 và Phụ lục hợp đồng, Công ty sẽ “Đặt cọc” để bảo đảm cho việc giao kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch liên quan đến dự án khu nhà ở đô thị, văn hóa thể thao huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (“Cẩm Khê Central Park”). Trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng, Công ty sẽ được hưởng một khoản lợi ích khác tương ứng với 7%/năm tính trên số tiền đặt cọc và được tính hàng năm. Tiền đặt cọc có thể được thỏa thuận đối trừ nghĩa vụ thanh toán giữa các bên, hoặc được hoàn trả lại theo thỏa thuận. Tại thời điểm ký Hợp đồng khung, toàn bộ số tiền cho vay (xem Thuyết minh số V.5) được chuyển thành tiền đặt cọc là 35.094.824.249 VND.

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	21.540.049.741	(21.540.049.741)	21.540.049.741	(21.540.049.741)
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm	2.267.704.120	(2.267.704.120)	2.267.704.120	(2.267.704.120)
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện	704.446.925	(704.446.925)	704.446.925	(704.446.925)
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác Mỏ và Xây dựng	5.700.000.000	(5.700.000.000)	5.700.000.000	(5.700.000.000)
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	12.610.656.272	(12.610.656.272)	12.610.656.272	(12.610.656.272)
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Thành Vương	440.000.000	(440.000.000)	440.000.000	(440.000.000)
Các khách hàng khác	611.568.751	(591.768.751)	641.568.751	(575.568.751)
Cộng	43.874.425.809	(43.854.625.809)	43.904.425.809	(43.838.425.809)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	43.838.425.809	43.838.425.809
Trích lập dự phòng bổ sung	46.200.000	-
Hoàn nhập dự phòng	(30.000.000)	-
Số cuối năm	43.854.625.809	43.838.425.809

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên-liệu, vật-liệu	4.168.302.828	-	11.571.499.486	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	23.631.193.489	-	38.984.737.481	-
Hàng hóa	138.593.846	-	138.593.846	-
Cộng	27.938.090.163	-	50.694.830.813	-

(*) Chi tiết theo các công trình, dự án như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Nậm Ngừm	-	5.944.845.693
Dự án Cẩm Khê Central Park	3.487.575.309	-
Dự án Hàm Trường Vinh	2.195.560.688	16.253.818.132
Dự án Hồ bùn đỏ Lâm Đồng	5.975.477.645	5.975.477.645
Dự án Khoang số 3 Hồ bùn đỏ Lâm Đồng	7.111.868.747	7.111.868.747
Các công trình, dự án khác	4.860.711.100	3.698.727.264
Cộng	23.631.193.489	38.984.737.481

Giá trị còn lại của các công trình đã hoàn thành đang chờ quyết toán do Ban Quản lý Dự án đang làm thủ tục quyết toán với chủ đầu tư (Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam), số tiền 14.692.498.631 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	334.089.605	1.171.926.257
Chi phí sửa chữa	-	41.144.281
Phí bảo lãnh	93.668.232	15.211.948
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	248.914.849	80.299.026
Cộng	<u>676.672.686</u>	<u>1.308.581.512</u>

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	464.829.713	87.084.922
Chi phí sửa chữa, lắp đặt	759.234.027	65.800.980
Các chi phí trả trước dài hạn khác	51.075.255	98.925.979
Cộng	<u>1.275.138.995</u>	<u>251.811.881</u>

10. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	11.636.984.488	102.807.635.862	44.824.005.132	844.507.151	970.383.653	161.083.516.286
Mua trong năm	-	23.601.333.333	8.070.000.000	31.000.000	-	31.702.333.333
Thanh lý, nhượng bán	-	(11.795.672.050)	-	(99.500.000)	-	(11.895.172.050)
Số cuối năm	<u>11.636.984.488</u>	<u>114.613.297.145</u>	<u>52.894.005.132</u>	<u>776.007.151</u>	<u>970.383.653</u>	<u>180.890.677.569</u>
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	11.636.984.488	77.346.393.077	39.484.997.616	688.053.515	-	129.156.428.696
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	11.636.984.488	98.509.586.557	43.536.209.391	789.645.898	970.383.653	155.442.809.987
Khấu hao trong năm	-	3.156.642.777	1.576.908.586	16.381.164	-	4.749.932.527
Thanh lý, nhượng bán	-	(10.976.470.989)	-	(99.500.000)	-	(11.075.970.989)
Số cuối năm	<u>11.636.984.488</u>	<u>90.689.758.345</u>	<u>45.113.117.977</u>	<u>706.527.062</u>	<u>970.383.653</u>	<u>149.116.771.525</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	-	4.298.049.305	1.287.795.741	54.861.253	-	5.640.706.299
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>23.923.538.800</u>	<u>7.780.887.155</u>	<u>69.480.089</u>	<u>-</u>	<u>31.773.906.044</u>
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 4.166.666.666 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	209.455.000	38.000.000	247.455.000
Số cuối năm	209.455.000	38.000.000	247.455.000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	38.000.000	38.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	160.582.138	38.000.000	198.582.138
Khấu hao trong năm	20.945.496	-	20.945.496
Số cuối năm	181.527.634	38.000.000	219.527.634
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	48.872.862	-	48.872.862
Số cuối năm	27.927.366	-	27.927.366
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

12. Lợi thế thương mại

Là khoản phát sinh khi mua Công ty con - Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường.

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.803.967.546	3.427.071.445
Số phân bổ vào chi phí trong năm	(623.103.899)	(623.103.899)
Số cuối năm	2.180.863.647	2.803.967.546

13. Phải trả người bán**13a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thiết bị nặng Marubeni	18.075.600.000	-
Công ty Xây dựng Công nghiệp mỏ - Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc	13.605.206.184	-
Các nhà cung cấp khác	22.568.905.186	22.359.400.521
Cộng	54.249.711.370	22.359.400.521

13b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp 5	990.987.779	1.951.177.300
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển C&D	1.669.338.000	1.022.724.501
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu và Xây dựng Nông nghiệp Hà Nội	2.227.279.180	2.206.379.840
Công ty TNHH Hòa Hiệp	1.588.606.000	1.588.606.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	-	2.308.514.033
Công ty Cổ phần Xây dựng Hợp Lực	1.587.922.350	1.018.192.750
Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển Nông thôn 10	1.593.881.497	1.053.552.720
Các nhà cung cấp khác	1.207.015.750	4.186.659.138
Cộng	10.865.030.556	15.335.806.282

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ (*)	20.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	8.643.627.000	25.003.560.000
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi 8	-	11.258.000.000
Ban Quản lý Dự án các Công Trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Điện Biên	9.495.000.000	9.495.000.000
Nguyễn Văn Thắng (**)	5.199.999.990	
Nguyễn Thị Loan (**)	6.400.000.000	
Phạm Đức Thắng (**)	3.400.000.000	
Các khách hàng khác	2.744.529.000	3.555.555.000
Cộng	56.683.155.990	49.312.115.000

(*) Tiền ứng trước theo Hợp đồng tổng thầu EPC ngày 11/2/2022 dự án khu nhà ở đô thị, văn hóa thể thao huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (“Cẩm Khê Central Park”). Giá trị hợp đồng tạm tính 1.026,362 tỷ VND. Tiến độ dự kiến 60 tháng, từ quý I/2022 đến quý IV/2026. Công ty được tạm ứng 5% giá trị hợp đồng từng năm, tương đương số được ứng năm 2022 là 22,8 tỷ VND. Đến ngày 31/12/2022, Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ đã ứng 20,8 tỷ VND.

(**) Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 4.920.000 cổ phần của Công ty Cổ phần CM Phan Thiết (Công ty con) cho 3 cá nhân theo các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 55/2022/CNCP, số 56/2022/CNCP và số 57/2022/CNCP ngày 19/9/2022 với giá chuyển nhượng 10.244 VND/cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng là 50.400.000.000 VND. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, việc chuyển nhượng chưa hoàn tất do các cá nhân chưa thanh toán đủ số tiền chuyển nhượng. Số tiền còn lại chưa thanh toán là 35.400.000.010 VND.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	837.678.283	555.751.019	35.780.966	(1.389.065.200)	6.872.049	1.078.229.019
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.404.397.625	-	1.088.506.116	(838.745.296)	3.654.158.445	-
Thuế thu nhập cá nhân	714.248.238	3.297.391	15.499.816	(196.766.295)	533.144.190	3.459.822
Lệ phí môn bài	-	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	304.014.228	-	629.164.783	(490.392.946)	442.786.065	-
Cộng	5.260.338.374	559.048.410	1.777.951.681	(2.923.969.737)	4.636.960.749	1.081.688.841

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là 0%, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

Nợ thuế quá hạn

Tại ngày 31/12/2022, số thuế quá hạn nộp bao gồm: Thuế thu nhập doanh nghiệp 2.505.488.497 VND, thuế thu nhập cá nhân 503.377.893 VND và lãi phạt chậm nộp 282.206.357 VND.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	34.727.896	-
Trích trước chi phí công trình	19.631.887.305	11.810.282.242
Các chi phí phải trả khác	94.545.455	227.585.770
Cộng	<u>19.761.160.656</u>	<u>12.037.868.012</u>

17. Phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	22.360.593	330.074.993
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	39.457.286	65.591.898
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	62.480.000	62.480.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.027.690.768	468.960.142
Cộng	<u>1.151.988.647</u>	<u>927.107.033</u>

18. Vay

18a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn các bên liên quan</i>	<i>11.000.000.000</i>	<i>11.000.000.000</i>
Ông Nguyễn Đức Hường ⁽ⁱ⁾	11.000.000.000	11.000.000.000
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>16.834.223.334</i>	<i>19.090.607.193</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	-	3.269.030.698
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch I ⁽ⁱⁱ⁾	16.834.223.334	15.821.576.495
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân</i>	<i>6.000.000</i>	<i>6.000.000</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh số V.18b)</i>	<i>1.833.600.000</i>	<i>-</i>
Cộng	<u>29.673.823.334</u>	<u>30.096.607.193</u>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ông Nguyễn Đức Hường theo hợp đồng ngày 20/12/2021. Khoản vay không có tài sản đảm bảo, để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0% đến ngày 31/8/2022. Từ ngày 01/09/2022, lãi suất 4%/năm theo phụ lục gia hạn hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp và các khoản lương cho cán bộ công nhân viên với lãi suất thả nổi, thời hạn vay không quá 6 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Lãi suất kỳ này là 6,9%. Khoản vay này được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và quyền đòi nợ của các hợp đồng xây dựng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn bên liên quan	11.000.000.000	-	-	-	11.000.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	19.090.607.193	61.903.377.421	-	(64.159.761.280)	16.834.223.334
Vay ngắn hạn cá nhân	6.000.000	5.600.000.000	-	(5.600.000.000)	6.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	1.833.600.000	-	1.833.600.000
Cộng	30.096.607.193	67.503.377.421	1.833.600.000	(69.759.761.280)	29.673.823.334

18b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1 ⁽ⁱ⁾	1.335.600.000	-
Ngân hàng TMCP Vietinbank - Chi nhánh Thành An ⁽ⁱⁱ⁾	2.200.000.000	-
Cộng	3.535.600.000	38.789.078.514

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 theo Hợp đồng ngày 28/01/2022 để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Vietinbank theo Hợp đồng ngày 29/08/2022 để thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của công ty là 2 máy đào bán lốp.

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.833.600.000	-
Trên 1 năm đến 5 năm	3.535.600.000	-
Trên 5 năm	-	-
Cộng	5.369.200.000	-

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	-
Số tiền vay phát sinh	6.700.000.000
Số tiền vay đã trả	(1.330.800.000)
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(1.833.600.000)
Số cuối năm	3.535.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ do hợp nhất báo cáo tài chính. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.803.500.579	2.660.194.731
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(208.525.555)	(856.694.152)
Số cuối năm	<u>1.594.975.024</u>	<u>1.803.500.579</u>

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	172.000.000.000	(211.950.000)	438.281.768	(9.994.050.697)	19.707.967.449	181.940.248.520
Công ty con phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	32.800.000.000	32.800.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	10.863.113.935	833.496.112	11.696.610.047
Số dư cuối năm trước	<u>172.000.000.000</u>	<u>(211.950.000)</u>	<u>438.281.768</u>	<u>869.063.238</u>	<u>53.341.463.561</u>	<u>226.436.858.567</u>
Số dư đầu năm nay	172.000.000.000	(211.950.000)	438.281.768	869.063.238	53.341.463.561	226.436.858.567
Tăng vốn trong năm	82.525.000.000	(230.000.000)	-	-	-	82.295.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	312.672.209	(278.454.265)	34.217.944
Số dư cuối năm nay	<u>254.525.000.000</u>	<u>(441.950.000)</u>	<u>438.281.768</u>	<u>1.181.735.447</u>	<u>53.063.009.296</u>	<u>308.766.076.511</u>

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, Công ty đã nhận được Công văn số 4527/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp nhận Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Công ty. Theo đó, Công ty đã bán 8.252.500 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 23,99% tổng số cổ phiếu đăng ký chào bán)

20b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	25.452.500	17.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	25.452.500	17.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	25.452.500	17.200.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

21a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	486,14	4,02
Euro (EUR)	132,33	2.378,09
Kíp Lào (LAK)	1.783,31	1.193.721,80
Baht Thái Lan (THB)	1.193.721,80	2.843,31

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21b. Nợ đã xóa sổ

Nợ đã xóa sổ bao gồm các khoản nợ phải thu, phải trả liên quan đến chủ đầu tư và nhà thầu phụ công trình dự án Thủy điện Sông Bạc, phát sinh từ lâu ngày, đến nay không thực hiện được thủ tục đối chiếu, thanh toán. Chi tiết bao gồm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ phải thu		
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc (Phải thu khách hàng)	13.927.265.023	13.927.265.023
Công ty TNHH Thiết bị và Xây dựng Phoenix (Trả trước người bán)	264.820.000	264.820.000
Cộng	<u>14.192.085.023</u>	<u>14.192.085.023</u>
Nợ phải trả nhà cung cấp		
Công ty Cổ phần Xây dựng Bàn Việt	1.321.590.557	1.321.590.557
Công ty TNHH Kinh doanh tổng hợp Huy Hùng	6.038.825.952	6.038.825.952
Công ty Cổ phần Công nghiệp Xây dựng Toàn Phát	1.120.314.660	1.120.314.660
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Toàn Thắng	316.088.850	316.088.850
Cộng	<u>8.796.820.019</u>	<u>8.796.820.019</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.204.092.216	932.181.817
Doanh thu hợp đồng xây dựng	159.035.447.875	186.511.687.346
Cộng	<u>160.239.540.091</u>	<u>187.443.869.163</u>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu khu vực trong nước	151.048.181.698	169.129.381.569
Doanh thu khu vực nước ngoài	9.191.358.393	18.314.487.594
Cộng	<u>160.239.540.091</u>	<u>187.443.869.163</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong năm, Tập đoàn chỉ phát sinh doanh thu cho thuê máy móc thiết bị với bên liên quan là Công ty Cổ phần CM Nha Trang, số tiền 109.090.909 VND (năm trước không có giao dịch phát sinh).

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn cung cấp dịch vụ	797.280.243	412.487.971
Giá vốn hợp đồng xây dựng	146.184.941.048	185.078.148.396
Cộng	<u>146.982.221.291</u>	<u>185.490.636.367</u>
<i>Trong đó:</i>		
Giá vốn khu vực trong nước	140.019.357.261	166.357.662.528
Giá vốn khu vực nước ngoài	6.962.864.030	19.132.973.839
Cộng	<u>146.982.221.291</u>	<u>185.490.636.367</u>

5-0
AN
T
HI
A
C
N
T

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.220.100.153	3.163.375.711
Lãi tiền gửi không kỳ hạn và tương đương tiền	94.272.703	144.191.148
Lãi đầu tư trái phiếu	306.660.000	312.360.000
Lãi tiền cho vay	706.559.073	32.860.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	36.927.252	198.533.246
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	316.050.285	-
Lãi chuyển nhượng công ty liên kết	-	29.382.283.743
Cộng	<u>3.680.569.466</u>	<u>33.233.603.848</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.775.968.265	1.326.941.766
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	10.803.475	270.902.139
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	20.590.326
Lỗ thanh lý công ty liên kết	381.648.240	-
Cộng	<u>3.168.419.980</u>	<u>1.618.434.231</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	7.834.030.564	6.340.811.092
Chi phí vật liệu quản lý	13.725.545	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.692.965.830	770.475.780
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.644.624.712	1.047.950.749
Thuế, phí, lệ phí	13.722.222	9.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	16.200.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.292.182.907	4.024.245.060
Các chi phí khác	1.392.019.526	1.266.002.272
Cộng	<u>17.899.471.306</u>	<u>13.458.484.953</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	5.653.507.324	2.157.693.800
Lãi thanh lý tài sản cố định	3.835.086.186	72.727.273
<i>Thu nhập từ thanh lý</i>	4.813.546.792	72.727.273
<i>Giá trị còn lại tài sản cố định</i>	(819.201.061)	-
<i>Chi phí thanh lý</i>	(159.259.545)	-
Thu nhập từ tiền đặt cọc	2.757.433.429	-
Thu nhập khác	800.045	52.030.595
Cộng	<u>12.246.826.984</u>	<u>2.282.451.668</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị của vật tư, công cụ dụng cụ thanh lý	5.562.046.499	56.925.271
Các khoản phạt vi phạm hành chính, phạt thuế	665.754.568	1.736.897.296
Các khoản nợ khó đòi không thu hồi được	751.009.063	-
Chi phí khác	223.815.329	667.249.178
Cộng	<u>7.202.625.459</u>	<u>2.461.071.745</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	312.672.209	10.863.113.935
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	312.672.209	10.863.113.935
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	21.021.021	17.200.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>15</u>	<u>632</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	17.200.000	17.200.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 12 tháng 7 năm 2022	3.821.021	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>21.021.021</u>	<u>17.200.000</u>

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.467.083.457	65.981.777.432
Chi phí nhân công	15.381.105.899	23.157.078.135
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.393.981.922	4.015.947.533
Chi phí dịch vụ mua ngoài	90.872.180.450	89.689.152.134
Chi phí khác	2.350.912.322	3.941.303.854
Cộng	<u>149.465.264.050</u>	<u>186.785.259.088</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi cho vay nhập gốc	806.367.196	869.242.409
Chuyển khoản cho vay thành đặt cọc	35.094.842.249	



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Các thành viên Hội đồng quản trị</i>		
Tạm ứng cho Ông Kim Ngọc Nhân	-	300.000.000
Tạm ứng cho Ông Phạm Minh Phúc	300.000.000	200.000.000
Tạm ứng cho Ông Dương Ngọc Trường	2.361.465.070	65.000.000
Tạm ứng cho Ông Trần Văn Trung	-	1.868.494.000
Tạm ứng cho Ông Nguyễn Ngọc Tú	1.455.140.000	2.696.705.585
Tạm ứng cho Bà Đinh Thị Thủy	-	500.000.000
Vay Bà Đinh Thị Thủy	-	12.094.000.000
Trả tiền vay cho Bà Đinh Thị Thủy	-	12.094.000.000
Vay Ông Nguyễn Đức Hường	-	11.000.000.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.6a và V.18a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch HĐQT/ thành viên Ban KTNB	601.000.000	192.000.000	793.000.000
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc	667.000.000	30.000.000	697.000.000
Ông Nguyễn Đức Hường	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Duy	Thành viên HĐQT	-	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Thành viên HĐQT	-	12.000.000	12.000.000
Ông Trần Văn Trung	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	592.067.000	18.000.000	610.067.000

198
H H
: ON
NH
: OÁ
A
TẠI
3 D

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Ông Lương Sơn Hùng	Thành viên HĐQT/ Trưởng ban KTNB	-	6.000.000	6.000.000
Ông Dương Ngọc Trường	Phó Tổng Giám đốc	202.000.000	-	202.000.000
Bà Đinh Thị Thùy	Phó Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng	498.800.000	12.000.000	510.800.000
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	497.600.000	-	497.600.000
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	606.800.000	-	606.800.000
Cộng		3.665.267.000	300.000.000	3.965.267.000
Năm trước				
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch HĐQT/ thành viên Ban KTNB	616.000.000	192.000.000	808.000.000
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc	670.000.000	28.500.000	698.500.000
Ông Trần Văn Trung	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	629.603.000	28.500.000	658.103.000
Ông Lương Sơn Hùng	Thành viên HĐQT/ Trưởng ban KTNB	-	18.000.000	18.000.000
Ông Dương Ngọc Trường	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	618.800.000	18.000.000	636.800.000
Ông Nguyễn Đức Hường	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	-	1.500.000	1.500.000
Bà Đinh Thị Thùy	Phó Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng	509.300.000	12.000.000	521.300.000
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	497.600.000	-	497.600.000
Cộng		3.541.303.000	298.500.000	3.839.803.000

1a. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên bên quan khác

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần CM Nha Trang

Có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin

Công ty liên kết (đến ngày 23/3/2022)

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan được trình bày ở Thuyết minh VI.1b. Ngoài ra, Tập đoàn không phát sinh giao dịch khác và không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động của Tập đoàn trong năm nay chủ yếu tập trung ở khu vực trong nước, với lĩnh vực kinh doanh chính là xây dựng, lắp đặt công trình. Do đó, Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh. Chi tiết các loại Doanh thu và Giá vốn được trình bày tại Thuyết minh VI.1 và VI.2.

3. Số liệu so sánh

Căn cứ kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế tại Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam thời kỳ năm 2019 đến năm 2021 theo Biên bản thanh tra thuế ngày 24/6/2022, Cục trưởng Cục thuế thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 31143/QĐ-CTHN-TTKT3-XPVPHC ngày 1/7/2022 về việc xử phạt vi phạm hành chính và yêu cầu Công ty kê khai, điều chỉnh các khoản thuế GTGT, thuế TNDN, nộp bổ sung các khoản thuế, khoản phạt chậm nộp theo kết quả kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Theo đó, Tập đoàn đã trình bày lại số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 liên quan đến nghĩa vụ thuế như sau:

- Điều chỉnh giảm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ, số tiền 1.557.224.008 VND;
- Điều chỉnh tăng thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu, số tiền 1.869.444.236 VND;
- Điều chỉnh tăng tiền chậm nộp, số tiền 119.234.261 VND

Ảnh hưởng của việc trình bày lại đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	11.142.141.674	(1.557.224.008)	9.584.917.666
Tổng tài sản	270	379.952.726.637	(1.557.224.008)	378.395.502.629
Nợ phải trả				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	3.271.659.877	1.988.678.497	5.260.338.374
Nguồn vốn chủ sở hữu	400	229.982.761.072	(3.545.902.505)	226.436.858.567
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	4.414.965.743	(3.545.902.505)	869.063.238
Tổng nguồn vốn	440	379.952.726.637	(1.557.224.008)	378.395.502.629

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	13.397.248.210	61.236.743	13.458.484.953
Chi phí khác	32	845.850.219	1.615.221.526	2.461.071.745
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	15.588.942.670	(1.676.458.269)	13.912.484.401
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.830.770.847	1.241.797.659	3.072.568.506
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	14.614.865.975	(2.918.255.928)	11.696.610.047
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	13.781.369.863	(2.918.255.928)	10.863.113.935
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	801	(170)	632
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	801	(170)	632

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Lợi nhuận trước thuế	01	15.588.942.670	(1.676.458.269)	13.912.484.401
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(56.542.232.956)	1.557.224.008	(54.985.008.948)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(39.407.491.589)	119.234.261	(39.288.257.328)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

Đinh Thị Thủy

Đinh Thị Thủy

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam;
- Căn cứ các quy định của pháp luật về việc kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty niêm yết cổ phiếu trên Sàn Giao dịch chứng khoán;
- Căn cứ danh sách các công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước lựa chọn là công ty kiểm toán cho các doanh nghiệp đang niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán.

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- 1.1 Có đủ năng lực theo quy định của pháp luật;
- 1.2 Có kinh nghiệm kiểm toán đối với các doanh nghiệp có các hoạt động tương tự như của Công ty;
- 1.3 Chi phí kiểm toán phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

2. Công ty kiểm toán đề nghị lựa chọn:

Tên công ty: Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội

Địa chỉ: 40, đường Giảng Võ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Mã số ĐKKD: 0300449815 - 002

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- HNX, SSC;
- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT.



Số: 04/2023/TTr-HĐQT-CMH

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ và Báo cáo sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ/CMVN ngày 22/12/2021
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ/CMH ngày 29/04/2022

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét phê duyệt:

1. Thông qua kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ trong năm 2022 như sau:

1.1. Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 8.252.500 cổ phiếu, tương ứng 23,99% tổng số cổ phiếu chào bán, trong đó:

- Nhà đầu tư trong nước: 8.252.500 cổ phiếu;
- Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ: 0 cổ phiếu.

1.2. Giá bán:

- Giá bán thấp nhất: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Giá bán cao nhất: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Giá bán bình quân gia quyền: 10.000 đồng/cổ phiếu.

1.3. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 82.525.000.000 đồng.

1.4. Tổng chi phí: 230.000.000 đồng.

- Phí Tư vấn: 200.000.000 đồng
- Phí kiểm toán vốn chủ sở hữu: 30.000.000 đồng.

1.5. Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 82.295.000.000 đồng.

1.6. Danh sách và tỷ lệ sở hữu của các nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu



TT	Tên nhà đầu tư	Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác / Chứng minh nhân dân/ Thẻ căn cước công dân/ Hộ chiếu	Đối tượng		Số cổ phiếu sở hữu trước đợt chào bán	Số cổ phiếu được phân phối	Tổng số cổ phiếu sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán
			Nhà đầu tư chiến lược / Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư nước ngoài/ Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ/ Nhà đầu tư trong nước				
1	Nguyễn Thành Chinh	034094006167	Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư trong nước	0	150.000	150.000	0,59%
2	Trần Ngọc Linh	030090008488	Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư trong nước	0	300.000	300.000	1,18%
3	Nguyễn Thúy Dung	120954133	Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư trong nước	0	1.040.000	1.040.000	4,09%
4	Phạm Văn Tùng	142155798	Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư trong nước	0	1.362.500	1.362.500	5,35%
5	Phạm Minh Phúc	030077000101	Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư trong nước	3.291.200	2.300.000	5.591.200	21,97%
6	Phạm Văn Xuyên	013233396	Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư trong nước	100.000	2.000.000	2.100.000	8,25%
7	Nguyễn Huy Hoàng	019078000271	Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư trong nước	16.500	1.100.000	1.116.500	4,39%

30734
 NG TY
 PHÁT
 ĐÒA
 VIỆT N
 IEM-T

2. Thông qua Báo cáo sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phần riêng lẻ trong năm 2022 như sau:

Tính đến ngày 31/12/2022, Công ty đã sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho các phương án sử dụng tiền đã được ĐHĐCĐ thông qua như sau:

Stt	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Tổng tiền thu được	82.525.000.000
2	Tổng tiền đã chi cho đợt phát hành	252.400.000
	Trong đó:	
	- Chi cho dịch vụ tư vấn phát hành	220.000.000
	- Chi cho dịch vụ kiểm toán vốn	32.400.000
3	Tổng tiền đã sử dụng cho mục đích thanh toán tiền thuê thiết bị, tiền lương, phải trả nhà thầu phụ; mua vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu đầu vào các hợp đồng xây dựng,...	27.705.449.081
	Trong đó, cho:	
	- Hợp đồng thi công xây dựng công trình thủy lợi Hồ chứa nước Krong Pách Thượng, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk	5.229.456.185
	- Hợp đồng Tổng thầu EPC tại Dự án Khu nhà ở và tổ hợp văn hóa thể thao thị trấn Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê, Phú Thọ	22.475.992.896
	- Hợp đồng thi công phần xây dựng công trình hầm Trường Vinh Phía Bắc; gói thầu XL01, dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Nghi Sơn – Diễn Châu.	0
4	Tổng tiền đã sử dụng cho mục đích mua sắm máy móc, thiết bị thi công các hợp đồng xây dựng	0
5	Tổng số tiền đã sử dụng tính đến ngày 31/12/2022 là: (=2+3+4)	27.705.449.081
6	Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phần riêng lẻ còn lại tính đến ngày 31/12/2022 là: (=1-5)	54.567.150.919

3. Thông qua việc sử dụng số tiền còn lại từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ trong năm 2022 chưa sử dụng hết như sau:

- Tiếp tục sử dụng số tiền còn lại (54.567.150.919 đồng) để bổ sung nguồn tài chính cho hoạt động kinh doanh năm 2023 của Công ty.
- Ủy quyền cho Ban Tổng giám đốc Công ty được linh hoạt sử dụng số tiền (54.567.150.919 đồng) còn lại cho hoạt động kinh doanh năm 2023.
- Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm báo cáo ĐHĐCĐ kết quả sử dụng số tiền nói trên tại kỳ họp gần nhất.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- HNX, SSC;
- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 TẬP ĐOÀN
 CMH VIỆT NAM
 Q. BẮC TỬ LIÊM - TP. HÀ NỘI

Phạm Minh Phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

**BÁO CÁO SỬ DỤNG TIỀN
TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ
TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY**

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty cổ phần CMVIETNAM bất thường lần 1 năm 2021 số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ/CMVN ngày 22/12/2021;

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ-CMH ngày 29/04/2022;

Căn cứ Công văn số 2793/UBCK-QLCB ngày 16/05/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCK) về việc chấp thuận Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐQT-CMH ngày 11/07/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 67/CV-CMH ngày 11/07/2022 về việc Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ;

Căn cứ Công văn số 4527/UBCK-QLCB ngày 15/07/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của CMS.

1. Kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ

Trong năm 2022, Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam đã thực hiện thành công đợt phát hành chào bán cổ phiếu riêng lẻ với kết quả như sau:

1.1. Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 8.252.500 cổ phiếu, tương ứng 23,99% tổng số cổ phiếu chào bán, trong đó:

- Nhà đầu tư trong nước: 8.252.500 cổ phiếu;
- Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ: 0 cổ phiếu.

1.2. Giá bán:

- Giá bán thấp nhất: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Giá bán cao nhất: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Giá bán bình quân gia quyền: 10.000 đồng/cổ phiếu.

1.3. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 82.525.000.000 đồng.

1.4. Tổng chi phí: 230.000.000 đồng.

- Phí Tư vấn: 200.000.000 đồng

- Phí kiểm toán vốn chủ sở hữu: 30.000.000 đồng.

1.5. Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 82.295.000.000 đồng.

1.6. Danh sách và tỷ lệ sở hữu của các nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu

TT	Tên nhà đầu tư	Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác / Chứng minh nhân dân / Thẻ căn cước công dân / Hộ chiếu	Đối tượng		Số cổ phiếu sở hữu trước đợt chào bán	Số cổ phiếu được phân phối	Tổng số cổ phiếu sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán
			Nhà đầu tư chiến lược / Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư nước ngoài / Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ / Nhà đầu tư trong nước				
1	Nguyễn Thành Chinh	034094006167	Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư trong nước	0	150.000	150.000	0,59%
2	Trần Ngọc Linh	030090008488	Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư trong nước	0	300.000	300.000	1,18%
3	Nguyễn Thúy Dung	120954133	Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư trong nước	0	1.040.000	1.040.000	4,09%
4	Phạm Văn Tùng	142155798	Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư trong nước	0	1.362.500	1.362.500	5,35%
5	Phạm Minh Phúc	030077000101	Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư trong nước	3.291.200	2.300.000	5.591.200	21,97%
6	Phạm Văn Xuyên	013233396	Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư trong nước	100.000	2.000.000	2.100.000	8,25%

7	Nguyễn Huy Hoàng	019078000271	Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư trong nước	16.500	1.100.000	1.116.500	4,39%
---	------------------	--------------	--------------------------	-----------------------	--------	-----------	-----------	-------

Lý do có thay đổi về danh sách nhà đầu tư, số lượng cổ phiếu nhà đầu tư mua: Danh sách nhà đầu tư và số lượng cổ phiếu các nhà đầu tư mua có sự thay đổi so với danh sách nhà đầu tư được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt do một số nhà đầu tư được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt đã không nộp tiền mua cổ phiếu chào bán riêng lẻ. Công ty đã thực hiện chào bán số cổ phiếu chưa chào bán hết cho một số nhà đầu tư khác, tuy vậy cho đến hết thời gian xử lý cổ phiếu chưa chào bán hết, Công ty vẫn không chào bán hết số lượng cổ phiếu được phép chào bán.

2. Báo cáo sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ

Do số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ không đủ để sử dụng cho toàn bộ phương án sử dụng vốn chi tiết số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ đã được ĐHĐCĐ thông qua nên Ban điều hành công ty đã lựa chọn thứ tự ưu tiên việc sử dụng cho phương án bổ sung vốn lưu động để thanh toán tiền thuê thiết bị, tiền lương, phải trả nhà thầu phụ; mua vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu đầu vào các hợp đồng xây dựng.

Tính đến ngày 31/12/2022, Công ty đã sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho các phương án sử dụng tiền đã được ĐHĐCĐ thông qua như sau:

Stt	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Tổng tiền thu được	82.525.000.000
2	Tổng tiền đã chi cho đợt phát hành	252.400.000
	Trong đó:	
	- Chi cho dịch vụ tư vấn phát hành	220.000.000
	- Chi cho dịch vụ kiểm toán vốn	32.400.000
3	Tổng tiền đã sử dụng cho mục đích TT tiền thuê thiết bị, tiền lương, phải trả nhà thầu phụ; mua vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu đầu vào các hợp đồng xây dựng,...	27.705.449.081
	Trong đó, cho:	
	- Hợp đồng thi công xây dựng công trình thủy lợi Hồ chứa nước Krong Pách Thượng, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk	5.229.456.185
	- Hợp đồng Tổng thầu EPC tại Dự án Khu nhà ở và tổ hợp văn hóa thể thao thị trấn Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê, Phú Thọ	22.475.992.896
	- Hợp đồng thi công phần xây dựng công trình hầm Trường Vinh Phía Bắc; gói thầu XL01, dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Nghi Sơn – Diễn Châu.	0
4	Tổng tiền đã sử dụng cho mục đích mua sắm máy móc, thiết bị thi công các hợp đồng xây dựng	0
5	Tổng số tiền đã sử dụng tính đến ngày 31/12/2022 là: (=2+3+4)	27.957.849.081
6	Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phần riêng lẻ còn lại tính đến ngày 31/12/2022 là: (=1-5)	54.567.150.919

(Chi tiết theo Bảng kê đính kèm)

Công ty chưa sử dụng hết số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ do Công ty có sự điều chỉnh giảm một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh trong năm 2022.

3. Kiến nghị

3.1. Hội đồng Quản trị Công ty kính trình ĐHĐCĐ thông qua kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ và Báo cáo sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tại Mục 1 và 2 nói trên.

3.2. Tính đến ngày 31/12/2022, số tiền thu được từ đợt phát hành chào bán cổ phiếu riêng lẻ còn lại chưa sử dụng là: 54.567.150.919 đồng (năm mươi bốn tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu một trăm năm mươi nghìn chín trăm mười chín đồng). Hội đồng Quản trị Công ty kính trình ĐHĐCĐ thông qua:

- (i) Sử dụng số tiền còn lại (54.567.150.919 đồng) để bổ sung nguồn tài chính cho hoạt động kinh doanh năm 2023 của Công ty.
- (ii) Ủy quyền cho Ban Tổng giám đốc Công ty được linh hoạt sử dụng số tiền (54.567.150.919 đồng) còn lại từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho hoạt động kinh doanh năm 2023. Kết quả sử dụng tiền sẽ được báo cáo tại kỳ ĐHĐCĐ thường niên gần nhất.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- HNX, SSC;
- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY



Phạm Minh Phúc

BẢNG KÊ CHI TIẾT SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ TRONG NĂM 2022
(đính kèm Báo cáo sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ)

1. Sử dụng tiền cho mục đích TT tiền thuê thiết bị, tiền lương, phải trả nhà thầu phụ; mua vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu đầu vào các hợp đồng xây dựng,...

1.1 Hợp đồng tổng thầu Dự án Khu nhà ở và tổ hợp văn hóa thể thao thị trấn Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê, Phú Thọ

Số tiền	ĐV nhận tiền	Ngày TT	Số CT	Nội dung
14.094.000	Công ty CP thiết bị và khảo sát Việt nam	28/07/2022	VTB2022.07.076	TT cp kiểm định, vật tư cho dự án Cẩm Khê
45.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN T&H CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG	28/07/2022	VTB2022.07.075	TT HD số 06/2022/HD-CMH-T&H
153.053.000	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NHẬT MINH PHÚ THỌ	28/07/2022	VCB2022.07.008	Tạm ứng hợp đồng thi công hàng rào hợp đồng số 01/2022/HĐTC/CMH-NMPT
100.000.000	Công ty TNHH TM và CN V'intractors	28/07/2022	VCB2022.07.006	TT CP sửa chữa thiết bị cho dự án Cẩm Khê
19.440.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẠN TÀI TRUNG ANH	28/07/2022	VCB2022.07.005	TT CP VC máy ủi D6R và máy Lu BW219 đi Cẩm Khê
3.500.000	Công ty bảo vệ Việt Hà Nội	29/07/2022	VTB2022.07.084	DV bảo hiểm TNCN
352.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG 38ARCHITECTURE	04/08/2022	VCB2022.08.001	TT hợp đồng số 1803/2022/HĐTV/CMH-ARC - DV TVTK BVTC Cẩm Khê Central Park
362.568.769	CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ THỌ	08/08/2022	VCB2022.08.002	TT tiền mua dầu T7.2022 Cẩm Khê Central Park
100.000.000	VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG	08/08/2022	VCB2022.08.003	Tạm ứng hợp đồng số 02/2022/HĐTV-CMH-IBST: Thẩm tra thiết kế BVTC Cẩm Khê Central Park
359.970.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG 38ARCHITECTURE	09/08/2022	VCB2022.08.004	Tạm ứng lần 1 hợp đồng số 02/2022/HĐTV/CMH-ARC ngày 28/7/2022
29.268.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẠN TÀI TRUNG ANH	09/08/2022	VCB2022.08.005	TT chi phí vận chuyển xe kamaz 48C-032.12 đi dự án Cẩm Khê
7.894.800	CÔNG TY TNHH NHẬT QUANG	17/08/2022	VCB2022.08.008	TT hoá đơn số 000000315, chi phí sửa chữa xe nước cho dự án Cẩm Khê
49.869.000	CÔNG TY TNHH SAN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VĨNH XUYỀN	17/08/2022	VCB2022.08.010	mua đồ BHLĐ cho dự án Cẩm Khê
51.150.000	Công ty TNHH thiết bị dầu khí QP Việt Nam	19/08/2022	VTB2022.08.051	Tạm ứng hợp đồng số 1706/2022/CMH-QPEC mua bê thép dựng đầu, cột bơm dầu
255.100.948	Theo danh sách chi tiết đính kèm	19/08/2022	VTB2022.08.049	TT lương T7
86.545.555	Công ty bảo hiểm bưu điện khu vực phía bắc	23/08/2022	VTB2022.08.052	hợp đồng bảo hiểm số 0000009/HD/006-01/PHH.K.T.1/2022 (Bảo hiểm xe máy thiết bị)
397.452.582	CÔNG TY CỔ PHẦN DPS PHÚ THỌ	24/08/2022	VTB2022.08.061	Tạm ứng hợp đồng số 01/2022/HĐTC/CMH-DPS ngày 09/08/2022

Số tiền	ĐV nhận tiền	Ngày TT	Số CT	Nội dung
55.000.000	CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ HẢI SƠN	24/08/2022	VTB2022.08.062	TT chi phí vận chuyển xe bồn 48C-033.48 đi Cẩm Khê
67.568.000	CÔNG TY TNHH MINH CƯỜNG PHÚ THO	24/08/2022	VTB2022.08.064	Tạm ứng khối lượng VC đất từ ngày 01/7/2022-31/7/2022
35.000.000	CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ HẢI SƠN	25/08/2022	VCB2022.08.011	TT tiền DV vận chuyển
20.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ ĐỊA KỸ THUẬT & HẠ TẦNG NANOTECH	30/08/2022	VTB2022.08.086	TT tiền mua vải địa kỹ thuật hoá đơn số 24;25
21.600.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THIẾT BỊ PHỤ TÙNG TRƯỜNG THỊNH	30/08/2022	VTB2022.08.087	TT tiền mua VT sửa chữa TB cho dự án Cẩm Khê
16.252.000	Công ty cổ phần thiết bị máy công trình Á Châu	30/08/2022	VTB2022.08.088	TT tiền mua VT sửa chữa TB cho dự án Cẩm Khê
300.000.000	CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ THO	31/08/2022	VTB2022.08.092	TT tiền xăng dầu tháng 08.2022 dùng cho du an Cam Khe
51.150.000	Công ty TNHH thiết bị dầu khí QP Việt Nam	31/08/2022	VTB2022.08.094	TT hợp đồng số 1706/2022/CMH-QPEC - Mua bể chứa dầu, cây bơm dầu
36.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU TRUNG THÀNH CÔNG	12/09/2022	VCB2022.09.003	TT hợp đồng số 09/2022/HĐKKT, mua VT lắp đặt cho xe lu BOMAG BW219D
255.923.538	CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ THO	12/09/2022	VCB2022.09.002	TT tiền xăng dầu tháng 08.2022 dùng cho dự án Cẩm Khê
99.756.800	Công ty TNHH TM và CN Vitractors	13/09/2022	VCB2022.09.034	TT chi phí sửa chữa thiết bị cho dự án Cẩm Khê hợp đồng số 157/2022/HĐKKT/VT-CMH
41.612.400	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT	13/09/2022	VCB2022.09.033	TT chi phí khảo sát địa chất hợp đồng số 49/2022/HĐTV/CMH-CODECO
25.747.200	CÔNG TY TNHH LỚP Ô TÔ DUY ĐỨC	13/09/2022	VCB2022.09.032	TT chi phí sửa chữa máy móc TB dự án Cẩm Khê
42.466.271	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN KHÁNH LOAN	13/09/2022	VCB2022.09.031	TT chi phí mua VT cho dự án Cẩm Khê
303.000.000	Phạm Thê Phương	13/09/2022	VCB2022.09.030	Cấp kp dự án Phú Thọ
35.107.600	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HUỐNG DƯƠNG BN	13/09/2022	VCB2022.09.024	TT chi phí mua dầu mỡ nhờn cho dự án Cẩm Khê
16.100.000	Nguyễn Đức Quang	13/09/2022	VCB2022.09.004	TT chi phí mua bơm nước để chế xe rửa đường cho dự án Cẩm Khê
3.850.000	Nguyễn Bá Trọng	13/09/2022	MB2022.09.027	CP huấn luyện an toàn lao động cho dự án Cẩm Khê
399.963.796	Theo danh sách chi tiết đính kèm	22/09/2022	MB2022.09.034	TT lương T8 CBNV
360.000.000	CÔNG TY TNHH MINH CƯỜNG PHÚ THO	21/09/2022	VCB2022.09.006	Tạm ứng khối lượng VC đất từ ngày 01/8/2022-31/8/2022
150.000.000	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG HAI ĐĂNG PHÚ THO	21/09/2022	VCB2022.09.007	Tạm ứng hợp đồng số 46/2022/HĐTN/CMH-HĐPT ngày 25/06/2022
15.000.000	Bùi Thị Thủy Hoàn	21/09/2022	VCB2022.09.008	TT tiền hợp đồng thuê nhà số 0117/05/2022/CMH-HĐ tháng 9-10-11
13.698.460	Nguyễn Đức Quang	21/09/2022	VCB2022.09.035	TT chi phí mua VT cho dự án cẩm khe
53.100.001	Theo danh sách chi tiết đính kèm	23/09/2022	MB2022.09.035	TT lương T8 CBNV

Số tiền	ĐV nhận tiền	Ngày TT	Số CT	Nội dung
100.000.000	CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ THỌ	29/09/2022	VCB2022.09.038	TT tiền dầu
11.489.775	Nguyễn Đức Quang	05/10/2022	VCB2022.10.003	Tạm ứng cp mua VT du an Cam Khe
365.040.368	CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ THỌ	10/10/2022	VCB2022.10.005	TT chi phí VT dầu cho dự án Cam Khe
35.205.500	Công ty TNHH THIÊN MINH ĐĂNG	11/10/2022	VCB2022.10.008	TT chi phí mua VT cho dự án Cẩm Khê tháng 9
24.566.757	CÔNG TY TNHH LỚP Ô TÔ DUY ĐỨC	11/10/2022	VCB2022.10.007	TT chi phí sửa chữa máy móc TB dự án Cẩm Khê
39.749.745	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN KHÁNH LOAN	11/10/2022	VCB2022.10.006	TT chi phí mua VT cho dự án Cẩm Khê tháng 9
660.000	NH TMCP Vietinbank - CN Thành An	14/10/2022	VTB292	0320BG2200678-IssueBG-Thư bảo lãnh khác mẫu
10.520.548	NH TMCP Vietinbank - CN Thành An	14/10/2022	VTB292	0320BG2200678-IssueBG-Phi phát hành
19.349.800	Công ty cổ phần máy và phụ tùng T&C	17/10/2022	VCB2022.10.017	TT mua VT bảo dưỡng máy đào volvo EW145
13.310.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ NĂNG MARUBENI	17/10/2022	VCB2022.10.016	TT tiền mua dầu nhớt
279.000.000	CÔNG TY TNHH MINH CƯỜNG PHÚ THỌ	18/10/2022	VCB2022.10.018	Tạm ứng khối lượng VC đất từ ngày 01/9/2022-30/9/2022
362.700.000	CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ THỌ	19/10/2022	VCB2022.10.020	TT tiền xăng dầu tháng 10.2022 dùng cho dự án Cẩm Khê
25.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHẢO SÁT VIỆT NAM	20/10/2022	VCB2022.10.024	Đặt cọc và tiền thuê máy GPS cho dự án Cẩm Khê
53.981.800	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN MINH	20/10/2022	VCB2022.10.022	TT chi phí hợp đồng tư vấn số 03/2022/HĐTV/TM-CMH
130.608.333	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VIỆT LỢI	20/10/2022	VCB2022.10.021	Tạm ứng khối lượng vận chuyển từ ngày 29/8/2022 đến 30/09/2022
486.814.832	Theo danh sách chi tiết đính kèm	20/10/2022	MB2022.10.015	TT Lương tháng 9.2022
300.000.000	CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ THỌ	26/10/2022	VCB2022.10.029	TT tiền xăng dầu tháng 10.2022 dùng cho dự án Cẩm Khê
57.842.631	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN NƯỚC PHÚC HÀ	26/10/2022	VCB2022.10.028	TT hợp đồng số 2510/PH-CMH mua ống PVC đơn hàng ngày 26/10/2022
43.518.680	CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LIÊN ĐÔNG ĐỒ	26/10/2022	VCB2022.10.027	TT chi phí bảo dưỡng sửa chữa xe nissan 29C-850.12
62.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TMDV MINH PHÁT HÀ NỘI	26/10/2022	VCB2022.10.026	TT hợp đồng số 0725.1 mua lớp DRC
26.400.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN MÁY TOÀN CẦU STAR VIỆT NAM	26/10/2022	VCB2022.10.025	TT hợp đồng số 2110 mua máy rửa xe cao áp JETTA150
785.223.558	CÔNG TY CỔ PHẦN DPS PHÚ THỌ	27/10/2022	VCB2022.10.031	Tạm ứng khối lượng hợp đồng số 01/2022/HĐTC/CMH-DPS ngày 09/08/2022
760.037.200	CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG CƯỜNG GROUP	27/10/2022	VCB2022.10.030	Tạm ứng hợp đồng số 01/2022/HĐXD/CMH-HCG ngày 11/10/2022
370.000.000	CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ THỌ	31/10/2022	VCB2022.10.032	TT tiền xăng dầu tháng 10.2022 dùng cho dự án Cẩm Khê
32.043.600	Công ty TNHH TM và CN Vintractors	01/11/2022	VCB2022.11.001	TT chi phí sửa chữa thiết bị cho dự án Cẩm Khê hợp đồng số 157/2022/HĐKT/VT-CMH
370.000.000	CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ THỌ	04/11/2022	VCB2022.11.002	TT tiền mua xăng dầu
19.200.000	Nguyễn Đức Quang	09/11/2022	VCB2022.11.013	Tạm ứng sửa chữa, vận chuyển thuế 2 lu tay, 1 máy đầm cho dự án cẩm khe

Số tiền	ĐV nhận tiền	Ngày TT	Số CT	Nội dung
20.000.000	Vũ Văn Hoàn	09/11/2022	VTB2022.11.023	Tạm ứng chi phí đi chuyên xe tải cầu HD320 29C-867.12 từ krongpack đi cắm khe
57.785.000	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ ĐỊA KỸ THUẬT & HẠ TẦNG NANOTECH	07/11/2022	VCB2022.11.006	Tạm ứng 50% đơn hàng ngày 07/11/2022, hợp đồng số 01/2022/HĐTC/CMH-NANOTECH mua geocell
376.000.000	CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ THO	11/11/2022	VCB2022.11.018	TT tiền mua xăng dầu
50.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DOAN NGUYỄN	11/11/2022	VCB2022.11.016	Tạm ứng hợp đồng số 1011/HĐKT-DN2022 mua máy đào bánh xích
222.324.500	CÔNG TY TNHH VƯƠNG TRANG PHÚ THO	14/11/2022	VCB2022.11.010	TT tiền mua cát đá tháng 10.2022
33.012.738	CÔNG TY TNHH TUẤN TÚ TT	14/11/2022	VCB2022.11.009	TT tiền mua thép các loại theo HĐNT số 01/2022/HĐNT/CMH-TT
171.848.200	CÔNG TY CP XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI CUONG LINH	15/11/2022	VCB2022.11.008	TT tiền mua thép, xi măng
255.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DOAN NGUYỄN	15/11/2022	VCB2022.11.022	TT hợp đồng số 1011/HĐKT-DN2022 mua máy đào bánh xích
45.144.000	Công ty TNHH TM và CN Vintractors	15/11/2022	VCB2022.11.021	TT hoá đơn số 80 sửa chữa bơm thủy lực Volvo công ty Vintractors
65.137.716	Công ty Cổ phần hợp tác Thành Công	15/11/2022	VCB2022.11.020	TT hoá đơn số 2450 mua ống nhựa xoắn công ty Thành Công
15.565.080	Nguyễn Đức Quang	15/11/2022	VCB2022.11.019	TT chi phí mua VT cho dự án Cầm Khê- Nguyễn Đức Quang
488.372.500	CÔNG TY CP ĐẠI ĐÔNG XUÂN	19/11/2022	VCB2022.11.034	TT hoá đơn số 2597- cty cp đại đông xuân
750.000.000	CÔNG TY TNHH MINH CƯỜNG PHÚ THO	21/11/2022	VCB2022.11.023	tạm ứng hợp đồng số 01/2022/HĐNT/CMH-MCPT
80.725.485	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN NƯỚC PHÚC HÀ	21/11/2022	vcb2022.11.029	TT đơn hàng ngày 19/11/2022 hd số 2510/PH-CMH mua ống PVC
181.982.700	Công ty cổ phần bé tông Phương Bắc	22/11/2022	VCB2022.11.033	TT công nợ mua ống công C.ty BT Phương Bắc hoá đơn số 302
10.379.000	Nguyễn Đức Quang	22/11/2022	VCB2022.11.032	TT chi phí mua VT cho dự án Cầm Khê- Nguyễn Đức Quang
47.762.000	Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại BMK Việt Nam	22/11/2022	VCB2022.11.031	TT công nợ BMK mua vật tư cho dự án cắm khe
372.000.000	CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ THO	22/11/2022	VCB2022.11.030	TT tiền mua xăng dầu
136.009.500	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH	23/11/2022	VCB2022.11.035	Tạm ứng 50% hợp đồng số 01/2022/HĐKT/CMH-CT lắp đặt điều hoà
48.462.000	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN NAM SÔNG HỒNG	25/11/2022	VCB2022.11.041	Tạm ứng 50% đơn hàng ngày 24/11/2022
1.569.539.068	CÔNG TY TNHH MINH CƯỜNG PHÚ THO	25/11/2022	VCB2022.11.024	TT hợp đồng số 01/2022/HĐNT/CMH-MCPT đợt 1
6.555.600	CÔNG TY TNHH LỚP Ô TÔ DUY ĐỨC	25/11/2022	VCB2022.11.012	TT chi phí mua phụ tùng xe máy TB cho dự án Cầm Khê

Số tiền	ĐV nhận tiền	Ngày TT	Số CT	Nội dung
535.167.525	Theo danh sách chi tiết đính kèm	25/11/2022	MBBank	TT lương T10
96.314.400	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH	01/12/2022	VCB2022.12.005	Tạm ứng lần 2 hợp đồng số 01/2022/HĐKT/CMH-CT lắp đặt điều hoà
6.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ HACOM	01/12/2022	VCB2022.12.004	TT tiền mua cáp mạng Cat6 AMP-công ty Hacom
32.618.000	XÍ NGHIỆP CƠ KHÍ QUANG MINH – (TN)	01/12/2022	VCB2022.12.003	TT hoá đơn số 221 mua VT xí nghiệp cơ khí quang minh
192.095.820	Công ty Cổ phần hợp tác Thành Công	01/12/2022	VCB2022.12.002	TT hoá đơn số 2656 mua ống nhựa xoắn công ty Thành Công
158.285.952	Công ty TNHH thép hồng phát	01/12/2022	VCB2022.12.001	TT hợp đồng so 26.11/2022/HDMB/CMH-HP cho công ty thép hồng phát
402.149.000	CÔNG TY TNHH THANG LƯU	07/12/2022	VCB2022.12.017	Tạm TT khối lượng từ ngày 01/11/2022 đến 30/11/2022
384.638.196	CÔNG TY CP XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI CUÔNG LĨNH	07/12/2022	VCB2022.12.016	TT chi phí mua VT thép, xi măng tháng 11.2022 theo hợp đồng nguyên tắc số 01/2022/HĐT/CL-CMH
31.238.719	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN NƯỚC PHÚC HÀ	07/12/2022	VTB2022.12.015	TT đơn hàng ngày 05/12/2022 hợp đồng số 2510/PH-CMH mua ống PVC
355.050.000	CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ THỌ	07/12/2022	VCB2022.12.014	TT tiền mua xăng dầu
105.763.800	CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT'S POWER	07/12/2022	VTB2022.12.013	Tạm ứng hợp đồng số 1130/2022/HĐCCLĐNT/CMH-VP
78.142.680	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN NAM SÔNG HỒNG	07/12/2022	VCB2022.12.012	Tạm ứng 50% đơn hàng ngày 05/12/2022 hợp đồng số 2411/2022/HĐKT/CMH-NSH
6.601.120	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ NẶNG MARUBENI	07/12/2022	VCB2022.12.010	TT tiền mua vật tư bảo dưỡng cho 2 máy ủi dự án CK
10.000.000	Phạm Văn Dũng	07/12/2022	VCB2022.12.009	TT chi phí sửa chữa máy ủi hợp đồng số 03/HĐTKNC
211.067.667	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VIỆT LỢI	08/12/2022	VCB2022.11.039	TT khối lượng VC đất HD 01/2022/HĐKT/CMH-XDVL khối lượng T10
49.060.000	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ TÀI PHÚ	09/12/2022	VCB2022.12.020	Tạm ứng HD so 01/2022/HĐKT/CMH-TP mua ban biên hiệu da- công ty Tai Phu
500.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG CUÔNG GROUP	09/12/2022	VCB2022.12.019	TT khoi lương hợp đồng so 01/2022/HDXD/CMH-HCG
17.000.000	Trần Vũ Quốc Bảo	14/12/2022	VCB2022.12.026	Tạm ứng chi phí đào cây mắc ca chuyển ra cắm khê phủ thổ
127.814.112	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN NƯỚC PHÚC HÀ	14/12/2022	VCB2022.12.025	TT đơn hàng ngày 12/12/2022 hợp đồng số 2510/PH-CMH mua ống PVC
52.773.600	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ MINH TÙNG	14/12/2022	VCB2022.12.024	Tạm ứng 50% HD lap ho ga so 0712/2022/HĐKT/CMH-MT
18.142.811	Nguyễn Đức Quang	14/12/2022	VCB2022.12.023	TT chi phí mua VT cho dự án Cẩm Khê- Nguyễn Đức Quang

Số tiền	ĐV nhận tiền	Ngày TT	Số CT	Nội dung
35.000.000	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN MINH HƯƠNG	14/12/2022	VCB2022.12.022	TT chi phí vận chuyển hd số 01/HĐKT vận chuyển cây mắc ca
19.349.800	Công ty cổ phần máy và phụ tùng T&C	14/12/2022	VCB2022.12.021	Mua VT sửa chữa bao duong, may dao volvo
29.260.000	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN NAM SÔNG HỒNG	16/12/2022	VTB2022.12.028	Tạm ứng 50% hợp đồng số 1512/2022/HĐMB/CMH-NSH - Mua bó vỉa, gạch lát hè
75.944.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DAVICO VIỆT NAM	16/12/2022	VTB2022.12.027	Tạm ứng hợp đồng số 1512/2022/HĐKT/CMH-DVC - Mua cột điện
455.046.000	CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG CƯỜNG GROUP	19/12/2022	VTB2022.12.039	TT khối lượng đợt 1 hợp đồng số 01/2022/HĐXD/CMH-HCG
22.629.078	CÔNG TY TNHH TUẤN TÚ TT	19/12/2022	VTB2022.12.037	TT tiền mua thép các loại theo HĐNT số 01/2022/HĐNT/CMH-TT
22.974.840	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN KHÁNH LOAN	19/12/2022	VTB2022.12.036	TT chi phí mua VT cho dự án Cẩm Khê tháng 10
30.200.360	Công ty TNHH THIÊN MINH ĐĂNG	19/12/2022	VTB2022.12.035	TT chi phí mua VT cho dự án Cẩm Khê tháng 10
25.195.000	CÔNG TY TNHH THẮNG HÙNG PHÚ THỌ	19/12/2022	VTB2022.12.034	TT tiền mua VT cát đá cho dự án Cẩm Khê
29.037.500	CÔNG TY CỔ PHẦN BÉ TÔNG VÀ XÂY DỰNG VIỆT LÂM	19/12/2022	VTB2022.12.033	TT tiền mua bê tông tháng 10.2022
125.616.000	CÔNG TY TNHH VƯƠNG TRANG PHÚ THỌ	19/12/2022	VTB2022.12.032	TT tiền mua cát đá tháng 11.2022
6.493.600	Công ty cổ phần thiết bị máy công trình Á Châu	20/12/2022	VTB2022.12.048	TT chi phí mua răng gầu hoá đơn số 00002026
38.735.636	CÔNG TY CỔ PHẦN MAI ĐỘNG SỐ 1	20/12/2022	VTB2022.12.047	TT hợp đồng số 1912/2022/HĐKT/CMH-MĐ1 mua trụ cứu hoả cho dự án Cẩm Khê
40.893.104	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ TÂN MỸ	20/12/2022	VTB2022.12.052	TT đơn hàng mua gạch ốp lát ngày 01/12/2022 hợp đồng số 01/12/2022/HĐNT/TM-CMH ngày 01/12/2022
52.773.600	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ MINH TÙNG	22/12/2022	MB2022.12.005	TT 50% HD lap ho ga so 0712/2022/HDKT/CMH-MT
324.000.000	CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ THỌ	22/12/2022	MB2022.12.004	TT tiền mua xăng dầu
43.432.200	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG THỊNH PHÁT	23/12/2022	VTB2022.12.071	TT GTCL hợp đồng số 1312/2022/HDKT/TP-CMH
109.557.000	CÔNG TY TNHH THANG LƯU	26/12/2022	VTB2022.12.046	TT gia tri nhan cong hop dong so 0110/2022/HDXD/CMH-TL (Đội NC Mr Hải)
387.554.760	Công ty cổ phần bê tông Phương Bắc	26/12/2022	VTB2022.12.057	TT mua ong cong C.ty BT Phương Bắc hoa đơn số 375
73.590.000	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ TÀI PHÚ	27/12/2022	VTB2022.12.078	TT đợt 1 HD số 01/2022/HDKT/CMH-TP mua ban bien hiệu da
123.207.822	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN NAM SÔNG HỒNG	28/12/2022	VTB2022.12.079	TT tiền hoá đơn 00000529
1.186.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN BẠCH ĐĂNG BISICO	30/12/2022	VTB2022.12.082	Tạm ứng hợp đồng số 2012/2022/HĐKT/BTN/CMH-BISICO
200.000.000	CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ THỌ	30/12/2022	MB2022.12.079	TT tiền mua xăng dầu

Số tiền	ĐV nhận tiền	Ngày TT	Số CT	Nội dung
135.710.000	CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG VIỆT LÂM	30/12/2022	MB2022.12.015	TT tiền mua bê tông tháng 11.2022
110.255.750	Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại BMK Việt Nam	30/12/2022	MB2022.12.014	TT công nợ BMK mua vật tư cho dự án cắm khe
13.942.510	Nguyễn Đức Quang	30/12/2022	MB2022.12.081	TT chi phí mua VT cho các dự án- Nguyễn Đức Quang

Tổng số tiền: 22.475.992.896 đồng (hai mươi hai tỷ bốn trăm bảy mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng)

1.2. Hợp đồng thi công xây dựng công trình thuỷ lợi Hồ chứa nước Krong Pách Thượng, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk

Số tiền	ĐV nhận tiền	Ngày TT	Số CT	Nội dung
345.030.624	CÔNG TY CỔ PHẦN CARBON VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI	22/07/2022	VTB2022.07.061	TT hợp đồng số 30062022/06-80/HĐKT-MT/CBR-CMHVIETNAM
100.000.000	Công ty TNHH xây dựng An Vinh Ban Mê	05/08/2022	VTB2022.08.007	TT tiền bê tông
35.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ ĐỊA KỸ THUẬT & HẠ TẦNG NANOTECH	09/08/2022	VTB2022.08.014	TT hợp đồng mua VT neo wep số 02/2022/HĐTC/CMH-NANOTECH
64.800.000	MẠI HƯƠNG PHÚC	17/08/2022	VTB2022.08.039	TT hợp đồng mua VT số 15082022/HP-CMH
77.378.564	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Nghiêm Anh	17/08/2022	VTB2022.08.038	Tạm ứng 30% GTHĐ số 1508/2022/HĐKT/CMH-NA
22.267.080	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ AN TOÀN ĐƯỜNG BỘ QUỲNH NGA	17/08/2022	VTB2022.08.037	Tạm ứng 30% GTHĐ số 0908/2022/HĐKT/CMH-QN
38.940.000	Công ty cổ phần thiết bị đầu tư Bình Minh	19/08/2022	VTB2022.08.050	TT hợp đồng số 01/HĐMB/PHUTUNG/BM-CMH mua cao su giảm giạt trống lu Dynapac
360.422.104	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC PYTAGO	24/08/2022	VTB2022.08.066	Tạm ứng hợp đồng số 08/10/2022/CMH-PYTOGO/HĐKT
100.000.000	Công ty TNHH xây dựng An Vinh Ban Mê	26/08/2022	VTB2022.08.070	TT tiền bê tông
447.059.250	CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU BẮC TÂY NGUYỄN	29/08/2022	VTB2022.08.078	TT công nợ Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyễn
314.092.869	Công ty cổ phần JIVC	30/08/2022	VTB2022.08.085	Tạm ứng hợp đồng số 1008/2022/CMH-JIVC/HĐKT
378.865.080	Công ty TNHH Thương Mại Đức Mạnh	30/08/2022	VTB2022.08.089	TT chi phí vận chuyển đất cho dự án Krongpack
66.120.000	Công ty TNHH Hoàng Sa	31/08/2022	VTB2022.08.095	TT tiền mua thép hợp đồng số 31/2022-HDKT
51.956.520	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ AN TOÀN ĐƯỜNG BỘ QUỲNH NGA	08/09/2022	MB2022.09.009	TT GTHĐ số 0908/2022/HĐKT/CMH-QN
14.880.000	CÔNG TY TNHH TÂN THỊNH	21/09/2022	VTB2022.09.007	Tạm ứng hợp đồng số 53/2022/HĐKT mua vật tư thảm đá, vải địa kỹ thuật
2.016.438	NH TMCP Vietinbank - CN Thành An	26/09/2022	VTB292	0320BG2200118-AmendBG-Phi sửa đổi
81.536.467	Theo danh sách chi tiết đính kèm	18/10/2022	MB2022.10.014	TT lương T09
22.320.000	CÔNG TY TNHH TÂN THỊNH	19/10/2022	VTB2022.10.026	Tạm ứng hợp đồng số 53/2022/HĐKT mua vật tư thảm đá, vải địa kỹ thuật
5.461.800	Trần Thị Vân	01/11/2022	MB2022.11.001	TT lương tháng 09.2022 Trần Thị Vân- Krongpack

Số tiền	ĐV nhận tiền	Ngày TT	Số CT	Nội dung
248.500.000	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG AN VINH BAN MÊ	02/11/2022	VTB2022.11.006	TT tiền mua bê tông
347.993.755	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC PYTAGO	04/11/2022	VTB2022.11.015	TT hợp đồng số 08/10/2022/CMH-PYTOGO/HĐKT
170.157.000	Công ty TNHH Thương Mại Đức Mạnh	04/11/2022	VTB2022.11.014	TT chi phí vận chuyển đất cho dự án Krongpack
9.968.000	Công ty cổ phần JIVC	04/11/2022	VTB2022.11.013	TT chi phí đầu neo cho dự án Krongpack
100.000.000	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG AN VINH BAN MÊ	11/11/2022	VTB2022.11.029	TT tiền mua bê tông
109.931.934	Theo danh sách chi tiết đính kèm	25/11/2022	MBBank	TT lương T10
384.311.000	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG AN VINH BAN MÊ	15/12/2022	VTB2022.12.026	TT tiền mua bê tông

Tổng số tiền: 5.229.456.185 đồng (năm tỷ hai trăm hai mươi chín triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn một trăm tám mươi tám nghìn lẻ năm đồng)

2. Sử dụng tiền cho mục đích mua sắm máy móc thiết bị thi công các hợp đồng xây dựng

Số tiền	ĐV nhận tiền	Ngày tháng	Số chứng từ CT	Nội dung

Tổng số tiền: 0 đồng (không đồng)



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 tổ chức ngày 28/04/2023.



Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành Công ty

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban Kiểm toán

Điều 37. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán

Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán

Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong Ủy ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

Điều 47. Năm tài chính

Điều 48. Chế độ kế toán

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

Điều 50. Báo cáo thường niên

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể Công ty

Điều 54. Gia hạn hoạt động

Điều 55. Thanh lý

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ Công ty

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam số ... ngày 28 tháng 04 năm 2023 tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 tổ chức ngày 28/04/2023.

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Điều lệ này thay thế toàn bộ các Điều lệ Công ty đã được ban hành trước đây.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều I. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
- h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **CMH VIET NAM GROUP JOINT STOCK COMPANY**

- Tên Công ty viết tắt: **CMH GROUP**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

- Điện thoại: 024 3573 8555

- Fax: 024 3856 4666

- E-mail: info@cmvietnam.vn & info@cmhgroup.vn

- Website: <http://www.cmvietnam.vn> & <http://www.cmhgroup.vn>

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 53, Công ty được phép hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và Điều lệ này.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật.

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành nghề ĐKKD	Mã ngành
1	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
2	Chuẩn bị mặt bằng	4312
3	Khai thác và thu gom than cứng	0510
4	Khai thác và thu gom than non	0520
5	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
6	Khai thác và thu gom than bùn	0892
7	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;	
8	Lắp đặt hệ thống điện	4321
9	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động)	7820
10	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước - Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài (theo giấy phép số 209/LĐT BXH - GP ngày 09/01/2009)	7830
11	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí	4329
12	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
13	Bán phụ tùng và các bộ phận hỗ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ	4530
14	Cho thuê xe có động cơ	7710
15	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh	7810

	ng nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lao động)	
16	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế, vật liệu xây dựng như cát, sỏi, kính phẳng, ống nổi, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác, bình đun nước nóng, thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su, dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay	4663
17	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
18	Phá dỡ	4311
19	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
20	Xây dựng nhà để ở	4101
21	Xây dựng nhà không để ở	4102
22	Xây dựng công trình đường sắt	4211
23	Xây dựng công trình đường bộ	4212
24	Xây dựng công trình điện	4221
25	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
26	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
27	Xây dựng công trình công ích khác	4229
28	Xây dựng công trình thủy	4291
29	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
30	Xây dựng công trình chế biến chế tạo	4293
31	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299 (Chính)
32	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
33	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
34	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
35	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	6820
36	Hoạt động kiến trúc và vật tư kỹ thuật có liên quan	7110
37	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
38	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322
39	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
40	Đào tạo sơ cấp	8531

41	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
42	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
43	Đào tạo trung cấp	8532
44	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
45	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
46	(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	Ngành nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

a) Mục tiêu của Công ty:

- Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất và kinh doanh;
- Nâng cao hiệu quả và đạt được mục tiêu thu tối đa các khoản lợi nhuận hợp lý;
- Tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động;
- Tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

b) Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu này cần phải có sự chấp thuận của cơ quan quản lý thì Công ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **254.525.000.000** đồng (Hai trăm năm mươi tư tỷ năm trăm hai mươi lăm triệu đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 25.452.500 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục ... đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn theo quy định của pháp luật hiện hành kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng Quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị.

4. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ủy ban Kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông

qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ủy ban Kiểm toán kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc, [trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định thời hạn khác]. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng [phương tiện khác] theo quy định trong Điều lệ công ty.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng Quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;



c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ủy ban Kiểm toán;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ủy ban Kiểm toán còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

c) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 03 (ba) lần tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị; thành viên độc lập Hội đồng Quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- d) Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và thành viên Ủy ban Kiểm toán;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 03 (ba) lần tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 03 (ba) lần tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ

đồng sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần

thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số.

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và

khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông

là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

d) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc

đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có)

và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng Quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị. Việc Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là 05 (năm) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng Quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng Quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải đảm bảo quy định: có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 03 đến 05 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác (bao gồm các thủ tục thực hiện dự án đầu tư và các hợp đồng liên quan đến dự án đầu tư đó) có giá trị trong phạm vi thẩm quyền và không quá giới hạn thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại điểm d khoản 1 điều 15 điều lệ này.
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng Quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

2. Hội đồng Quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng Quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời

gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ủy ban Kiểm toán;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ủy ban Kiểm toán;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

5. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban Kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán do Hội đồng Quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban Kiểm toán phải được Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

Điều 37. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban Kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng Quản trị khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.
2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán.
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
4. Xây dựng và trình Hội đồng Quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng Quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng Quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và trình Hội đồng Quản trị thông qua.

Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban Kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.

2. Ủy ban Kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban Kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban Kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Điều lệ công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban Kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban Kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán.

Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong Ủy ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban Kiểm toán và từng thành viên Ủy ban Kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban Kiểm toán;

c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;

d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;

e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;

g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng Quản trị và được Hội đồng Quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ủy ban Kiểm toán, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ủy ban Kiểm toán, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng Quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam nhất trí thông qua ngày 28/04/2023 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 05 (năm) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
CMH VIỆT NAM

Phạm Minh Phúc



Số: 01/2023/QC-HĐQT-CMH

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2023

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-DHĐCĐ-CMH ngày 28/04/2023.

QUY ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- 1.1. Quy chế này quy định, hướng dẫn các vấn đề liên quan đến quản trị công ty, bao gồm những nội dung chính sau đây:
- Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán;
 - Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;
 - Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc;
 - Các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (CMH Group) và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
- 1.2. Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và những người có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và viết tắt

2.1. Giải thích từ ngữ

- a. **Quản trị công ty:** là hệ thống các nguyên tắc để:
- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.
- b. **Người quản lý công ty:** bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- c. **Người điều hành công ty:** là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- d. **Công ty con:** là các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có và có một trong các quan hệ sau đây với CMH Group:
- CMH Group sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;
 - CMH Group có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty đó;
 - CMH Group có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.
- e. **Công ty liên kết:** là các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có; CMH Group sở hữu dưới 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của doanh nghiệp đó và doanh nghiệp đó không phải là công ty con của CMH Group.
- f. **Ủy ban Kiểm toán:** là Ủy ban Kiểm toán thuộc Hội đồng Quản trị
- g. **Ban Tổng Giám đốc:** bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc
- h. Các thuật ngữ khác được quy định tại Điều lệ Công ty và/hoặc các quy định pháp luật khác có liên quan.

2.2. Viết tắt

- a. Công ty/CMH Group: Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam
- b. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- c. HĐQT: Hội đồng Quản trị
- d. TGD: Tổng Giám đốc
- e. UBKT: Ủy ban Kiểm toán

Chương H

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ

- 3.1. ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
- 3.2. ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ sau:
- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 03 (ba) lần tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT, thành viên UBKT gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, UBKT;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động HĐQT, UBKT;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ

4.1. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ

HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

- a. HĐQT có thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ thường niên và ĐHĐCĐ bất thường theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trình tự, thủ tục triệu tập các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và ĐHĐCĐ bất thường phải được thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ Công ty.

- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đại diện Công ty triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định pháp luật trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm a khoản này.
- 4.2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
- Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT;
 - Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định;
 - Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
- 4.3. Thông báo về việc chốt ngày đăng ký cuối cùng để danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ:
- Công ty phải xác định và công bố thông tin ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách cổ đông) để làm cơ sở chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. Đồng thời báo cáo và nộp tài liệu căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
 - Công ty thực hiện chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ chậm nhất là 10 ngày trước ngày gửi thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ. Việc lập danh sách cổ đông dựa trên dữ liệu mà Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng.
- 4.4. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ:
- Thủ tục thông báo họp ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.
 - Cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty được thực hiện quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ phải gửi văn bản đề xuất cùng các tài liệu chứng minh về số lượng, thời gian nắm giữ cổ phiếu, biên bản đề xuất thống nhất nội dung đề xuất của cổ đông, nhóm cổ đông.
- 4.5. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ:
- Cổ đông có thể xác nhận việc tham dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức sau: thông qua các hình thức thư điện tử hoặc thư gửi qua bưu điện trong thời hạn được nêu tại Thông báo mời họp

ĐHĐCĐ.

- b. Nếu cổ đông không thể tham dự họp ĐHĐCĐ thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo các quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền hoặc văn bản ủy quyền được lập theo mẫu của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật được đính kèm thông báo mời họp.
- c. Việc chấm dứt hoặc thay đổi đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trước thời hạn tổ chức ĐHĐCĐ. Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
- d. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- e. Cổ đông đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được tiến hành và biểu quyết trước đó không bị ảnh hưởng và không thay đổi.

4.6. Điều kiện tiến hành:

Điều kiện tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định tại Điều lệ Công ty.

4.7. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ:

Nghị quyết của ĐHĐCĐ có thể được thông qua bằng một trong những hình thức sau đây:

- a. Hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ: áp dụng đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền.
- b. Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: áp dụng đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
- c. Hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

4.8. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết, kiểm phiếu biểu quyết, thông báo kết quả biểu quyết:

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

4.9. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

4.10. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ:

- a. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh có các nội dung chủ yếu sau:

(i) Tên, địa chỉ, mã số doanh nghiệp

- (ii) Thời gian, địa điểm họp ĐHĐCĐ
 - (iii) Chương trình họp và nội dung cuộc họp
 - (iv) Họ tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.
 - (v) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp.
 - (vi) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
 - (vii) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó có ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - (viii) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
- b. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.
- c. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa, Thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- d. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
- e. Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại các cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục.
- f. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4.11. Công bố nghị quyết ĐHĐCĐ:

Biên bản họp ĐHĐCĐ/Biên bản kiểm phiếu, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan phải được công bố trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua và phải được lưu giữ, truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

4.12. Hàng năm Công ty phải tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ

đồng bằng văn bản.

- 4.13. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, ĐHĐCĐ có thể thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình bằng cách lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức Công ty trực tiếp thực hiện và/hoặc sử dụng dịch vụ bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định về việc cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Trình tự và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức sử dụng dịch vụ bỏ phiếu điện tử của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam sẽ được thực hiện theo Quy chế bỏ phiếu điện tử của Công ty và đúng quy định của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 5. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 6. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tuyến

- 6.1. Công ty có thể áp dụng hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác để tổ chức họp và thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ.
- 6.2. HĐQT chịu trách nhiệm chỉ đạo xây dựng các quy chế, quy trình; chuẩn bị phương tiện để đảm bảo việc lấy ý kiến cổ đông thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức được quy định tại khoản 6.1. phù hợp với công nghệ và quy định pháp luật từng thời kỳ.

Điều 7. Thông báo nghị quyết của ĐHĐCĐ ra công chúng

Công ty có trách nhiệm thông báo Nghị quyết của ĐHĐCĐ ra công chúng theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức phản đối Nghị quyết của ĐHĐCĐ

- 8.1. Trong trường hợp cổ đông phản đối quyết định của ĐHĐCĐ thì cổ đông đó phải thực hiện bằng hình thức văn bản, ghi rõ họ tên và mã số dự ĐHĐCĐ và nội dung, lý do về việc phản đối. Văn bản này được chuyển đến Thư ký cuộc họp để ghi nhận.
- 8.2. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó có ghi rõ họ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 9. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên phải tuân theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

Điều 10. Tham dự ĐHĐCĐ của kiểm toán viên độc lập

Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán có thể được mời dự họp ĐHĐCĐ thường niên.

Chương III**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****Điều 11. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT**

11.1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

11.2. HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 12. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT

Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 13. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT

13.1. Thành viên HĐQT phải đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- c. Có năng lực lãnh đạo, liêm chính, đạo đức, trách nhiệm.
- d. Có khả năng cân bằng lợi ích của các bên có lợi ích liên quan và đưa ra quyết định hợp lý.
- e. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh TGD của Công ty.
- f. Thành viên HĐQT của Công ty chỉ được đồng thời là Thành viên của HĐQT tại tối đa 05 công ty khác.
- g. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

13.2. Ngoài quy định tại khoản 1, Thành viên độc lập HĐQT có phải đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
- b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định.
- c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc

công ty con của Công ty.

- d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- e. Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, UBKT của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 14. Cách thức ứng cử, đề cử và bầu thành viên HĐQT

14.1. Cách thức ứng cử, đề cử thành viên HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

14.2. Cách thức giới thiệu ứng cử viên thành viên HĐQT: Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
- b. Trình độ chuyên môn.
- c. Quá trình công tác.
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác).
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty.
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

14.3. Cách thức bầu thành viên HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT.

Điều 15. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

15.1. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

15.2. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Cuộc họp của HĐQT

HĐQT tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế Hoạt động của HĐQT.

Điều 17. Người phụ trách quản trị Công ty

Việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty được quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 18. Các Tiểu ban của HĐQT

Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 19. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT

- 19.1. Công ty có quyền trả thù lao và lợi ích khác cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 19.2. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 19.3. Thành viên HĐQT được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.
- 19.4. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

Chương IV**ỦY BAN KIỂM TOÁN****Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của UBKT**

UBKT có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 20.1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên HĐQT khác, TGD, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của UBKT.
- 20.2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của UBKT.
- 20.3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
- 20.4. Xây dựng và trình HĐQT các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với HĐQT các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
- 20.5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến HĐQT khi phát hiện thành viên HĐQT, TGD và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- 20.6. Xây dựng Quy chế hoạt động của UBKT và trình HĐQT thông qua.

Điều 21. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên UBKT

Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên UBKT được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Chương V**TỔNG GIÁM ĐỐC****Điều 22. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của TGD**

TGD là người giữ chức vụ cao nhất của Ban TGD, là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Điều 23. Bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với TGD

Bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với TGD được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Chương VI**CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC****Điều 24. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, UBKT và TGD**

24.1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, UBKT và TGD:

- a. Khi thấy cần thiết, Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT có thể mời Ban TGD hoặc Người điều hành khác có liên quan tham dự cuộc họp HĐQT.
- b. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản được thực hiện theo quy định của Quy chế này và quy định của Công ty.
- c. Tại các phiên họp định kỳ/đột xuất của Ban TGD, người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp có thể quyết định mời Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Chủ tịch UBKT, thành viên UBKT cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có). Nội dung cuộc họp gửi về HĐQT, UBKT để báo cáo.

24.2. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT cho TGD

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được gửi đến TGD theo quy định.

24.3. Các trường hợp TGD, UBKT đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

- a. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - Có đề nghị của thành viên độc lập HĐQT;
 - Có đề nghị của TGD hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;
 - Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

- b. Đề nghị quy định tại khoản a Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- c. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.
- 24.4. Báo cáo của TGD với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao
- a. TGD chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo HĐQT, ĐHĐCĐ định kỳ cũng như các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định và khi được yêu cầu.
- b. TGD có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc và báo cáo kịp thời các công việc theo Nghị quyết HĐQT và các vấn đề khác được HĐQT/Chủ tịch HĐQT ủy quyền thực hiện.
- c. TGD phải báo cáo trong các cuộc họp HĐQT về các vấn đề như: các quyết định trong quá trình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, đầu tư, hoạt động điều hành Công ty theo quy định; các vấn đề ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động của Công ty, cổ đông và thị trường, các rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty, hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác.
- d. TGD phải trình HĐQT kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- e. TGD chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình đề HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin theo quy định của Công ty.
- f. TGD có trách nhiệm thiết lập và duy trì thực hiện chế độ thông tin báo cáo đối với HĐQT, UBKT bao gồm cả cách thức gửi/nhận thông tin, báo cáo đảm bảo an toàn, bảo mật theo quy định của Công ty.
- g. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo cầu của HĐQT, TGD và người điều hành khác phải báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp thông tin, báo cáo kịp thời.
- 24.5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với TGD
- TGD chịu trách nhiệm về việc thực hiện nghị quyết HĐQT và các vấn đề được HĐQT phân cấp/ủy quyền đồng thời có trách nhiệm báo cáo các nội dung đã thực hiện hoặc chưa thực hiện cũng như kết quả việc thực hiện.
- 24.6. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành

viên UBKT và TGD theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên

- a. Thành viên HĐQT, thành viên UBKT, TGD phải phối hợp hoạt động, kiểm soát, điều hành, giám sát lẫn nhau theo đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Công ty.
 - b. Việc phối hợp này nhằm tránh xung đột về quyền và nghĩa vụ, đảm bảo lợi ích cao nhất của Công ty, tuân thủ thực hiện theo các quy định của pháp luật.
- 24.7. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên UBKT, TGD và các người điều hành doanh nghiệp khác
- a. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, HĐQT tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành của từng thành viên HĐQT, TGD và các người điều hành khác của Công ty.
 - b. Trưởng ban Kiểm toán tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên UBKT.
 - c. Tiêu chí đánh giá hoạt động và xếp loại đánh giá, khen thưởng, kỷ luật thực hiện theo quy định của Công ty trong từng thời kỳ.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Điều khoản thi hành

- 25.1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và các nội dung trước đây trái với Quy định này hết hiệu lực thi hành.
- 24.1. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của CMH Group và pháp luật. Khi nào có nội dung nào trong Quy chế này trái với quy định của pháp luật thì nội dung đó đương nhiên hết hiệu lực thi hành.
- 24.2. Các thành viên HĐQT, thành viên UBKT, Ban TGD, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng/Ban và các cá nhân/đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.
- 24.3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT quyết định.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- UBKT;
- Ban TGD;
- Các Phòng/Ban;
- Lưu VT.



Phạm Minh Phúc

Số: 02/2023/QC-HĐQT-CMH

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2023

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-DHĐCĐ-CMH ngày 28/04/2023.

QUY ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- 1.1. Quy chế này quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (CMH Group) và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
- 1.2. Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và viết tắt

2.1. Giải thích từ ngữ

- a. **Công ty con:** là các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có và có một trong các quan hệ sau đây với CMH Group:
 - CMH Group sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;
 - CMH Group có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty đó;
 - CMH Group có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.

- b. **Công ty liên kết:** là các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có; CMH Group sở hữu dưới 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của doanh nghiệp đó và doanh nghiệp đó không phải là công ty con của CMH Group.
- c. **Ủy ban Kiểm toán:** là Ủy ban Kiểm toán thuộc Hội đồng Quản trị
- d. **Ban Tổng Giám đốc:** bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc

2.2. Viết tắt

- a. Công ty/CMH Group: Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam
- b. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- c. HĐQT: Hội đồng Quản trị
- d. TGD: Tổng Giám đốc
- e. Ủy ban Kiểm toán: UBKT

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT

- 3.1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của Công ty.
- 3.2. HĐQT giao trách nhiệm cho TGD tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Chương H

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT

- 4.1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
- 4.2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty.
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.
 - d. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm

gần nhất trước thời điểm giao dịch.

- e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
- f. Thành viên HĐQT độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT

- 5.1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu TGD, Phó TGD, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
- 5.2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT

- 6.1. Số lượng thành viên HĐQT là 05 người, theo quy định cụ thể số lượng thành viên HĐQT tại Điều lệ Công ty.
- 6.2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên HĐQT độc lập của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
- 6.3. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.
- 6.4. Điều lệ Công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập (nếu có).

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT

- 7.1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
 - c. Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác;
 - d. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.
- 7.2. Thành viên HĐQT độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công

- ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
 - f. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.
- 7.3. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.
- 7.4. Thực hiện các trách nhiệm và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Chủ tịch HĐQT

- 8.1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.
- 8.2. Chủ tịch HĐQT Công ty không được kiêm TGD.
- 8.3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - e. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- 8.4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo

nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

- 8.5. Khi xét thấy cần thiết, HĐQT quyết định bổ nhiệm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ, HĐQT; ghi chép các biên bản họp;
 - Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

- 9.1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
- 9.2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
- Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
- 9.3. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 9.1 và khoản 9.2 Điều này.
- 9.4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
- Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

- b. Số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;
- c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

- 10.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty có quyền đề cử người vào HĐQT. Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào HĐQT thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT và các cổ đông khác đề cử.
- 10.2. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.
- 10.3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
- 10.4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

- 11.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu,

ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).
- 11.2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

- 12.1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- 12.2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ Công ty và ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với TGD và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j. Giám sát, chỉ đạo TGD và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết;
- m. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ;
- n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 12.3. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.
- 12.4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

13.1. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên HĐQT, TGD, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

13.2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Thành viên HĐQT về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

14.1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

- a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên HĐQT còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

14.2. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:

Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c khoản 14.1 Điều này;

14.3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e. Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT;
- f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;
- h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các Ủy ban/Tiểu ban giúp việc HĐQT

- 15.1. HĐQT có thể thành lập Ủy ban/Tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của Ủy ban/Tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong Ủy ban/Tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Chủ tịch Ủy ban/Trưởng Tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của Ủy ban/Tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của Ủy ban/Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Ủy ban/Tiểu ban.
- 15.2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của Ủy ban/Tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp HĐQT

- 16.1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
- 16.2. HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
- 16.3. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của thành viên độc lập HĐQT;
 - b. Có đề nghị của TGD hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;

d. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

16.4. Đề nghị quy định tại khoản 16.3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

16.5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 16.3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

16.6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

16.7. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên HĐQT.

16.8. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

16.9. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 16.11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

16.10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

16.11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

16.12. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

Điều 17. Biên bản họp HĐQT

17.1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 17.2 Điều này.

17.2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 17.1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

17.3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

17.4. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

17.5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hàng năm

18.1. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ báo cáo sau đây:

- a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của UBKT.
- 18.2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 18.1 Điều này phải được gửi đến UBKT để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.
- 18.3. Báo cáo quy định tại các khoản 18.1, 18.2 Điều này, báo cáo thẩm định của UBKT và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

- 19.1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 19.2. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 19.3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.
- 19.4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các Ủy ban/Tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
- 19.5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các Ủy ban/Tiểu ban của HĐQT.
- 19.6. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

- 20.1. Thành viên HĐQT của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
- 20.2. Việc kê khai quy định tại khoản 20.1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 20.3. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI**MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****Điều 21. Mối quan hệ giữa các Thành viên HĐQT**

- 21.1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các Thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- 21.2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
- 21.3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết đề TGD và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ủy ban Kiểm toán

- 23.1. Mối quan hệ giữa HĐQT và UBKT là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với UBKT theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
- 23.2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của UBKT, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Điều khoản thi hành

- 24.1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và các nội dung trước đây trái với Quy định này hết hiệu lực thi hành.
- 24.2. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của CMH Group và pháp luật. Khi nào có nội dung nào trong Quy chế này trái với quy định của pháp luật thì nội dung đó đương nhiên hết hiệu lực thi hành.
- 24.3. Các thành viên HĐQT, thành viên UBKT, Ban TGD, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng/Ban và các cá nhân/đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.
- 24.4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT quyết định.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- UBKT;
- Ban TGD;
- Các Phòng/Ban;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Minh Phúc